



NIỀM TIN
TRÁCH NHIỆM
CHUYỂN MÌNH

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2025

www.evnfc.vn

MỤC LỤC

01

THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4. Định hướng phát triển
5. Các rủi ro

04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2025

1. Tình hình hoạt động kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

02

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng Quản trị
2. Ban Kiểm soát
3. Các giao dịch, lương, thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

05

03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo kết quả kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển
5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc với ý kiến kiểm toán (nếu có)
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Thông tin chung
2. Báo cáo của Ban Điều hành
3. Báo cáo Kiểm toán độc lập
4. Bản thuyết minh Báo cáo Tài chính

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý Cổ đông, Quý Nhà đầu tư, Quý Đối tác và Quý Khách hàng,

Năm 2025 là một năm bút phá mạnh mẽ của nền kinh tế và thị trường tài chính Việt Nam. Trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều biến động và tăng trưởng toàn cầu có dấu hiệu chậm lại, Việt Nam đã xuất sắc hoàn thành và vượt toàn bộ 15/15 chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế - xã hội, mức tăng trưởng GDP ấn tượng đạt 8,02%. Đây có thể được xem là "thời điểm vàng" để các định chế tài chính bản lĩnh vươn mình.

Tuy nhiên, trong một kỷ nguyên mà biến động kinh tế không còn diễn ra theo chu kỳ thông thường, công nghệ không còn là lợi thế riêng biệt mà trở thành điều kiện tất yếu, áp lực tăng trưởng trên thị trường tài chính chưa bao giờ lớn đến thế. Đứng trước những "con sóng" ấy, tại EVF, chúng tôi luôn tự hỏi: Điều gì giúp một doanh nghiệp đi đường dài? Câu trả lời không nằm ở những lợi thế cạnh tranh ngắn hạn mà chính là những giá trị cốt lõi được vun đắp, thử thách qua thời gian.

Với EVF, niềm tin là một tài sản dài hạn. Trong suốt hành trình hơn 17 năm qua, niềm tin được trao gửi từ cổ đông, khách hàng, đối tác và nhà đầu tư trở thành điểm tựa để chúng tôi kiên định, bền bỉ trên hành trình kinh doanh có trách nhiệm. Niềm tin ấy được xây dựng từ sự minh bạch trong quản trị, sự kỷ luật trong điều hành và cam kết không lay chuyển về sự an toàn của dòng vốn.

Đứng trước ngưỡng cửa năm 2026, chúng tôi xác định đây là thời điểm để EVF chuyển mình sang một **quỹ đạo phát triển mới: Bền vững và Thịnh vượng**. Với Hội đồng Quản trị, chiến lược của chúng tôi không chỉ dừng lại ở những con số tăng trưởng cơ học, mà tập trung vào xây dựng **Niềm tin** – tài sản dài hạn quý giá nhất mà chúng tôi đã vun đắp suốt 17 năm qua.

Trong kỷ nguyên mới, EVF cam kết:

Tiếp tục tăng trưởng tài chính xanh, tài chính bền vững: Ưu tiên nguồn lực cho năng lượng xanh, đồng hành cùng mục tiêu "Net Zero" của quốc gia và dành nguồn tài chính cho doanh nghiệp tư nhân.

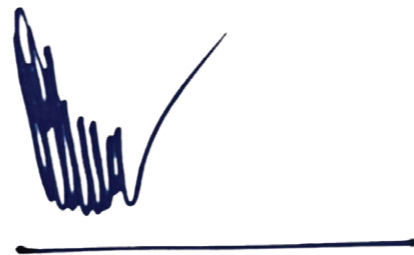
Quản trị minh bạch: Áp dụng các chuẩn mực quốc tế để bảo vệ quyền lợi tối đa cho cổ đông và nhà đầu tư.

Kiến tạo giá trị: Xây dựng môi trường làm việc hạnh phúc, nơi con người là trung tâm của mọi sự đổi mới.

Chúng tôi tin rằng, khi chiến lược đúng đắn gặp gỡ niềm tin trọn vẹn từ thị trường, EVF sẽ chinh phục những tầm cao mới, đóng góp vào sự hùng cường của đất nước.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý Cổ đông, Quý Nhà đầu tư, Quý Đối tác và Quý Khách hàng đã luôn đồng hành cùng EVF.

Trân trọng!



Chủ tịch Hội đồng Quản trị
PHẠM TRUNG KIÊN

CHÚNG TÔI TIN RẰNG, KHI CHIẾN LƯỢC ĐÚNG ĐẮN GẶP GỠ NIỀM TIN TRỌN VẸN TỪ THỊ TRƯỜNG, EVF SẼ CHINH PHỤC NHỮNG TẦM CAO MỚI, ĐÓNG GÓP VÀO SỰ HÙNG CƯỜNG CỦA ĐẤT NƯỚC.



THÔNGIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính gửi Quý Cổ đông, Quý Nhà đầu tư, Quý Đối tác và Quý Khách hàng,

Hiện thực hóa định hướng chiến lược của Hội đồng Quản trị, năm 2025, Ban Điều hành EVF đã tập trung triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động với nguyên tắc xuyên suốt: **"Tăng trưởng đi đôi với an toàn – Mở rộng quy mô gắn với nâng cao chất lượng tài sản – Tối ưu hiệu quả vốn"**. Nhờ sự kiên định đó, EVF đã ghi nhận những kết quả tích cực:

Về quy mô và lợi nhuận: Tính đến ngày 31/12/2025, tổng tài sản đạt **83.058 tỷ đồng**, hoàn thành 104% kế hoạch và tăng 39% so với năm 2024. Lợi nhuận trước thuế đạt **1.104 tỷ đồng**, vượt 15% chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông giao.

Về chất lượng vận hành: Chất lượng tài sản được kiểm soát chặt chẽ với tỷ lệ nợ xấu (NPL) chỉ ở mức **0,75%**. Các chỉ số an toàn như hệ số CAR (11,16%) và tỷ lệ CIR (12,67%) đều được duy trì ở mức tối ưu.

Về thương hiệu: Việc đổi mới nhận diện thương hiệu sang hình ảnh trẻ trung, năng động là cột mốc quan trọng trong hành trình tái định vị, thể hiện khát vọng nâng tầm vị thế của EVF trên thị trường tài chính.

Bước sang năm 2026, hiện thực hóa tầm nhìn chiến lược của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành đặt mục tiêu đưa EVF bước vào giai đoạn **tăng trưởng bản lề, làm cơ sở hướng tới EVF là doanh nghiệp tỷ USD trong một vài năm tới**. Chúng tôi cam kết tập trung nguồn lực để hiện thực hóa các mục tiêu trọng tâm sau:

1. Tăng trưởng quy mô song hành cùng chất lượng tài sản

Chúng tôi đặt kế hoạch bút tốc với mục tiêu Tổng tài sản đạt 94.500 tỷ đồng và Lợi nhuận trước thuế 1.332 tỷ đồng. Chúng tôi kiên định mục tiêu tăng trưởng không đánh đổi an toàn; các chỉ tiêu an toàn vốn và tỷ lệ nợ xấu sẽ luôn được giám sát và kiểm soát nghiêm ngặt.

2. Tối ưu hóa sản phẩm, duy trì tài chính xanh và hỗ trợ kinh tế tư nhân

EVF sẽ mở rộng các kênh sản phẩm dịch vụ có chọn lọc nhằm phân tán rủi ro và gia tăng doanh thu từ phí. Tiếp tục phát huy thế mạnh cốt lõi, chúng tôi ưu tiên dòng vốn cho năng lượng tái tạo, đồng thời đẩy mạnh hỗ trợ khối kinh tế tư nhân, các doanh nghiệp SME, doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, đặc biệt là các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.

3. Tiếp tục số hóa toàn diện và trải nghiệm khách hàng

Năm 2026 sẽ là năm tiếp tục chuyển đổi số mạnh mẽ. EVF tập trung xây dựng các sản phẩm dịch vụ số chuyên biệt cho từng phân khúc khách hàng, đồng thời tự động hóa các quy trình vận hành truyền thống, hướng tới mục tiêu số hóa toàn diện hoạt động kinh doanh.

4. Nâng cao năng lực thực thi và kỷ luật quản trị rủi ro

Ban Điều hành cam kết duy trì các chỉ số tài chính lành mạnh và hệ số an toàn vốn đúng như cam kết. Kỷ luật trong điều hành và sự minh bạch trong mọi hoạt động sẽ là "kim chỉ nam" để chúng tôi bảo vệ quyền lợi cao nhất cho Quý vị.

Kính thưa Quý vị,

Trong Kỷ nguyên vươn mình của đất nước, EVF đang đứng trước vận hội lớn để khẳng định tầm vóc mới. Với nội lực đã tích lũy và tinh thần đổi mới không ngừng, chúng tôi tin tưởng sẽ hoàn thành xuất sắc các mục tiêu năm 2026, góp phần kiến tạo một Việt Nam thịnh vượng.

Trân trọng cảm ơn sự tin yêu và đồng hành của Quý vị.


Trân trọng!



Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
LÊ MẠNH LINH

**TRONG KỶ NGUYÊN VƯƠN MÌNH
CỦA ĐẤT NƯỚC, EVF ĐANG ĐỨNG
TRƯỚC VẬN HỘI LỚN ĐỂ KHẲNG
ĐỊNH TẦM VÓC MỚI. VỚI NỘI LỰC
ĐÃ TÍCH LŨY VÀ TINH THẦN ĐỔI
MỚI KHÔNG NGỪNG, CHÚNG TÔI
TIN TƯỞNG SẼ HOÀN THÀNH XUẤT
SẮC CÁC MỤC TIÊU NĂM 2026, GÓP
PHẦN KIẾN TẠO MỘT VIỆT NAM
THỊNH VƯỢNG.**





NIỀM TIN ĐƯỢC TRAO GỬI TỪ ĐỐI TÁC,
KHÁCH HÀNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ LÀ ĐỘNG LỰC ĐỂ
EVF KIÊN ĐỊNH TRÊN HÀNH TRÌNH KINH DOANH
CÓ TRÁCH NHIỆM, ĐỒNG THỜI CHỦ ĐỘNG
CHUYỂN MÌNH, BƯỚC VÀO MỘT QUỸ ĐẠO
PHÁT TRIỂN MỚI: BỀN VỮNG VÀ THỊNH VƯỢNG.

01

CHƯƠNG

THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4. Định hướng phát triển
5. Các rủi ro





1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	0102806367 đăng ký lần đầu ngày 08/7/2008, đăng ký thay đổi lần thứ mười tám ngày 26 tháng 12 năm 2023. Giấy phép hoạt động số 187/GP-NHNN ngày 07 tháng 07 năm 2008 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN") cấp, sửa đổi bổ sung theo các Quyết định trong từng thời kỳ.
Vốn Điều lệ (tại 31/12/2025)	7.605.658.020.000 đồng
Địa chỉ	Tầng 6 và 7, Tòa nhà Thaisquare Caliria - số 11A Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội, Việt Nam.
Số điện thoại	024. 22229999
Số fax	024. 22221999
Website	www.evnc.vn
Mã cổ phiếu	EVF
Sàn niêm yết	HOSE



Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực (EVF/Công ty) được thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 09 năm 2008. Trải qua hơn 17 năm hình thành và phát triển, trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều biến động và thách thức, EVF đã chủ động thích ứng, tận dụng hiệu quả các cơ hội và điều kiện thuận lợi, từng bước củng cố nền tảng hoạt động, qua đó đạt được nhiều kết quả tích cực và đáng ghi nhận:

- Hoạt động hiệu quả, an toàn, đảm bảo thanh khoản trong mọi thời điểm. Kết quả hoạt động kinh doanh có lợi nhuận tăng trưởng qua hàng năm. Các chỉ tiêu tỷ lệ về an toàn hoạt động luôn tuân thủ theo quy định.
- Nguồn nhân lực ổn định và phát triển, là yếu tố cốt lõi để triển khai hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả, hướng tới phát triển bền vững.
- Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch UPCOM từ tháng 8 năm 2018 và cổ phiếu EVF đã chính thức niêm yết, giao dịch trên sàn HOSE từ ngày 12/01/2022.

CÁC CỘT MỐC PHÁT TRIỂN

29/5/2008: Đại hội đồng cổ đông đầu tiên của Công ty.

01/9/2008: Công ty chính thức khai trương và đi vào hoạt động với sứ mệnh và mục tiêu thu xếp vốn và quản lý nguồn vốn chuyên nghiệp cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Vốn điều lệ của Công ty đạt 2.500 tỷ đồng, đứng trong nhóm đầu về quy mô trong hệ thống các công ty Tài chính tại Việt Nam tại thời điểm đó.

Tháng 4/2010: 02 Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Đà Nẵng chính thức hoạt động, đánh dấu sự có mặt của EVF tại 02 vùng kinh tế trọng điểm của đất nước.

Tháng 7/2010: Cột mốc đầu tiên đối với hoạt động dịch vụ quản lý ủy thác cho vay lại, kiểm soát chi - được Chính phủ giao là Cơ quan cho vay lại khoản vay ưu đãi cho Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2, từng bước khẳng định thực hiện hiệu quả mục tiêu là đầu mối quản trị vốn và thu xếp vốn cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các đơn vị thành viên, dần khẳng định vị thế trên thị trường tài chính trong nước.

Ra mắt thương hiệu EasyCredit, cung cấp sản phẩm cho vay tiêu dùng.

Chính thức đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch UPCOM, tháng 8/2018.



Tăng vốn điều lệ lên 3.047 tỷ đồng.

Vị trí xếp hạng tín nhiệm B2 do tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế Moody's Investors Service (Moody's) đánh giá.

Đạt giải "Giao dịch của năm" cho giao dịch phát hành Trái phiếu Xanh được trao tại IJGlobal Awards 2022 diễn ra vào tháng 3/2023 tại Singapore.

Lần đầu tiên phát hành Báo cáo phát triển bền vững.

Tăng vốn điều lệ lên 7.042 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 1:1 và phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP).

Tiếp tục được Moody's đánh giá xếp hạng tín nhiệm B2 năm thứ 3 liên tiếp.

Đánh dấu 15 năm hình thành và phát triển với nhiều hoạt động ý nghĩa với thông điệp Vững bước thành công.

Số hóa mạnh mẽ các quy trình nghiệp vụ và đưa công nghệ vào hoạt động kinh doanh.

Thực hiện bước chuyển mình toàn diện với việc thay đổi trụ sở chính về địa chỉ 11A Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội; thay đổi tên Công ty, logo nhận diện EVF và chính thức tái định vị thương hiệu theo hướng hiện đại, tiên phong.

Đạt danh hiệu "Công ty Tài chính của năm 2025" tại Giải thưởng Fchoice 2025, ghi nhận uy tín thương hiệu và hiệu quả hoạt động trên thị trường.

Tiếp tục giữ vững xếp hạng tín nhiệm B2 từ Moody's trong năm thứ 5 liên tiếp (2021 - 2025), được đánh giá tích cực về triển vọng nâng hạng trong tương lai.

Khai trương Chi nhánh Hà Nội - chi nhánh đầu tiên tại miền Bắc, đánh dấu cột mốc quan trọng trong chiến lược mở rộng mạng lưới, nâng cao năng lực phục vụ khách hàng.

2008

2010

2018

2021

2023

2025

2009

2012

2020

2022

2024

Văn kiện ghi nhớ hợp tác triển khai **cơ chế phát triển sạch (CDM)** cho các dự án năng lượng tại Việt Nam với Đại sứ quán Đan Mạch, cột mốc đầu tiên cho quá trình triển khai hoạt động dịch vụ CDM.

Áp dụng **hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008** do Viện Tiêu chuẩn Anh Quốc (British Standards Institution), một tổ chức hàng đầu quốc tế đánh giá và cấp chứng nhận.

Tăng vốn điều lệ lên 2.649 tỷ đồng.

Chuyển sàn giao dịch từ UPCOM sang HOSE và chính thức giao dịch trên HOSE từ ngày 12/01/2022.

Tăng vốn điều lệ lên 3.510 tỷ đồng.

Top 10 thương hiệu mạnh năm 2022 ngành Dịch vụ Tài chính.

Áp dụng hệ thống quản lý An toàn thông tin (ISMS) phục vụ cho các hoạt động kinh doanh theo tiêu chuẩn ISO/IEC 27001:2013 do Viện Tiêu chuẩn Anh Quốc (British Standards Institution), một tổ chức hàng đầu quốc tế đánh giá và cấp chứng nhận.

Vị trí xếp hạng tín nhiệm B2 do tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế Moody's Investors Service (Moody's) đánh giá triển vọng ổn định trong năm thứ 2.

Trở thành hội viên của Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam.

Đạt giải Best Frontier Market Deal - Giao dịch thị trường cận biên tốt nhất cho giao dịch phát hành Trái phiếu Xanh do Tạp chí FinanceAsia bình chọn.

Là thương hiệu trong nhóm ngành tài chính duy nhất được vinh danh trong Top 25 Thương hiệu dẫn đầu Việt Nam năm 2024 theo bình chọn của Forbes Việt Nam.

Đạt chứng nhận Hạng Vàng năm 2024 về Bảo vệ khách hàng từ Inclusion [Social Ratings].

Tăng vốn Điều lệ lên 7.605 tỷ đồng.

Giữ vững mức xếp hạng tín nhiệm B2 từ Moody's năm thứ 4 liên tiếp.

Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 do Viện Tiêu chuẩn Anh Quốc (British Standards Institution) chứng nhận

Quyết tâm đưa ESG vào hành trình bền vững, tích hợp các yếu tố Môi trường - Xã hội - Quản trị (ESG) vào hoạt động kinh doanh, thể hiện cam kết phát triển bền vững và trách nhiệm với cộng đồng.

2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Dịch vụ huy động vốn: Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn của tổ chức; Phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu để huy động vốn của các tổ chức; Vay vốn của các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và ngoài nước và các tổ chức tài chính quốc tế; Tiếp nhận vốn ủy thác của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước...;
- Dịch vụ cho vay: Cho vay ngắn hạn, trung và dài hạn đối với tổ chức, cá nhân; Cho vay tiêu dùng;
- Nhận vốn ủy thác của tổ chức, cá nhân để thực hiện hoạt động cấp tín dụng được phép; ủy thác vốn cho tổ chức tín dụng khác thực hiện hoạt động cấp tín dụng;
- Dịch vụ bảo lãnh ngân hàng;
- Dịch vụ chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng, các giấy tờ có giá khác;
- Dịch vụ ngoại hối;
- Dịch vụ bao thanh toán; Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán;
- Dịch vụ tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép;
- Dịch vụ cho thuê tài chính;
- Dịch vụ phát hành thẻ tín dụng;
- Dịch vụ đại lý bảo hiểm;
- Các dịch vụ và hoạt động kinh doanh khác theo Giấy phép thành lập và hoạt động, và theo quy định của pháp luật.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

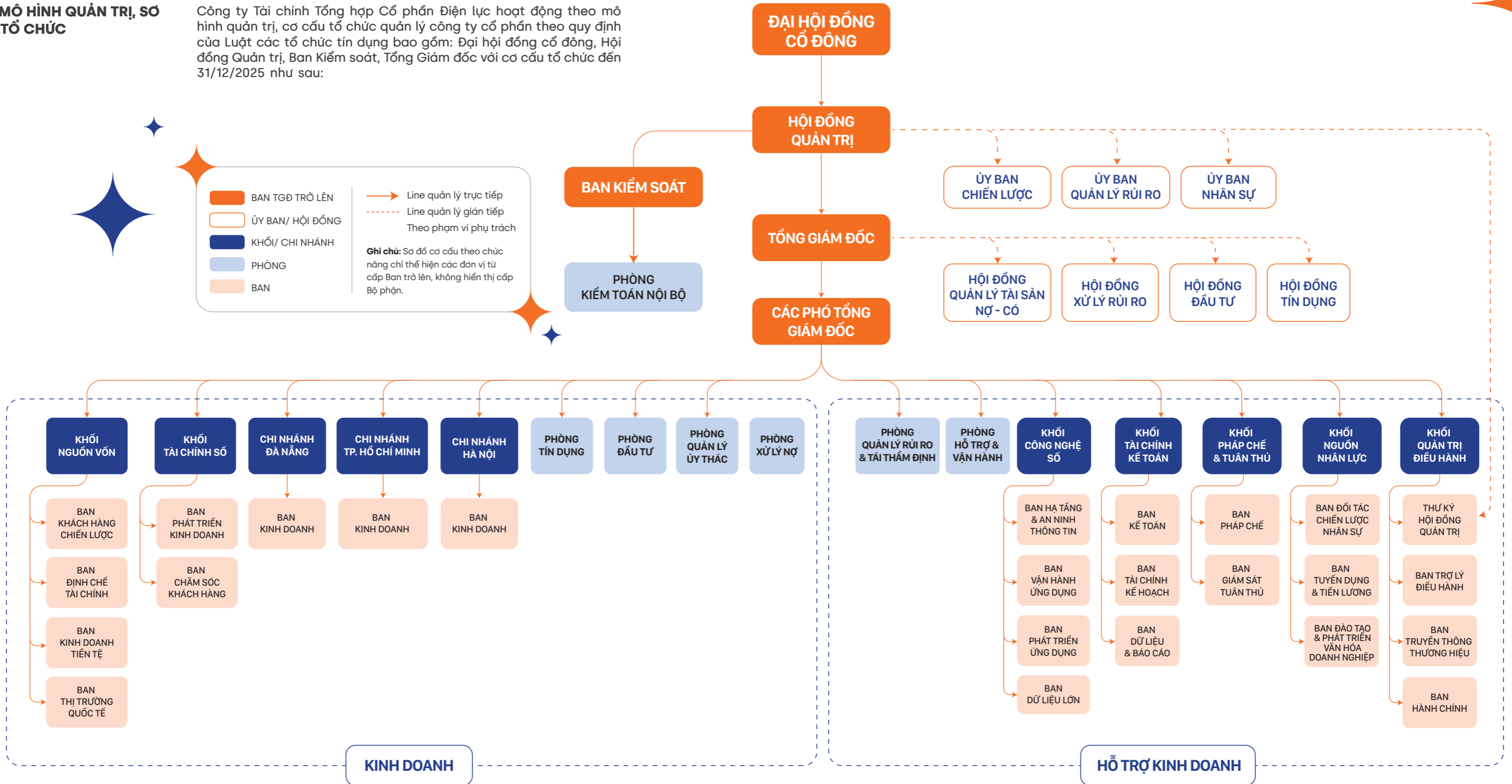
Trong năm 2025, Công ty đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ Tầng 14, 15 & 16 Tháp B – Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, TP. Hà Nội, Việt Nam sang địa chỉ Tầng 6 và 7, Tòa nhà Thaisquare Caliria, số 11A Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, TP. Hà Nội, Việt Nam. Bên cạnh 02 Chi nhánh tại Thành phố Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty đã khai trương chi nhánh tại Thành phố Hà Nội trong năm 2025, cung cấp dịch vụ tới các địa bàn tại tất cả các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.



3. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

3.1. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực hoạt động theo mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức quản lý công ty cổ phần theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc với cơ cấu tổ chức đến 31/12/2025 như sau:





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ!

3.2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT TẠI 31/12/2025

Hội đồng Quản trị (HDQT)

Cơ cấu thành viên HDQT của EVF đa dạng về chuyên môn nghiệp vụ, có kinh nghiệm từng giữ nhiều vị trí lãnh đạo tại các tổ chức tín dụng, các tổ chức kinh tế. Cơ cấu độ tuổi của các thành viên HDQT trải rộng từ độ tuổi 40 đến 55, hội tụ đủ các yếu tố về kinh nghiệm và sức trẻ.



ÔNG PHẠM TRUNG KIÊN CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh - Trung tâm Pháp - Việt đào tạo về quản lý, Đại học Kinh tế quốc dân;
- Cử nhân Kinh tế - Ngành Kinh tế - Đại học Kinh tế quốc dân;
- Ông Phạm Trung Kiên đã từng giữ nhiều vị trí lãnh đạo tại các tổ chức tín dụng và các tổ chức kinh tế.

ÔNG MAI DANH HIỂN PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Thạc sĩ Kinh tế - Chuyên ngành Kế toán - Học viện Tài chính;
- Cử nhân Kinh tế - Ngành Kế toán - Học viện Tài chính;
- Ông Mai Danh Hiển có hơn 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính, Kế toán, Kiểm toán Ngân hàng, trong đó có 14 năm làm việc tại EVF.

ÔNG LÊ MẠNH LINH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Thạc sĩ Luật và Kinh tế - Chuyên ngành Luật kinh doanh Quốc tế - Ngành Luật quốc tế và Luật Châu Âu - Đại học Francois Rabelais de Tours, Cộng hòa Pháp;
- Cử nhân Kinh tế và Quản lý - Đại học Pierre Mendes France, Cộng hòa Pháp;
- Ông Lê Mạnh Linh đã từng giữ nhiều vị trí lãnh đạo/quản lý phụ trách các đơn vị kinh doanh trong các tổ chức tài chính, tín dụng.

ÔNG LÊ HOÀI NAM THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Thạc sĩ Quản lý Kinh tế - Đại học Tổng hợp Greenwich, London, Anh;
- Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp - Ngành Quản trị doanh nghiệp - Đại học Bách khoa Hà Nội;
- Kỹ sư Tin học - Ngành Tin học - Đại học Bách khoa Hà Nội;
- Ông Lê Hoài Nam đã từng giữ nhiều vị trí lãnh đạo/quản lý trong các tổ chức kinh tế.

ÔNG NGUYỄN VĂN HẢI THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Cử nhân Luật - Ngành Tư pháp - Đại học Luật Hà Nội;
- Ông Nguyễn Văn Hải đã từng giữ nhiều vị trí lãnh đạo tại các Tổ chức tín dụng và các tổ chức kinh tế.



Ban Kiểm soát

**ÔNG LÊ LONG GIANG**

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

- Thạc sĩ Kinh tế - Chuyên ngành Kinh tế tài chính ngân hàng - Đại học Kinh tế Quốc dân;
- Cử nhân Kinh tế - Chuyên ngành Tài chính - Đại học Kinh tế Quốc dân;
- Ông Lê Long Giang có hơn 22 năm kinh nghiệm và đã từng giữ nhiều vị trí lãnh đạo trong các tổ chức tài chính.

BÀ LÊ KHÁNH NGỌC

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- Thạc sĩ Khoa học Tài chính - Đại học Stirling, Scotland, Anh;
- Cử nhân Kinh tế - Ngành Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc dân;
- Bà Lê Khánh Ngọc có hơn 16 năm kinh nghiệm làm việc tại EVF.

ÔNG NGHIÊM KHẮC ĐẠT

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- Thạc sĩ Kinh tế - Học viện Tài chính;
- Cử nhân Kinh tế - Ngành Kế toán - Học viện Tài chính;
- Ông Nghiêm Khắc Đạt đã từng giữ nhiều vị trí lãnh đạo/quản lý trong các tổ chức kinh tế.

3.3. CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Đến 31/12/2025, EVF không có công ty con, công ty liên kết.

4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

4.1. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ MỤC TIÊU HÀNH ĐỘNG

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu chuyển dịch theo hướng tăng trưởng xanh, bao trùm và có trách nhiệm, EVF xác định phát triển bền vững là định hướng xuyên suốt, đóng vai trò nền tảng trong chiến lược kinh doanh và mô hình vận hành của Công ty.

Chiến lược phát triển bền vững của EVF được xây dựng trên nền tảng củng cố năng lực nội tại, nâng cao chất lượng quản trị và tăng cường khả năng thích ứng trước các biến động kinh tế - xã hội - môi trường.

Trọng tâm chiến lược được cấu trúc theo các trụ cột sau:

Nâng cao năng lực quản trị rủi ro

Hoàn thiện mô hình quản trị theo thông lệ tốt, tăng cường tính minh bạch, kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro tổng thể; chủ động nhận diện, đo lường và quản lý các rủi ro liên quan đến ESG trong toàn bộ chuỗi hoạt động. Qua đó nâng cao chất lượng tài sản, bảo đảm an toàn hệ thống và tính bền vững trong dài hạn.

Phát triển nguồn nhân lực và văn hóa doanh nghiệp có trách nhiệm

Xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, có năng lực thích ứng với chuyển đổi số và các yêu cầu quản trị hiện đại; đồng thời nuôi dưỡng văn hóa doanh nghiệp minh bạch, tuân thủ và hướng tới tạo giá trị lâu dài cho các bên liên quan.

Phát triển sản phẩm và dịch vụ tài chính đa dạng, có tích hợp yếu tố phát triển bền vững

Từng bước mở rộng, đa dạng danh mục sản phẩm tài chính, trong đó ưu tiên danh mục xanh, tín dụng xanh và các giải pháp tài chính toàn diện, các lĩnh vực tạo tác động tích cực đối với nền kinh tế và xã hội, qua đó hài hòa lợi ích kinh tế của Công ty với lợi ích của khách hàng, nhà đầu tư và cộng đồng.

Tối ưu hóa vận hành trên nền tảng công nghệ hiện đại

Ứng dụng công nghệ số trong quản trị, kinh doanh và báo cáo nhằm nâng cao hiệu suất, giảm chi phí, tăng cường khả năng kiểm soát và cải thiện trải nghiệm khách hàng.

Các mục tiêu hành động của EVF được định hướng phù hợp và gắn kết chặt chẽ với các Mục tiêu Phát triển bền vững (SDGs) của Liên Hợp Quốc, bao trùm các khía cạnh kinh tế, môi trường, xã hội và quản trị. Đây là cơ sở để EVF cụ thể hóa chiến lược thành các chương trình, sáng kiến và chỉ tiêu đo lường phù hợp, được công bố và cập nhật định kỳ trong Báo cáo Phát triển bền vững của Công ty.

EVF XÁC ĐỊNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG LÀ ĐỊNH HƯỚNG XUYÊN SUỐT, ĐÓNG VAI TRÒ NỀN TẢNG TRONG CHIẾN LƯỢC KINH DOANH VÀ MÔ HÌNH VẬN HÀNH CỦA CÔNG TY

4.2. CHIẾN LƯỢC TRUNG DÀI HẠN

Trong trung và dài hạn, EVF định hướng phát triển trở thành định chế tài chính hiện đại cung cấp đa dạng dịch vụ tài chính số, vận hành hiệu quả trên nền tảng công nghệ tiên tiến, đồng thời duy trì tiêu chuẩn an toàn và quản trị theo thông lệ tốt.

Định hướng chiến lược được tập trung theo các trục ưu tiên sau:

Củng cố nền tảng tài chính và năng lực quản trị cốt lõi

- Hoàn thiện hệ thống quản trị, điều hành và kiểm soát nội bộ.
- Nâng cao năng lực quản lý rủi ro, bảo đảm hoạt động an toàn, ổn định và hiệu quả trong dài hạn.
- Triển khai lộ trình làm việc với các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế, coi xếp hạng tín nhiệm là công cụ minh bạch hóa năng lực tài chính và quản trị, đồng thời hỗ trợ huy động vốn với chi phí hợp lý.

Tăng trưởng dựa trên công nghệ và tích hợp ESG

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong toàn bộ chuỗi giá trị, từ phát triển sản phẩm, thẩm định tín dụng, quản trị rủi ro đến báo cáo quản trị và chăm sóc khách hàng.
- Tích hợp các yếu tố ESG vào hoạt động kinh doanh, quản lý rủi ro và vận hành, hướng tới nâng cao chất lượng tài sản và khả năng thích ứng trước các biến động kinh tế - xã hội - môi trường.

Mở rộng vị thế và quan hệ hợp tác chiến lược

- Chủ động mở rộng và làm sâu sắc quan hệ với các nhà đầu tư chiến lược nhằm tăng cường năng lực tài chính, tiếp cận kinh nghiệm quản lý, công nghệ và mạng lưới đối tác.
- Tăng cường hợp tác và giao dịch với các tổ chức tài chính quốc tế, từng bước nâng cao mức độ nhận diện của EVF trên thị trường khu vực và quốc tế.
- Đầu tư cho công tác xây dựng thương hiệu và marketing, gắn với chiến lược định vị dài hạn của Công ty.

4.3. KẾ HOẠCH NGẮN HẠN

Trong ngắn hạn, EVF tập trung vào các mục tiêu trọng yếu nhằm củng cố nền tảng tăng trưởng bền vững và tạo đà cho phát triển những giai đoạn tiếp theo:

- Tăng trưởng quy mô tổng tài sản và lợi nhuận trên cơ sở kiểm soát chặt chẽ chất lượng tài sản, hiệu quả sử dụng vốn và các giới hạn an toàn theo quy định.
- Cùng cố và nâng cao năng lực quản trị, điều hành và kiểm soát nội bộ; tăng cường giám sát rủi ro, đặc biệt là rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.
- Duy trì nền vốn hiệu quả và ổn định, bảo đảm khả năng thanh khoản trong mọi tình huống nhằm điều phối vốn hợp lý vào các lĩnh vực kinh doanh trọng tâm; đồng thời, tiếp tục mở rộng tiếp cận thị trường vốn trong và ngoài nước.
- Triển khai lộ trình và các chính sách liên quan đến việc tích hợp các yếu tố phát triển bền vững ESG vào hoạt động kinh doanh, kết hợp giám sát và đánh giá tình hình thực hiện.
- Tiếp tục làm việc với các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế, coi đây là công cụ quản trị và huy động vốn, góp phần nâng cao uy tín và tính minh bạch của Công ty.
- Đẩy mạnh hoạt động truyền thông, xây dựng hình ảnh và thương hiệu, gắn với định vị EVF là định chế tài chính an toàn, minh bạch và hướng tới phát triển bền vững.



5. CÁC RỦI RO

Công tác quản trị rủi ro luôn được EVF xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong hoạt động kinh doanh, với định hướng xuyên suốt:

nâng cao năng lực quản trị rủi ro, hiện đại hóa phương pháp quản lý và chủ động phòng ngừa trên cơ sở thông lệ tốt và yêu cầu pháp lý hiện hành.

EVF triển khai quản trị rủi ro theo mô hình ba tuyến phòng thủ, bảo đảm sự tách bạch giữa chức năng kinh doanh, quản lý rủi ro và kiểm tra – kiểm soát; đồng thời duy trì hệ thống chính sách, hạn mức và công cụ giám sát phù hợp với quy mô và mức độ phức tạp của hoạt động.



RỦI RO TÍN DỤNG, RỦI RO TẬP TRUNG

Rủi ro tín dụng là một trong những rủi ro trọng yếu do thu nhập từ hoạt động tín dụng chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu thu nhập của EVF. Nhằm đảm bảo tăng trưởng đi đôi với an toàn, EVF duy trì một khung quản trị rủi ro tín dụng theo nguyên tắc cơ bản sau:

- Xây dựng và thực hiện chính sách quản lý rủi ro (QLRR) tín dụng thận trọng, thiết lập hệ thống các giới hạn, hạn mức như tập trung phát triển khách hàng cá nhân, doanh nghiệp vừa và nhỏ, có tình hình tài chính lành mạnh, tài sản đảm bảo đáp ứng yêu cầu, hạn chế cho vay đối với những lĩnh vực rủi ro cao...
- Áp dụng hệ thống quản trị rủi ro tín dụng tập trung, tách bạch chức năng giữa kinh doanh, quản lý rủi ro và tác nghiệp, đảm bảo mô hình 3 tuyến phòng thủ độc lập, khách quan, minh bạch.
- Nâng cao chất lượng công tác thẩm định, ngăn chặn các rủi ro tín dụng ngay từ trước khi giải ngân. Chú trọng tăng cường và thực hiện hiệu quả công tác kiểm tra trước, trong và sau khi cho vay.
- Cải tiến hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, nâng cao năng lực phân loại rủi ro khách hàng, làm căn cứ thẩm định, xây dựng chính sách sản phẩm phù hợp.
- Thực hiện phân tích, đánh giá rủi ro và tổ chức thử nghiệm trước khi cung cấp một sản phẩm mới đảm bảo an toàn tín dụng và giảm thiểu rủi ro phát sinh.
- Giám sát, cảnh báo thường xuyên các tỷ lệ bảo đảm an toàn hoạt động tín dụng cũng như công tác phân loại nợ, trích lập dự phòng đảm bảo theo quy định của NHNN.
- Tăng cường công tác phát triển đầu tư nguồn nhân lực, áp dụng các kiến thức và công nghệ QLRR tiên tiến, hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế.

RỦI RO THANH KHOẢN

Đây là một trong các rủi ro rất quan trọng trong hoạt động của các TCTD nói chung và EVF nói riêng. Quản trị rủi ro thanh khoản tại EVF luôn được đảm bảo duy trì thường xuyên, liên tục và tối ưu hiệu quả sử dụng vốn:

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của NHNN về thanh khoản; Thường xuyên theo dõi, phân tích tài sản và công nợ theo kỳ đáo hạn thực tế, qua đó luôn chủ động duy trì hợp lý chênh lệch kỳ hạn giữa tài sản Có và tài sản Nợ.
- Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ và Có (ALCO): Giám sát hoạt động tuân thủ hạn mức rủi ro thanh khoản, đảm bảo tuân thủ các tỷ lệ an toàn theo quy định của NHNN và Công ty. Rà soát, đề xuất kế hoạch huy động vốn, kế hoạch sử dụng vốn, xây dựng kịch bản kiểm thử... đảm bảo phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty và điều kiện thị trường trong từng thời kỳ.
- Xây dựng hệ thống hạn mức chính sách, quy chế, quy định nội bộ, quy định chi tiết trách nhiệm, quyền hạn của các phòng ban, bộ phận trong việc theo dõi, đánh giá các rủi ro về thanh khoản cũng như các biện pháp ứng phó khi xảy ra sự cố thanh khoản...
- Lãi suất tiền gửi/ lãi suất cho vay áp dụng đối với khách hàng trên cơ sở xem xét nhu cầu tăng trưởng, khả năng và hiệu quả sử dụng vốn, tối ưu hóa thu nhập lãi thuần thông qua việc duy trì cơ cấu và kỳ hạn của tài sản Có và tài sản Nợ hợp lý.



RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro lãi suất

- Rủi ro lãi suất là rủi ro cơ bản phát sinh khi lãi suất thị trường biến động bất lợi gây ảnh hưởng đến giấy tờ có giá, danh mục tài sản có lãi suất trên cấu trúc tài sản của một tổ chức tín dụng.
- EVF đã xây dựng quy định nội bộ để quản lý rủi ro lãi suất thông qua việc phân tích tỷ số giữa tài sản nhạy cảm lãi suất và nguồn nhạy cảm lãi suất. Đưa ra các dự báo về mức độ biến động lãi suất trong một thời kỳ, dựa trên số liệu thống kê lãi suất trong danh mục của EVF, chính sách hiện hành và xu hướng quản lý thị trường tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước, cũng như dự báo các chỉ số kinh tế vĩ mô và thị trường.
- Ngoài ra, để hạn chế các rủi ro lãi suất, EVF áp dụng các giải pháp và tăng cường các biện pháp: áp dụng hợp đồng kỳ hạn và hợp đồng hoán đổi; áp dụng các chính sách lãi suất thả nổi linh hoạt theo từng kỳ hạn nguồn và từng loại hình cho vay; đảm bảo một tỷ lệ kỳ hạn nguồn với kỳ hạn cho vay phù hợp theo những quy định của pháp luật...

Rủi ro ngoại hối

- Rủi ro ngoại hối phát sinh từ những biến động bất lợi về tỷ giá hối đoái gây ra sự sụt giảm giá trị đối với trạng thái ngoại tệ mà tổ chức tín dụng nắm giữ. Công ty chịu rủi ro ngoại hối vì đã phát sinh các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ.
- EVF thực hiện giám sát, quản lý và đảm bảo tuân thủ giới hạn về trạng thái ngoại tệ ròng trên vốn tự có theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.
- Bên cạnh đó, EVF sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro như: các hợp đồng mua bán ngoại tệ kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng hoán đổi ngoại tệ, hợp đồng quyền chọn,... trong hoạt động kinh doanh ngoại hối.

RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Rủi ro hoạt động là loại rủi ro liên quan đến công nghệ, cơ sở hạ tầng, quy trình nghiệp vụ, yếu tố con người và một số yếu tố khác có liên quan trong quá trình hoạt động kinh doanh của EVF.

Để ngăn ngừa và hạn chế rủi ro hoạt động, EVF đã thực hiện các giải pháp:

- EVF thường xuyên đánh giá tính tuân thủ, tính đầy đủ, phù hợp của quy trình, quy chế, của các hoạt động nghiệp vụ cũng như cảnh báo rủi ro của các bộ phận tác nghiệp.
- Đồng thời, EVF liên tục cập nhật, giám sát môi trường kiểm soát tại từng đơn vị nhằm chủ động phòng ngừa rủi ro nội tại, nhận diện các vấn đề cần hoàn thiện, khắc phục và tăng cường hiệu quả hoạt động của các đơn vị.
- EVF triển khai đồng bộ công tác quản lý kinh doanh liên tục, xây dựng bộ lỗi vi phạm tác nghiệp áp dụng cho tất cả các cấp hoạt động, thường xuyên kiểm tra đan chéo nhau để giảm thiểu các rủi ro hoạt động có thể xảy ra.
- EVF không ngừng tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng đạo đức, đồng thời thường xuyên tổ chức các khóa tập huấn định kỳ giúp cán bộ hiểu rõ tầm quan trọng của đạo đức nghề nghiệp.
- Bên cạnh đó, EVF từng bước củng cố công tác quản trị thông qua sử dụng hệ thống công nghệ thông tin. Các ứng dụng này giúp giảm thiểu các rủi ro hoạt động thông qua việc lưu chuyển thông tin, đánh giá hoạt động trên quy mô rộng toàn hệ thống.

RỦI RO KHÁC

- Bên cạnh các rủi ro trọng yếu trên, EVF luôn gắn quản lý rủi ro môi trường xã hội vào thẩm định dự án, phương án vay vốn, các dự án phải có báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt của cấp thẩm quyền theo quy định của pháp luật, thực hiện kiểm tra giám sát thường xuyên, định kỳ đối với việc quản lý rủi ro môi trường xã hội trong hoạt động cấp tín dụng, kiên quyết loại trừ cấp tín dụng đối với các dự án có khả năng ảnh hưởng lớn và nghiêm trọng đến môi trường, xã hội...; thiết lập chính sách cấp tín dụng đối với các lĩnh vực môi trường xã hội nhạy cảm như nông nghiệp, năng lượng tái tạo, dệt may..., thực hiện đánh giá rủi ro môi trường xã hội không chỉ trong các dự án điện gió, điện mặt trời mà mở rộng ra toàn bộ danh mục; Thực hiện truyền thông, đào tạo, lồng ghép rủi ro môi trường xã hội vào các chương trình quản lý rủi ro chung của EVF...

Trên cơ sở đó, EVF đã xây dựng báo cáo Phát triển bền vững tham chiếu theo khung tiêu chuẩn GRI, điều này cho thấy sự nhận thức của EVF về tầm quan trọng của việc thực hành phát triển bền vững. Thực hành phát triển bền vững đã trở thành một phần quan trọng trong chiến lược kinh doanh của EVF nhằm tạo giá trị bền vững, xây dựng lòng tin của các nhà đầu tư và đáp ứng các yêu cầu quy định.

Ngoài ra, hoạt động của EVF cũng như các tổ chức khác, sẽ chịu tác động, ảnh hưởng tiêu cực của các rủi ro khác như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, dịch họa, chiến tranh, đảo chính, đình công... là các sự việc bất khả kháng nếu xảy ra.

CHƯƠNG 02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2025

1. Tình hình hoạt động kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CÁC CHỈ TIÊU KINH DOANH CHỦ YẾU

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025	Thực hiện năm 2025		
			Thực hiện	%/Thực hiện 2024	%/Kế hoạch
1	Tổng Tài sản	80.000	83.058	139%	104%
2	Lợi nhuận trước thuế	960	1.104,2	157%	115%
3	Tỷ lệ nợ xấu	< 2%	0,75%		Đảm bảo
4	Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR)	> 9%	11,16%		Đảm bảo



MỘT SỐ KẾT QUẢ NỔI BẬT NĂM 2025

Quy mô và tăng trưởng

Tổng tài sản đạt

83.058 tỷ đồng

tăng 39% so với thực hiện năm 2024, hoàn thành 104% kế hoạch năm.

Dư nợ cấp tín dụng

64.974 tỷ đồng

tăng hơn 18.100 tỷ đồng so với năm 2024 (trong đó cho vay khách hàng đạt 61.745 tỷ đồng), hoàn thành kế hoạch mục tiêu về tăng trưởng tín dụng.

Tổng Nguồn vốn huy động tại 31/12/2025 đạt

71.040 tỷ đồng

tăng 44,7% so với thực hiện năm 2024, đảm bảo thanh khoản và nhu cầu kinh doanh.

Hiệu quả hoạt động

Lợi nhuận trước thuế năm 2025 đạt

1.104,2 tỷ đồng

hoàn thành 115% kế hoạch đề ra, tăng 57% so với năm 2024.

Kết quả trên phản ánh hiệu quả điều hành linh hoạt, tối ưu cơ cấu tài sản – nguồn vốn, kiểm soát chi phí và nâng cao năng suất lao động trong toàn hệ thống.

An toàn và quản trị rủi ro

Tỷ lệ nợ xấu toàn Công ty tại 31/12/2025 là

0,75%

tiếp tục đảm bảo < 2% theo kế hoạch đề ra và đảm bảo theo định hướng của Ngân hàng Nhà nước.

Tỷ lệ an toàn vốn CAR của EVF tại 31/12/2025 đạt

11,16%

cao hơn mức tối thiểu 9% theo quy định của NHNN, tạo dư địa cho tăng trưởng trong các năm tiếp theo và đảm bảo khả năng chống chịu trước biến động thị trường.

Các chỉ tiêu an toàn được duy trì ổn định trong bối cảnh môi trường kinh doanh còn nhiều biến động, thể hiện hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro và điều hành vốn của Công ty.

Xếp hạng tín nhiệm và uy tín thị trường

Năm 2025 là năm thứ 5 liên tiếp, EVF được tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế Moody's Investors Service đánh giá, giữ xếp hạng tín nhiệm mức B2 với triển vọng ổn định.

Việc duy trì xếp hạng tín nhiệm quốc tế trong nhiều năm liên tiếp khẳng định năng lực tài chính, chất lượng quản trị và mức độ minh bạch thông tin của Công ty, đồng thời tạo thuận lợi trong việc tiếp cận nguồn vốn trong và ngoài nước.

Chuyển đổi số và nâng cao năng lực quản trị

- Tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số nhằm nâng cao năng suất và hiệu quả quản lý; củng cố nền tảng hỗ trợ, xây dựng văn hóa doanh nghiệp chuyên nghiệp và tăng cường động lực làm việc cho cán bộ, nhân viên.
- Các hoạt động kinh doanh và tác nghiệp hàng ngày của Công ty phù hợp theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015; Áp dụng hệ thống quản lý An toàn thông tin (ISMS) phục vụ cho các hoạt động kinh doanh theo tiêu chuẩn ISO/IEC 27001:2022.

Năm 2025 ghi nhận bước tăng trưởng toàn diện của EVF cả về quy mô, hiệu quả và mức độ an toàn hệ thống. Tăng trưởng tín dụng đi đôi với kiểm soát chất lượng tài sản; lợi nhuận cải thiện mạnh trong khi các tỷ lệ an toàn được duy trì ở mức cao.

Kết quả này tạo nền tảng quan trọng để EVF tiếp tục triển khai chiến lược trung và dài hạn theo định hướng phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh và giá trị doanh nghiệp trong các giai đoạn tiếp theo.





BAN ĐIỀU HÀNH

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

2.1. BAN ĐIỀU HÀNH

Tại 31/12/2025, Ban Điều hành của Công ty gồm:



ÔNG LÊ MẠNH LINH QUYỀN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Thạc sĩ Luật và Kinh tế - Chuyên ngành Luật kinh doanh Quốc tế - Ngành Luật quốc tế và Luật Châu Âu - Đại học Francois Rabelais de Tours, Cộng hòa Pháp;
- Cử nhân Kinh tế và Quản lý - Đại học Pierre Mendes France, Cộng hòa Pháp;
- Ông Lê Mạnh Linh đã từng giữ nhiều vị trí lãnh đạo/quản lý phụ trách các đơn vị kinh doanh trong các tổ chức tài chính, tín dụng.
- Ông Lê Mạnh Linh được bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc từ ngày 28/01/2026.

ÔNG LÊ ANH TUẤN PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Thạc sĩ Kinh tế - Đại học Kinh tế quốc dân;
- Cử nhân Kinh tế - Ngành Quản trị Kinh doanh tổng hợp - Đại học Kinh tế quốc dân;
- Ông Lê Anh Tuấn có hơn 22 năm kinh nghiệm trong ngành Điện và Tài chính - Ngân hàng, trong đó có 17 năm làm việc tại EVF.

BÀ TÔN THỊ HẢI YẾN PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Đại học La Trobe Australia;
- Thạc sĩ Luật Kinh tế - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
- Cử nhân Luật - Ngành Luật Kinh tế - Đại học dân lập Phương Đông;
- Cử nhân Kinh tế - Ngành Ngân hàng Tài chính - Đại học Kinh tế Quốc dân;
- Bà Tôn Thị Hải Yến có hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực pháp chế, trong đó có hơn 17 năm làm việc tại EVF.

ÔNG NGUYỄN XUÂN ĐIỆP PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Cử nhân Kinh tế - Ngành Tài chính Ngân hàng - Đại học Kinh tế Quốc dân;
- Ông Nguyễn Xuân Điệp có 19 năm kinh nghiệm trong ngành Tài chính - Ngân hàng.

ÔNG TỐNG NHẬT LINH KẾ TOÁN TRƯỞNG

- Thạc sĩ Kinh tế - Ngành Quản trị Kinh doanh - Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội;
- Cử nhân Kinh tế - Ngành Kế toán - Học viện Tài chính;
- Chứng chỉ Kế toán trưởng - Học viện Tài chính;
- CMA - CMA Australia;
- Ông Tống Nhật Linh có 14 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kế toán, Tài chính, Rủi ro.

Những thay đổi trong Ban Điều hành trong năm 2025:

- Ông Mai Danh Hiến thôi giữ chức vụ Tổng Giám đốc từ ngày 21/08/2025.
- Ông Đào Lê Huy thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ ngày 08/04/2025.
- Ông Lê Mạnh Linh giữ chức vụ Quyền Tổng Giám đốc từ ngày 21/08/2025 đến ngày 27/01/2026.
- Ông Nguyễn Xuân Điệp giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ ngày 08/04/2025.

2.2. SỐ LƯỢNG NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tại thời điểm 31/12/2025, tổng số lượng cán bộ, nhân viên của Công ty là

281

nhân sự

(không bao gồm Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát).

Công ty tập trung tuyển dụng nhân sự có kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, đây là một nhân tố thuận lợi cho Công ty trong việc khai thác tiềm năng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty.

Về chính sách đối với người lao động: Một bước tiến quan trọng trong công tác quản lý hệ thống văn bản nhân sự là ban hành Quy chế Quản trị nhân sự - văn bản khung thống nhất, có hiệu lực cao, thay thế cho việc quản lý phân tán nhiều quy chế, quy trình rời rạc trước đây. Quy chế đồng thời xác lập rõ nguyên tắc phân cấp thẩm quyền phê duyệt trong lĩnh vực nhân sự, góp phần tạo nền tảng cho việc vận hành nhất quán trong toàn hệ thống. Quy định chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp được ban hành và triển khai truyền thông đồng bộ, nhằm thiết lập chuẩn hành vi thống nhất, định hướng văn hóa liêm chính, minh bạch và nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống.



3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

- Trong năm 2025, EVF tiếp tục duy trì thực hiện hoạt động góp vốn, mua cổ phần đóng góp lợi nhuận.
- Danh mục đầu tư tài chính của EVF bao gồm cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và góp vốn dài hạn. Tình hình đầu tư tài chính của EVF trong năm 2025 như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
1	Cổ phiếu	1.662	487
2	Chứng chỉ tiền gửi	306	4.935
3	Trái phiếu	828	2.422
	Trong đó:		
	• Trái phiếu CP	106	246
	• Trái phiếu TCTD	722	935
	• Trái phiếu TCKT	-	1.241
4	Góp vốn, đầu tư dài hạn	1.882	1.844
	Tổng đầu tư	4.678	9.689

Tại thời điểm 31/12/2025, tổng các khoản mục đầu tư tài chính của EVF là

9.689 tỷ đồng

chiếm tỷ trọng 11,7% tổng tài sản.
Cơ cấu danh mục đầu tư như sau:

Chứng chỉ tiền gửi chiếm

51%

Góp vốn dài hạn chiếm

19%

Đầu tư trái phiếu chiếm

25%

Cổ phiếu chiếm

5%

Trong năm 2025, EVF tập trung gia tăng đầu tư vào chứng chỉ tiền gửi do các tổ chức tín dụng phát hành có mức độ an toàn cao. Đây là nhóm tài sản dự trữ thanh khoản quan trọng, góp phần tối ưu hóa cơ cấu tài sản, hỗ trợ điều hành thanh khoản, đồng thời duy trì mức sinh lời hợp lý.

Bên cạnh đó, Công ty chủ động cơ cấu lại danh mục cổ phiếu theo hướng thận trọng, thực hiện hóa lợi nhuận các khoản đầu tư hiệu quả, qua đó đóng góp tích cực vào kết quả kinh doanh chung năm 2025.

Nhìn chung, hoạt động đầu tư năm 2025 được điều hành theo nguyên tắc an toàn, tuân thủ quy định của cơ quan quản lý và định hướng quản trị rủi ro nội bộ, đồng thời bảo đảm cân đối giữa mục tiêu sinh lời và yêu cầu kiểm soát rủi ro, thanh khoản của Công ty.

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

4.1. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024/ Năm 2024	31/12/2025/ Năm 2025	% tăng/ (giảm)
Tổng giá trị tài sản	59.598	83.058	39%
Doanh thu (*)	4.616	5.987	30%
Thuế và các khoản phải nộp	139	184	32%
Lợi nhuận trước thuế	703,7	1.104,2	57%
Lợi nhuận sau thuế	560,8	894,3	59%

(*) Không bao gồm hoàn nhập dự phòng.

Thông tin về "Thuế và các khoản phải nộp" theo Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán đính kèm.



4.2. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Đơn vị: Tỷ đồng

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	31/12/2024/ Năm 2024	31/12/2025/ Năm 2025
1. Quy mô vốn		
Vốn điều lệ	7.605,6	7.605,6
Tổng tài sản có	59.598	83.058
Tỷ lệ an toàn vốn	12,47%	11,16%
2. Kết quả hoạt động kinh doanh		
	189.050	145.788
Doanh số cho vay	39.147	62.210
Doanh số thu nợ	25.898	47.268
Nợ quá hạn (bao gồm nợ nhóm 2 và Nợ xấu)	1.186	1.042
Nợ xấu	368	573
Lợi nhuận thuần sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	6,43%	9,45%
Lợi nhuận thuần sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	1,08%	1,30%
Tỷ lệ Dư nợ cấp tín dụng/Huy động vốn	95,3%	91,5%
Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh	0%	0%
Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng nợ (*)	2,3%	1,37%
Tỷ lệ nợ xấu (*)	0,72%	0,75%
3. Khả năng thanh khoản (**)		
Khả năng thanh toán ngay	4,24%	5,82%
Khả năng thanh toán chung (Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày (VND))	102,31%	-294,66%

(*) Tổng dư nợ và tỷ lệ nợ xấu tính theo quy định của Thông tư 31/2024/TT-NHNN

(**) Tại thời điểm cuối năm

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

5.1. CỔ PHẦN

Tại ngày 31/12/2025, tổng số lượng cổ phần là

760.565.802

cổ phần

bao gồm:

Số lượng cổ phần lưu hành: 760.565.802 cổ phần.

Trong đó:

Cổ phần phổ thông: **760.565.802**
cổ phần

Cổ phần ưu đãi: **Không có**

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Phân loại cổ phần theo tiêu chí chuyển nhượng:

Cổ phần tự do chuyển nhượng: **750.781.146**

Cổ phần hạn chế chuyển nhượng: **9.784.656**

Tổng cộng: 760.565.802

Lý do hạn chế chuyển nhượng: Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực không được chuyển nhượng cổ phiếu trong thời gian đảm nhận chức vụ theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng.

5.2. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Theo tiêu chí tỉ lệ sở hữu (cổ đông lớn (*), cổ đông nhỏ) tại 31/12/2025

Cổ đông lớn	Cổ đông nhỏ	Tổng cộng
0 cổ đông	71.295 cổ đông	71.295 cổ đông
0 cổ phần	760.565.802 cổ phần	760.565.802 cổ phần
0%	100%	100%

(*): Theo Khoản 8 Điều 4 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2024 thì "Cổ đông lớn là cổ đông của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần sở hữu từ 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức tín dụng đó, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp". Cụ thể, theo Điều lệ Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực "cổ đông lớn là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của EVF".

Theo tiêu chí cổ đông nhà nước và cổ đông khác tại 31/12/2025

Cổ đông nhà nước	Cổ đông khác	Tổng cộng
0 cổ đông	71.295 cổ đông	71.295 cổ đông
0 cổ phần	760.565.802 cổ phần	760.565.802 cổ phần
0%	100%	100%

Theo tiêu chí cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân tại 31/12/2025

Tổ chức	Cá nhân	Tổng cộng
59 cổ đông	71.236 cổ đông	71.295 cổ đông
60.077.004 cổ phần	700.488.798 cổ phần	760.565.802 cổ phần
7,9%	92,1%	100%

Theo tiêu chí cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài tại 31/12/2025

Cổ đông trong nước	Cổ đông nước ngoài	Tổng cộng
71.222 cổ đông	73 cổ đông	71.295 cổ đông
757.538.673 cổ phần	3.027.129 cổ phần	760.565.802 cổ phần
99,6%	0,4%	100%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 15% theo công văn số 3900/UBCK-PTTT ngày 24/6/2024 về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và được công bố thông tin theo đúng quy định.

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA BAN LÃNH ĐẠO TẠI 31/12/2025 (*)

TT	Thành viên	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
1	Ông Phạm Trung Kiên - Chủ tịch HĐQT	3.295.927	0,433
2	Ông Mai Danh Hiền - Phó Chủ tịch HĐQT	2.947.529	0,388
3	Ông Lê Mạnh Linh - Thành viên HĐQT, Quyền Tổng Giám đốc	3.310.980	0,435
4	Ông Lê Hoài Nam - Thành viên độc lập HĐQT	37.207	0,005
5	Ông Nguyễn Văn Hải - Thành viên độc lập HĐQT	37.207	0,005
6	Ông Lê Long Giang - Trưởng Ban Kiểm soát	35.964	0,005
7	Ông Nghiêm Khắc Đạt - Thành viên Ban Kiểm soát	45.427	0,006
8	Bà Lê Khánh Ngọc - Thành viên Ban Kiểm soát	74.415	0,010
9	Bà Tôn Thị Hải Yến - Phó Tổng Giám đốc	864.916	0,114
10	Ông Lê Anh Tuấn - Phó Tổng Giám đốc	124.391	0,016
11	Ông Nguyễn Xuân Điệp - Phó Tổng Giám đốc	11.518	0,002
12	Ông Tống Nhật Linh - Kế toán trưởng	44.649	0,006

(*) Toàn bộ 760.565.802 cổ phần của EVF là cổ phần phổ thông, cổ phần có quyền biểu quyết

5.3. TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Công ty thành lập với

Vốn Điều lệ ban đầu là
2.500.000.000.000 đồng

Ngày 19/3/2020, EVF đã hoàn thành các thủ tục tăng vốn điều lệ, trả cổ tức bằng cổ phiếu. Ngày 27/4/2020, Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi

Vốn Điều lệ của Công ty là
2.649.812.650.000 đồng

Ngày 12/8/2021, EVF đã hoàn thành các thủ tục tăng vốn điều lệ, trả cổ tức bằng cổ phiếu. Ngày 13/9/2021, Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi

Vốn Điều lệ của Công ty là
3.047.076.280.000 đồng

Ngày 07/4/2023, EVF đã hoàn thành các thủ tục tăng vốn điều lệ, trả cổ tức bằng cổ phiếu. Ngày 27/4/2023, Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi,

Vốn Điều lệ của Công ty là
3.244.869.580.000 đồng

Ngày 21/9/2023, EVF đã hoàn thành các thủ tục tăng vốn điều lệ, trả cổ tức bằng cổ phiếu. Ngày 07/10/2023, Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi

Vốn Điều lệ của Công ty là
3.510.640.310.000 đồng

Đến 31/12/2023, EVF đã hoàn thành tăng vốn điều lệ từ phát hành cổ phiếu ra công chúng và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (Chương trình ESOP). Ngày 20/5/2024, Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi

Vốn Điều lệ của Công ty là
7.042.482.890.000 đồng

Đến 31/12/2024, EVF đã hoàn thành các thủ tục tăng vốn điều lệ, trả cổ tức bằng cổ phiếu. Ngày 20/01/2025, Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi

Vốn Điều lệ của Công ty là
7.605.658.020.000 đồng

5.4. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ, CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có.

Các chứng khoán khác

Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện 03 lần phát hành trái phiếu riêng lẻ, bao gồm 04 đợt phát hành với tổng mệnh giá phát hành 895 tỷ đồng, kỳ hạn từ 2-5 năm, các đợt phát hành được thực hiện đầy đủ việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Đầu mối công tác về nhà đầu tư, cổ đông của Công ty

Công ty thành lập Bộ phận chuyên trách phụ trách công tác quan hệ nhà đầu tư, cổ đông, công bố chi tiết thông tin nhân sự liên lạc tại website của Công ty và các tài liệu liên quan đến cổ đông (Bản cáo bạch tăng vốn, thư mời tham dự họp đại hội đồng cổ đông,...), bố trí nhân sự thường trực để đón tiếp cổ đông tại văn phòng Hội sở chính và các Chi nhánh của Công ty. Theo đó, thông tin cụ thể:

Bộ phận Giao dịch và Quản lý thông tin Cổ đông - Ban Trợ lý Hội đồng Quản trị, Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực

Đầu mối: Bà Đỗ Thu Hường

Email: huongdt@evnfc.vn hoặc email codong@evnfc.vn

Điện thoại: 024 - 2222 9999 - Máy lẻ: 1066

Số fax: 024 - 2222 1999

Địa điểm đón tiếp cổ đông: Văn phòng Chi nhánh Hà Nội, Số 466 Lạc Long Quân, P. Tây Hồ, TP. Hà Nội.



EVF NHẬN THỨC RẰNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU LÀ
MỘT TRONG NHỮNG THÁCH THỨC LỚN NHẤT
THẾ GIỚI PHẢI ĐỐI MẶT...

...VÌ VẬY, QUẢN LÝ TÁC ĐỘNG MÔI
TRƯỜNG LÀ MỘT TRONG NHỮNG LƯU
Ý CỦA EVF TRONG HOẠT ĐỘNG KINH
DOANH CỦA MÌNH.

6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

6.1. TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG, QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU, TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG, TIÊU THỤ NƯỚC

EVF nhận thức rằng biến đổi khí hậu là một trong những thách thức lớn nhất thế giới phải đối mặt. Hậu quả từ những cơn bão, hạn hán, lũ lụt đến mất mát về đa dạng sinh học đang đe dọa các nền kinh tế, đặc biệt là những nước đang phát triển như Việt Nam. Vì vậy, quản lý tác động môi trường là một trong những lưu ý của EVF trong hoạt động kinh doanh của mình.

Tiêu thụ năng lượng tại EVF



EVF luôn thực hiện việc đo lường và kiểm soát mức tiêu thụ nhiên liệu của thiết bị và phương tiện tại Hội sở của Công ty (chiếm khoảng 95% lượng năng lượng và nhiên liệu sử dụng của toàn Công ty) từ đó đưa ra các sáng kiến, phương pháp quản lý tiêu thụ nhiên liệu một cách tiết kiệm và hiệu quả để đồng hành với mục tiêu Net Zero của quốc gia. Bên cạnh đó, dữ liệu tiêu thụ này tại các chi nhánh đang được hoàn thiện, phục vụ cho mục đích trên.

Mức tiêu thụ điện 2025 tối ưu 10% so với năm 2024. Kết quả đạt được là nhờ EVF chủ động cân đối, điều chỉnh nhu cầu sử dụng của CBNV, rà soát và đánh giá mức độ cần thiết của các thiết bị tiêu thụ điện trên toàn hệ thống. Ngoài ra việc chuyển sang trụ sở mới là tòa nhà văn phòng thông minh, sử dụng không gian mở và văn phòng nhiều ánh sáng tự nhiên đã tiết kiệm điện năng tiêu thụ cho EVF.

Mặc dù năm 2025 các hoạt động kinh doanh của EVF tăng trưởng mạnh nhưng chi phí về tiêu thụ xăng không tăng nhiều so với năm 2024 (tăng 5%). Để giảm lượng phát thải khí nhà kính và nồng độ bụi mịn trong không khí, EVF dần chuyển sang các phương tiện giao thông sử dụng năng lượng xanh, công ty chuyển đổi toàn bộ sử dụng thẻ taxi của hãng xe điện Xanh SM nhằm giảm lượng khí thải CO2 phát ra môi trường, ngoài ra đối với đội xe của công ty tỷ lệ chuyển đổi sang phương tiện xanh đã đạt 50%. Việc sử dụng xe điện cũng giúp công ty giảm đáng kể chi phí vận hành và sửa chữa.

Tiêu thụ nước tại EVF

Đối với nước tiêu thụ của EVF chủ yếu đến từ 2 nguồn là nước sinh hoạt tại văn phòng thuê và nước uống cho cán bộ nhân viên.

6.2. TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.

6.3. CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Năm 2025, Công ty có số lượng cán bộ nhân viên (CBNV) bình quân là 281 người, với mức lương trung bình 42,3 triệu đồng/người/tháng.

Công ty luôn tạo điều kiện làm việc tốt nhất để người lao động yên tâm công tác và hoàn thành tốt công việc được giao. 100% CBNV đều được đảm bảo việc làm, bố trí sắp xếp công việc phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn của CBNV và yêu cầu kinh doanh của Công ty.

Chính sách tiền lương minh bạch, hấp dẫn, thường xuyên được xem xét, điều chỉnh để phù hợp với thông lệ thị trường và tình hình thực tế của Công ty, đảm bảo thu hút và giữ chân nhân tài. Mỗi CBNV được xếp mức lương đảm bảo phù hợp với yêu cầu công việc, phạm vi trách nhiệm, năng lực và hiệu quả của cá nhân.

Năm 2025, EVF tiếp tục thực hiện chính sách thưởng kinh doanh dành cho CBNV gắn với kết quả kinh doanh của Công ty và hiệu quả hoạt động của đơn vị/cá nhân, từ đó tạo động lực cho mỗi CBNV nâng cao năng suất và chất lượng công việc, đóng góp tích cực vào kết quả chung của đơn vị/Công ty.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

EVF duy trì hệ thống phúc lợi hấp dẫn và nhân văn, quan tâm tới sức khỏe, tinh thần của CBNV và người thân, hướng tới một môi trường làm việc thân thiện, hạnh phúc, CBNV cân bằng được công việc và cuộc sống.



Một số chính sách có thể kể đến như: ghi nhận danh hiệu thi đua khen thưởng; quà Lễ Tết; quà nhân dịp sinh nhật CBNV; quà mừng tuổi CBNV dịp Tết Nguyên đán; quà nhân ngày Quốc tế Phụ nữ và Phụ nữ Việt Nam; quà nhân ngày Quốc tế Thiếu nhi và quà Trung thu dành cho con của CBNV; quà tri ân phụ mẫu của CBNV, quà khuyến học cho con CBNV có thành tích học tập hoặc thành tích ở tất cả các bộ môn văn hóa, văn nghệ, thể thao; các chương trình gắn kết nhân viên hàng năm.

Công ty thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước liên quan đến người lao động; chính sách chăm lo và bảo vệ sức khỏe cho CBNV như tổ chức khám sức khỏe định kỳ và mua gói bảo hiểm sức khỏe nâng cao. CBNV được đào tạo về phòng cháy chữa cháy, kỹ năng thoát hiểm, giữ gìn vệ sinh lao động theo tiêu chuẩn 5S. Bên cạnh đó, Công ty và Ban chấp hành Công đoàn luôn kịp thời thăm hỏi, động viên CBNV không may ốm đau, tai nạn, thể hiện sự quan tâm của Công ty đối với CBNV.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Trong năm 2025, hoạt động đào tạo người lao động tại EVF tiếp tục tập trung mạnh mẽ vào việc đa dạng hóa hình thức và nâng cao chất lượng của các chương trình đào tạo. Mục tiêu không chỉ dừng lại ở việc đáp ứng yêu cầu chuyên môn mà còn hướng tới nâng cao năng lực quản trị, pháp lý, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế, chuẩn bị đội ngũ nhân sự vững vàng cho các giai đoạn phát triển tiếp theo của EVF.

Điểm sáng nổi bật của năm 2025 là sự chuyển dịch mạnh mẽ trong văn hóa học tập và chia sẻ tri thức tại tất cả các đơn vị. Hoạt động đào tạo nội bộ không chỉ được đẩy mạnh về số lượng mà còn ghi nhận sự tham gia chủ động, tích cực từ hai phía: Đội ngũ Cán bộ Lãnh đạo, Quản lý trực tiếp tham gia giảng dạy, truyền đạt kinh nghiệm thực chiến; và Cán bộ nhân viên chủ

động nâng cao tinh thần tự học. Bên cạnh việc duy trì nề nếp các khóa đào tạo bắt buộc (Đào tạo Hội nhập, An toàn thông tin, Phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố...), các hội thảo chuyên môn và tọa đàm chia sẻ kiến thức đã trở thành diễn đàn sôi nổi để CBNV trao đổi và nâng cao nghiệp vụ.

Song song đó, hoạt động đào tạo bên ngoài được triển khai linh hoạt, gắn sát với nhu cầu đặc thù của từng khối nghiệp vụ. Công ty tiếp tục mở rộng hợp tác với các đối tác đào tạo uy tín và chuyên gia đầu ngành (như Dale Carnegie Viet Nam, VIOD, BrainMark, LeadOn...) để cập nhật những xu hướng quản trị và công nghệ mới nhất. Các chuyên đề trọng tâm trong năm bao gồm: Khai phá sức mạnh AI trong công việc, Cập nhật quy định ISO và quản lý chất lượng, cùng chuỗi đào tạo chuyên sâu về Lãnh đạo và Quản trị doanh nghiệp.

Kết quả: Năm 2025, EVF đã tổ chức thành công 100 khóa đào tạo, với tổng thời lượng đào tạo lên đến 6.238 giờ. Tổng số lượt cán bộ nhân viên tham gia đào tạo đạt 2.751 lượt. Kết quả này thể hiện sự cam kết mạnh mẽ của Công ty trong đầu tư cho hoạt động đào tạo và phát triển con người.



6.4. CÁC HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG - XÃ HỘI

Hoạt động vì môi trường

Trong năm 2025, EVF tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả các sáng kiến vì môi trường đã được triển khai trong những năm trước, tập trung vào việc duy trì thói quen xanh và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong toàn hệ thống.

Các chương trình tiết giảm rác thải, sử dụng tài nguyên hiệu quả được thực hiện đồng bộ tại các văn phòng, góp phần giảm thiểu tác động đến môi trường và tối ưu chi phí vận hành.

Hoạt động "Ngày hội tái chế - Recycle Day" tiếp tục được tổ chức thường niên, khuyến khích CBNV tham gia thu gom và phân loại rác thải tái chế. Trong năm, chương trình đã thu gom được 19 kilogram pin cùng hàng trăm kilogram rác thải tái chế như giấy, nhựa, kim loại...

Các biện pháp tiết giảm rác thải và sử dụng tài nguyên hiệu quả được thực hiện đồng bộ tại các văn phòng làm việc trên toàn hệ thống như: sử dụng chai nước thủy tinh thay thế chai nhựa dùng một lần, tiết kiệm giấy, mực, văn phòng phẩm, và hạn chế thiết bị tiêu thụ điện tại khu vực chung,...



Hoạt động từ thiện, an sinh xã hội

Năm 2025, trước những thiệt hại nặng nề do bão lũ gây ra cho địa phương tại miền Bắc và miền Trung, EVF đã triển khai chuỗi hoạt động hỗ trợ đồng bào kịp thời, thể hiện rõ cam kết trách nhiệm xã hội và tinh thần sẻ chia với đồng bào chịu ảnh hưởng bởi thiên tai. Bên cạnh đó, EVF triển khai các hoạt động vì xã hội và vì cộng đồng khác.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Ủy ban TW MTTQ Việt Nam và Công đoàn Điện lực Việt Nam, EVF đã trích từ kinh phí hoạt động của EVF số tiền 50 triệu đồng chuyển đến Ban Vận động cứu trợ Trung ương. Ngoài ra, Công đoàn EVF đã tổ chức Lễ phát động quyên góp ủng hộ khắc phục hậu quả bão lũ trong toàn hệ thống, tổng số tiền quyên góp đạt **144,6 triệu đồng**. Nguồn kinh phí được sử dụng như sau:

- **24 triệu đồng** hỗ trợ các gia đình CBNV tại EVF đã chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão;
- **58,6 triệu đồng** chuyển đến Công đoàn Điện lực Việt Nam để giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn trong Công đoàn ngành điện;
- **62 triệu đồng** chuyển đến Ban Vận động cứu trợ Trung ương theo kêu gọi của Ủy ban Trung ương MTTQVN.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 22/11/2025, EVF tiếp tục ủng hộ lần hai **500 triệu đồng**, nhằm chia sẻ khó khăn với đồng bào vùng lũ, góp phần hỗ trợ công tác cứu trợ và phục hồi đời sống tại các khu vực bị ảnh hưởng nặng nề.

EVF phối hợp với Tạp chí Tài chính Vietnam Finance tài trợ kinh phí **300 triệu đồng**, xây dựng **02 căn nhà tình thương** cho 02 hộ dân

có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và là thương bệnh binh tại Thanh Hóa và Hà Tĩnh, giúp người dân sớm ổn định cuộc sống sau bão lũ.

Bên cạnh hỗ trợ tài chính và nhà ở, EVF tổ chức trao tặng **500 kilogram quần áo** gửi tới các thầy cô và người dân tại vùng lũ, góp phần đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong giai đoạn khắc phục hậu quả thiên tai. Chuỗi hoạt động hỗ trợ sau bão lũ sau đó lan tỏa mạnh mẽ trong toàn hệ thống. Nhiều cán bộ nhân viên EVF đã chủ động ủng hộ người dân tại các địa phương bằng nhiều hình thức.

EVF và Công đoàn EVF tài trợ một máy thở vận chuyển nội viện cho Bệnh viện Nhi Trung ương trong việc điều trị các bệnh nhi suy hô hấp nặng, với tổng giá trị máy là **690 triệu đồng**.

EVF tiếp tục triển khai các hoạt động cộng đồng mang ý nghĩa nhân văn và lan tỏa giá trị sẻ chia. Ngày hội hiến máu "Chiến dịch Hồng năm 2025" tiếp nhận **86 đơn vị máu**, đóng góp thiết thực cho công tác cấp cứu và điều trị.

Song song đó, Giải chạy "Vì cộng đồng xanh" mùa 3 được tổ chức với hình thức quy đổi số km tham gia của cán bộ nhân viên thành nguồn kinh phí thiện nguyện, đạt **21 triệu đồng**; cùng với sự chung tay của Ban Lãnh đạo, EVF đã thực hiện chương trình thăm hỏi và trao quà cho các bệnh nhi tại Bệnh viện K Tân Triều, với tổng kinh phí **50 triệu đồng**, tiếp tục khẳng định trách nhiệm xã hội và tinh thần nhân ái của EVF đối với cộng đồng. Theo đó, tổng giá trị 50 triệu đồng tiền mặt và 4 triệu đồng suất quà trao đến các cháu đang điều trị tại bệnh viện.



6.5. BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Năm 2025, EVF tiếp tục theo dõi, cập nhật các chủ trương, định hướng phát triển thị trường vốn xanh của Chính phủ và hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, phù hợp với đặc thù hoạt động của tổ chức tài chính EVF.

Trong kỳ báo cáo, EVF chưa phát hành trái phiếu xanh hoặc công cụ vốn xanh chuyên biệt; hoạt động huy động vốn được triển khai theo nhu cầu sử dụng vốn thực tế và điều kiện thị trường, bảo đảm tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật về phát hành và công bố thông tin.

Đối với hoạt động cấp tín dụng, EVF định hướng mở rộng tài trợ cho các lĩnh vực có yếu tố bền vững - bao gồm năng lượng tái tạo, năng lượng sạch và các mô hình sản xuất - kinh doanh thân thiện môi trường - trên cơ sở đánh giá hiệu quả tài chính, khả năng trả nợ và kiểm soát rủi ro theo quy định nội bộ. Yếu tố môi trường - xã hội được tích hợp vào quy trình thẩm định và khung quản trị rủi ro, phù hợp với quy mô và năng lực quản trị của EVF.

EVF đã ban hành các định hướng về quản trị phát triển bền vững, đồng thời từng bước tích hợp các yếu tố ESG vào quản trị rủi ro toàn doanh nghiệp. EVF duy trì cơ chế kiểm soát - giám sát nội bộ nhằm bảo đảm tuân thủ pháp luật và phù hợp với chiến lược phát triển bền vững dài hạn. EVF thực hiện công bố thông tin theo quy định đối với doanh nghiệp niêm yết và duy trì lập Báo cáo Phát triển bền vững theo thông lệ thị trường.

Trong thời gian tới, EVF sẽ xây dựng lộ trình phù hợp để tham gia sâu hơn vào thị trường vốn xanh trên nguyên tắc bảo đảm hiệu quả hoạt động, an toàn vốn, cân đối thanh khoản và quản trị rủi ro thận trọng, phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.



ESG

03

CHƯƠNG

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo kết quả kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển
5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc với ý kiến kiểm toán (nếu có)
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty



1. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1. HOẠT ĐỘNG NGUỒN VỐN - TĂNG TRƯỞNG NGUỒN VỐN PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tại thời điểm 31/12/2025, tổng nguồn vốn huy động của EVF đạt

71.040

tỷ đồng

tăng 44,7% so với cuối năm 2024.

Quy mô nguồn vốn tiếp tục được mở rộng gắn với chất lượng tăng trưởng, qua đó củng cố năng lực tài chính, đảm bảo khả năng thanh khoản và duy trì việc tuân thủ đầy đủ các tỷ lệ, chỉ số an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Cơ cấu nguồn vốn ghi nhận sự cải thiện tích cực, đặc biệt là sự gia tăng huy động từ khách hàng thị trường 1. So với năm 2024, nguồn vốn huy động từ tiền gửi của khách hàng tăng 42,5%, góp phần nâng cao tính ổn định của nguồn vốn, giảm mức độ phụ thuộc vào các nguồn vốn biến động và tăng khả năng chống chịu trước các biến động của thị trường tài chính.

EVF tiếp tục đẩy mạnh hoạt động huy động vốn trên thị trường quốc tế trong năm 2025 thông qua việc mở rộng và thiết lập quan hệ với các đối tác mới như: INCOFIN Microfinance Fund, Stichting fondsbeheer DGGF lokaal MKB, Legal Owner Triodos Funds BV, Swedfund International AB, EMF Microfinance Fund AGMVK, Lombard Odier Gateway, Triodos SICAV II, v.v.

Hoạt động này góp phần đa dạng hóa nguồn vốn, kéo dài kỳ hạn huy động và tiếp tục củng cố uy tín, vị thế của EVF trên thị trường vốn quốc tế.

Song song với việc duy trì hợp tác với các đối tác hiện hữu, EVF tiếp tục triển khai phát hành giấy tờ có giá nhằm gia tăng nguồn vốn huy động trung và dài hạn trong năm 2025. Việc phát hành được thực hiện theo định hướng đa dạng hóa cơ sở nhà đầu tư, mở rộng tệp khách hàng có năng lực tài chính và vị thế trên thị trường, qua đó đảm bảo nguồn vốn ổn định, phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn và định hướng phát triển hoạt động kinh doanh của EVF.

1.2. HOẠT ĐỘNG CẤP TÍN DỤNG - TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG THEO KẾ HOẠCH MỤC TIÊU

Năm 2025, trong bối cảnh kinh tế Việt Nam tăng trưởng tích cực, EVF duy trì định hướng phát triển tín dụng đa dạng, tập trung vào khách hàng doanh nghiệp và cá nhân phù hợp với khẩu vị rủi ro và năng lực quản trị. Công ty đẩy mạnh tài trợ cho nhóm doanh nghiệp SMEs, doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực gắn với phát triển bền vững (ESG), như năng lượng tái tạo, sản xuất thân thiện môi trường và các dự án giảm phát thải.

Tại 31/12/2025, tổng dư nợ cấp tín dụng của EVF đạt

64.974

tỷ đồng

tăng hơn 18.100 tỷ đồng so với 31/12/2024.

Dư nợ xanh

đạt hơn 6.393 tỷ đồng

tài trợ

gần 200 dự án năng lượng tái tạo như điện mặt trời, điện gió.

EVF triển khai gói tín dụng ESG với cơ chế ưu đãi về lãi suất cho khách hàng triển khai các dự án chuyển đổi năng lượng xanh, dự án phát triển bền vững, giảm phát thải khí nhà kính.

Thông qua khoản vay tại EVF

>8.000
xe máy điện

>8.000
ô tô điện

đã được đưa vào hoạt động, góp phần xanh hóa dịch vụ giao thông quốc gia.

Tăng trưởng tín dụng được điều hành theo nguyên tắc hợp lý, an toàn và kiểm soát rủi ro chặt chẽ. Tỷ lệ nợ xấu duy trì dưới 1%, phản ánh chất lượng tài sản ổn định trong bối cảnh tăng trưởng quy mô mạnh mẽ. Hoạt động tín dụng năm 2025 tiếp tục đóng vai trò nòng cốt trong tạo doanh thu, lợi nhuận và củng cố vị thế thị trường của EVF.

1.3. DỊCH VỤ KIỂM SOÁT CHI VÀ QUẢN LÝ ỦY THÁC CHO VAY LẠI - DUY TRÌ THEO KẾ HOẠCH

Dịch vụ quản lý ủy thác cho vay lại tiếp tục duy trì theo kế hoạch. Đến thời điểm báo cáo, toàn bộ các dự án do EVF quản lý cho vay lại đều đã đóng giải ngân, chuyển sang giai đoạn trả nợ gốc. Công tác quản lý sau cho vay và thu trả nợ được thực hiện theo đúng quy định, không phát sinh nợ xấu, nợ quá hạn.

1.4. KINH DOANH TIỀN TỆ TRÊN THỊ TRƯỜNG LIÊN NGÂN HÀNG

Trong năm 2025, EVF duy trì quan hệ giao dịch thường xuyên và hiệu quả với hầu hết các tổ chức tín dụng trong nước và một số chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại thị trường Việt Nam. Trên cơ sở dự báo dòng tiền chủ động và sát thực tế, EVF linh hoạt điều tiết và cân đối nguồn vốn, triển khai hiệu quả các hoạt động kinh doanh vốn trên thị trường liên ngân hàng.

Đồng thời, EVF tiếp tục chú trọng xây dựng và duy trì các mối quan hệ hợp tác ổn định, bền vững với các tổ chức tín dụng trong nước và các chi nhánh ngân hàng nước ngoài; thực hiện đánh giá và trao đổi hạn mức với các định chế tài chính. Qua đó, EVF nâng cao tính chủ động trong quản lý nguồn vốn, đảm bảo khả năng đáp ứng kịp thời nhu cầu phục vụ hoạt động kinh doanh trong từng thời kỳ.



1.5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Danh mục đầu tư của Công ty được đa dạng hóa, triển khai linh hoạt phù hợp với từng thời kỳ từ trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh đến giấy tờ có giá của các tổ chức tín dụng khác, góp vốn mua cổ phần,... Việc tham gia đầu tư trái phiếu Chính phủ và trái phiếu do Chính phủ bảo lãnh một mặt đã đóng góp vào sự phát triển chung của Đất nước, mặt khác đảm bảo khả năng thanh khoản và đóng góp hiệu quả cho Công ty.

Hoạt động đầu tư tài chính luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định, quy trình nghiệp vụ của Công ty và quy định của các Cơ quan quản lý Nhà nước. Công ty chủ động tìm kiếm các cơ hội đầu tư vào các doanh nghiệp có tài chính lành mạnh, ngành nghề kinh doanh chủ yếu là các lĩnh vực thiết yếu của nền kinh tế với mục tiêu nắm giữ dài hạn, đồng hành cùng với sự phát triển của doanh nghiệp và được kỳ vọng sẽ mang lại nhiều hiệu quả đầu tư.

1.6. QUẢN TRỊ RỦI RO

EVF xác định quản trị rủi ro là trụ cột trong điều hành, hướng tới quản lý toàn diện các rủi ro trọng yếu: tín dụng, thị trường, thanh khoản, hoạt động và rủi ro môi trường – xã hội.

Hệ thống quy chế, quy định nội bộ được xây dựng và rà soát định kỳ, bảo đảm phù hợp với thực tiễn và quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

EVF luôn chủ động nghiên cứu, thực hiện triển khai rà soát, đánh giá và kiện toàn hệ thống văn bản chính sách, xây dựng công cụ đánh giá nội bộ, tăng cường công tác quản trị nội bộ như: Quy chế chấm điểm, xếp hạng khách hàng; Quy chế phân loại tài sản có và trích lập dự phòng rủi ro; Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban Quản lý rủi ro; Quy định về Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có (ALCO); Quy định và Chính sách quản lý rủi ro môi trường – xã hội; Quy định cơ cấu nợ; Quy định quản lý rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường cùng các quy định liên quan. Hệ thống văn bản này góp phần kiểm soát rủi ro chặt chẽ, bảo đảm hoạt động an toàn, ổn định.

EVF triển khai mô hình quản trị theo nguyên tắc ba tuyến phòng thủ, phân tách rõ chức năng kinh doanh, quản lý rủi ro và kiểm toán nội bộ, tăng cường tính độc lập và minh bạch trong kiểm soát.

Công ty thực hiện quản trị tuân thủ và đảm bảo theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam như: Thông tư số 21/2025/TT-NHNN quy định xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Thông tư số 23/2020/TT-NHNN quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng; Thông tư 14/2023/TT-NHNN quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ,... và các văn bản khác.

Bên cạnh đó, EVF cũng đã ban hành, sửa đổi các quy định với mục tiêu hướng tới việc đưa hệ thống quản trị rủi ro tiệm cận với các nguyên tắc, chuẩn mực Basel 2 cũng như quy định tại Thông tư 14/2023/TT-NHNN nêu trên, với mô hình tổ chức theo hướng tập trung hóa, chuyên môn hóa, phân tách chức năng, nhiệm vụ rõ ràng theo ba tuyến kiểm soát cho phép tách bạch trách nhiệm giữa chức năng kinh doanh, quản lý rủi ro và kiểm toán nội bộ đảm bảo tăng năng lực cạnh tranh và kiểm soát được rủi ro.

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

2.1. TỔNG TÀI SẢN

Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2025 đạt

83.058

tỷ đồng

tăng 39% so với cuối năm 2024 và hoàn thành 104% kế hoạch năm

Dư nợ cấp tín dụng thị trường 1 chiếm gần 80% tổng tài sản, tiếp tục là hoạt động cốt lõi tạo lợi nhuận ổn định. EVF duy trì bằng cân đối tài khoản vững mạnh, đảm bảo thanh khoản tại mọi thời điểm.

2.2. CHẤT LƯỢNG TÀI SẢN

Chất lượng tài sản tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ. Tỷ lệ nợ xấu tại 31/12/2025 là

0,75%

(< 3%)

hoàn thành vượt kỳ vọng mục tiêu.

EVF đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN tại mọi thời điểm.

Công ty vận hành đồng bộ hệ thống quy định nội bộ và công cụ quản trị rủi ro, hỗ trợ nhận diện, đo lường và kiểm soát rủi ro, đảm bảo an toàn hoạt động.

2.3. AN TOÀN VỐN

Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) của EVF tại 31/12/2025 là 11,16%, duy trì cao hơn mức tối thiểu 9% theo quy định của Ngân hàng Nhà nước tại Thông tư số 23/2020/TT-NHNN, và các văn bản sửa đổi bổ sung. Nhằm đảm bảo hệ số CAR tuân thủ theo quy định của NHNN, EVF luôn chủ động quản lý tỷ lệ an toàn vốn và triển khai các biện pháp kiểm soát quy mô tài sản có rủi ro, xây dựng các giải pháp tăng vốn phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh và chiến lược phát triển từng giai đoạn.

Các tỷ lệ an toàn thanh khoản như tỷ lệ khả năng thanh khoản ngay, tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn,... đều ở mức tốt hơn so với quy định, đảm bảo tăng trưởng ổn định, phát triển, bền vững và an toàn.

2.4. TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Tại ngày 31/12/2025, cơ cấu nợ phải trả của EVF được duy trì ở mức phù hợp với quy mô tổng tài sản và định hướng tăng trưởng. Nợ phải trả chủ yếu gồm vay từ tổ chức tín dụng, phát hành giấy tờ có giá và các khoản phải trả khác phát sinh từ hoạt động thường xuyên.

Công ty điều hành nguồn vốn theo khung Quản trị Tài sản – Nguồn vốn (ALM), bảo đảm phù hợp giữa kỳ hạn và tối ưu chi phí vốn. Cơ cấu nguồn vốn huy động được đa dạng hóa, nâng cao ổn định và linh hoạt trong điều hành thanh khoản, tạo nền tảng cho tăng trưởng bền vững.

Tại thời điểm cuối năm 2025, Công ty không phát sinh nợ phải trả quá hạn; các nghĩa vụ tài chính được thực hiện đầy đủ, đúng hạn, phản ánh năng lực quản trị dòng tiền hiệu quả và uy tín tín dụng được duy trì.

Biến động tỷ giá và lãi suất trong năm không tạo tác động trọng yếu đến kết quả kinh doanh. Công ty quản lý chặt chẽ các khoản mục có yếu tố ngoại tệ, hạn chế rủi ro chênh lệch tỷ giá. Đối với chi phí lãi vay, trong bối cảnh mặt bằng lãi suất điều chỉnh, Công ty chủ động cơ cấu nguồn vốn, tối ưu chi phí huy động và duy trì biên lãi ròng hợp lý, tạo nền tảng tài chính ổn định cho giai đoạn phát triển tiếp theo.



3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nhân sự phù hợp với yêu cầu kinh doanh của từng thời kỳ

Trong năm 2025, EVF tiếp tục triển khai các cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và công tác quản lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật.

Công ty đã rà soát, điều chỉnh cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, làm rõ chức năng, nhiệm

vụ và trách nhiệm của các đơn vị, đồng thời phân định rõ vai trò giữa quản trị, điều hành và kiểm soát. Bên cạnh đó, EVF tập trung hoàn thiện các chính sách nhân sự thông qua việc ban hành Quy chế quản trị nhân sự, chuẩn hóa hệ thống chức danh, tăng cường công tác đánh giá, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Công

tác quản lý và kiểm soát nội bộ tiếp tục được củng cố thông qua việc rà soát, hoàn thiện các quy trình, quy định và tuyên báo cáo, góp phần nâng cao tính minh bạch, kỷ cương trong quản trị và hỗ trợ Ban Điều hành điều hành hoạt động kinh doanh hiệu quả, bền vững.

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp tại EVF không chỉ dừng lại ở các hoạt động phong trào bề nổi mà tiếp tục đi vào chiều sâu, được xác định là yếu tố cốt lõi để duy trì sự ổn định và phát triển bền vững.

Trong năm 2025, song song với công tác đào tạo, EVF đã triển khai mạnh mẽ các chương trình phát triển văn hóa với mục tiêu kép: Lan tỏa tinh thần học tập chủ động và Kiến tạo môi trường làm việc tích cực, thấu hiểu.

Văn hóa đọc và tinh thần tự học tiếp tục được nuôi dưỡng thông qua việc đổi mới hình thức tiếp cận. Thay vì các hình thức truyền thống, Công ty duy trì phát hành Bản tin Sách định kỳ hàng quý. Các bản tin được biên soạn với chủ đề đa dạng, cập nhật xu hướng mới trong nước và quốc tế, đóng vai trò như một kênh thông tin truyền cảm hứng, khuyến khích CBNV hình thành thói quen tự nghiên cứu và phát triển bản thân.

Bên cạnh đó, phát huy tinh thần truyền thống cao đẹp của dân tộc về tôn sư trọng đạo, EVF duy trì hoạt động tri ân đối với đội ngũ Giảng viên nội bộ nhân ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11.

Tăng cường truyền thông toàn Công ty về Quy định Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp thông qua các hoạt động văn hóa sôi nổi trên Group nội bộ "Nhà Văn hóa EVF" như: minigame tương tác, sáng tác thơ, video clip tình huống... thu hút sự hưởng ứng nhiệt tình của đông đảo CBNV, qua đó giúp các giá trị cốt lõi và chuẩn mực đạo đức thấm sâu vào nhận thức của từng thành viên.

Các hoạt động gắn kết được Công ty chú trọng triển khai góp phần xây dựng môi trường làm việc lý tưởng, tạo cơ hội giao lưu, gắn kết giữa các thành viên, tiêu biểu như: Chương trình du xuân đầu năm, Chương trình kỷ niệm Ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, Ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, Chương trình thiện nguyện "K5- Nâng bước em tới trường", Giải thể thao Cầu lông, Pickleball Khối thi đua các Tổ chức tín dụng - Khối 5, Gameshow "Đừng để tiền rơi" nhân dịp sinh nhật Công ty...

Điểm đột phá trong công tác văn hóa năm 2025 là việc triển khai Khảo sát Môi trường làm việc 02 lần/năm nhằm lắng nghe nguyện vọng của người lao động và cải tiến chính sách hướng tới môi trường làm việc hạnh phúc. Kết quả ghi nhận mức độ hài lòng về môi trường làm việc kỳ gần nhất đạt 80,2%, khẳng định cam kết của EVF trong việc xây dựng một môi trường làm việc hạnh phúc, nơi mỗi cá nhân không chỉ được phát triển năng lực mà còn được thấu hiểu và tạo điều kiện tốt nhất để cống hiến.





4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

Trên cơ sở kết quả đạt được năm 2025 và định hướng chiến lược, EVF xây dựng kế hoạch phát triển giai đoạn tiếp theo theo nguyên tắc tăng trưởng gắn với an toàn, hiệu quả và bền vững, cụ thể như sau:

- **Nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính**, phấn đấu tăng trưởng lợi nhuận 20% so với năm 2025, đồng thời kiểm soát rủi ro chặt chẽ, duy trì tỷ lệ nợ xấu dưới 2%, đảm bảo chất lượng tín dụng và an toàn hoạt động theo quy định.
- **Đa dạng hóa cơ cấu thu nhập**, từng bước tăng cường nguồn thu ngoài hoạt động tín dụng truyền thống, góp phần nâng cao tính bền vững của kết quả kinh doanh.
- **Mở rộng tập khách hàng** ở cả phân khúc bán buôn và bán lẻ theo định hướng lựa chọn khách hàng có chất lượng và tiềm năng phát triển bền vững. Tăng trưởng dư nợ được điều hành theo từng nhóm sản phẩm, đảm bảo cân đối giữa quy mô, hiệu quả và kiểm soát rủi ro. Việc phát triển sản phẩm mới được thực hiện trên cơ sở nghiên cứu kỹ lưỡng, đánh giá đầy đủ hiệu quả tài chính và mức độ rủi ro.
- **Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ** trong công tác quản lý, vận hành và cung cấp dịch vụ, tiếp tục nâng cao hiệu suất lao động trên nền tảng số, gắn với đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, chú trọng công tác đào tạo và tự đào tạo nhằm nâng cao kỹ năng chuyên môn, kỹ năng quản trị và khả năng thích ứng với công nghệ mới.
- **Kiểm toàn cơ cấu tổ chức và hệ thống quản trị**, đảm bảo phù hợp với mô hình kinh doanh và mục tiêu phát triển trong từng giai đoạn; tăng cường kiểm soát nội bộ, nâng cao hiệu quả giám sát và bảo đảm tuân thủ trong toàn hệ thống, theo hướng tiệm cận thông lệ quản trị tiên tiến.
- **Mở rộng và củng cố quan hệ với các đối tác chiến lược** trong và ngoài nước, tiếp tục duy trì và nâng cao vị thế thông qua hệ thống xếp hạng tín nhiệm quốc tế, trong đó giữ vững kết quả xếp hạng của Moody's, qua đó khẳng định uy tín, vị thế và năng lực tài chính của EVF trên thị trường vốn.

Kế hoạch phát triển nêu trên là cơ sở để EVF tiếp tục tăng trưởng ổn định, củng cố nền tảng tài chính, nâng cao năng lực cạnh tranh và hướng tới mục tiêu phát triển bền vững trong dài hạn.

5. GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN (NẾU CÓ)

Đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính năm 2025 của EVF.

6. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng

Xem mục 2.6.1.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Trong năm 2025, EVF duy trì và từng bước hoàn thiện môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện và ổn định thông qua việc thực hiện nhất quán các chính sách nhân sự phù hợp với quy định của pháp luật và định hướng quản trị của Công ty.

EVF trân trọng và ghi nhận những giá trị do người lao động tạo ra, cam kết không sử dụng lao động trẻ em (bao gồm lao động chưa thành niên), lao động cưỡng bức; bảo đảm nguyên tắc bình đẳng, không phân biệt quốc tịch, độ tuổi, giới tính hay trình độ. Công ty quản lý, đánh giá người lao động trên cơ sở năng suất và hiệu quả công việc, tạo cơ hội công bằng cho cán bộ nhân viên trong quá trình làm việc và phát triển nghề nghiệp, đồng thời khuyến khích mỗi cá nhân phát huy tối đa năng lực.

Ban Lãnh đạo tiếp tục chú trọng triển khai các chính sách tiền lương, thu nhập và phúc lợi, bảo đảm chi trả đầy đủ, đúng hạn và thực hiện các chế độ theo Hợp đồng lao động, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty. Hằng năm, EVF phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn tổ chức Hội nghị người lao động nhằm tăng cường đối thoại, lắng nghe và tiếp thu các ý kiến, kiến nghị của cán bộ nhân viên, qua đó kịp thời rà soát, điều chỉnh chính sách cho phù hợp với tình hình thực tế và định hướng phát triển của Công ty.

Bên cạnh trách nhiệm đối với người lao động hiện hữu, EVF tiếp tục quan tâm đến trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng, đặc biệt trong lĩnh vực tư vấn, hướng nghiệp và đào tạo nguồn nhân lực trẻ. Công ty duy trì tổ chức chương trình "Thực tập sinh tài năng", tạo điều kiện cho sinh viên năm cuối được tiếp cận môi trường làm việc thực tế, rèn luyện kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp. Thông qua chương trình này, EVF từng bước xây dựng nguồn nhân sự kế cận, góp phần bổ sung lực lượng lao động tiềm năng cho Công ty trong các giai đoạn tiếp theo.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng

Xem mục 2.6.4.



Trên cơ sở kết quả đạt được năm 2025 và định hướng chiến lược, EVF xây dựng kế hoạch phát triển giai đoạn tiếp theo theo nguyên tắc tăng trưởng gắn với an toàn, hiệu quả và bền vững,

04

CHƯƠNG

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY, TRONG ĐÓ CÓ ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

EVF đã chú trọng thực hiện các hoạt động phù hợp với các nguyên tắc trách nhiệm xã hội và môi trường trong suốt thời gian qua; nỗ lực giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường thông qua việc áp dụng công nghệ tiên tiến và các giải pháp tài chính bền vững, góp phần giảm thiểu khí thải và tiết kiệm năng lượng. EVF cũng tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng, hỗ trợ chăm sóc sức khỏe và cải thiện đời sống cho các cộng đồng khó khăn. Hội đồng Quản trị EVF đánh giá rằng, việc thực hiện các hoạt động này không chỉ giúp tổ chức phát triển bền vững mà còn góp phần tạo dựng hình ảnh uy tín và trách nhiệm xã hội vững mạnh, đáp ứng nhu cầu của các đối tác và cộng đồng.

Hoạt động kinh doanh năm 2025
tăng trưởng so với năm 2024

Tổng tài sản đạt

83.058 tỷ đồng

tăng 39% so với năm 2024

Tỷ lệ nợ xấu

0,75%

(< 2% theo kế hoạch của Công ty)

Lợi nhuận trước thuế năm 2025
tăng trưởng so với năm 2024

Lợi nhuận trước thuế đạt

1.104 tỷ đồng

tăng 57% so với năm 2024

Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân và tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản bình quân lần lượt ở mức

9,45% và **1,3%**

Dự phòng rủi ro được trích lập đầy đủ theo quy định.

Hoạt động an toàn

EVF luôn tuân thủ quy định về tỷ lệ an toàn vốn, giới hạn cấp tín dụng, tỷ lệ khả năng chi trả, tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn, giới hạn góp vốn mua cổ phần được quy định tại Thông tư số 23/2020/TT-NHNN ngày 31/12/2020 của Ngân hàng Nhà nước và các văn bản sửa đổi bổ sung.

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trong năm 2025, dưới sự lãnh đạo của Tổng Giám đốc/Quyền Tổng Giám đốc, Ban Tổng Giám đốc EVF đã điều hành hoạt động của Công ty bám sát mục tiêu kế hoạch hoạt động kinh doanh đã được giao. Ban Tổng Giám đốc đã thể hiện tinh thần trách nhiệm và tuân thủ trong công tác quản trị, điều hành, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Ban Tổng Giám đốc đã tập trung chỉ đạo củng cố chất lượng tài sản, tăng cường quản trị rủi ro, kiểm soát chặt chẽ hoạt động

tín dụng và bảo đảm an toàn thanh khoản. Những nỗ lực này là nền tảng quan trọng giúp EVF duy trì tỷ lệ nợ xấu ở mức thấp và tiếp tục được Moody's xếp hạng tín nhiệm B2 với triển vọng ổn định trong năm thứ 5 liên tiếp.

Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo đẩy mạnh chuyển đổi số, nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh; đồng thời chú trọng ổn định đời sống, đảm bảo chế độ cho người lao động và duy trì sự đoàn kết trong toàn hệ thống. Cùng với hoạt động kinh doanh,

EVF tiếp tục thực hiện tốt trách nhiệm đối với cộng đồng, triển khai các hoạt động an sinh xã hội, từ thiện thiết thực và có ý nghĩa.

Trong bối cảnh kinh tế thế giới và kinh tế Việt Nam tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã chỉ đạo, điều hành các hoạt động kinh doanh đạt được những kết quả tích cực và bứt phá đáng ghi nhận, qua đó hoàn thành vượt các chỉ tiêu kinh doanh năm 2025 do Đại hội đồng cổ đông giao phó.

3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị đã xác định các mục tiêu cụ thể bám sát mục tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua:

- Tăng quy mô tổng tài sản, tăng trưởng lợi nhuận.
- Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị, điều hành và kiểm soát.
- Phát triển quan hệ với các nhà đầu tư chiến lược, tăng năng lực nguồn vốn, kiến thức chuyên môn, mạng lưới đối tác và chuyển giao công nghệ.
- Đẩy mạnh số hóa trên phạm vi toàn diện các hoạt động quản trị, điều hành, kinh doanh.
- Đẩy nhanh lộ trình tích hợp các yếu tố phát triển bền vững ESG vào hoạt động kinh doanh.
- Tiếp tục chú trọng công tác xây dựng hình ảnh, thương hiệu và chiến lược marketing, đẩy mạnh nhận diện quốc tế thông qua tăng cường hợp tác với các tổ chức tài chính quốc tế.



CHƯƠNG 05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng Quản trị
2. Ban Kiểm soát
3. Các giao dịch, lương, thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.1. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thông tin về nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị của EVF:

- EVF thực hiện tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025, Luật các Tổ chức Tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức Tín dụng số 96/2025/QH15 ngày 27/6/2025.
 - Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2023 - 2028 của EVF đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 bầu ra tại phiên họp ngày 17/3/2023, tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật đối với hoạt động của doanh nghiệp là một công ty đại chúng.
- Bên cạnh đó, là một tổ chức tín dụng, hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, được thành lập và hoạt động theo Luật các Tổ chức Tín dụng, chịu sự quản lý trực tiếp của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, công tác nhân sự của EVF tuân thủ các quy định rất chặt chẽ, khắt khe về tiêu chuẩn và thủ tục lựa chọn lãnh đạo cấp cao.

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh (Thành viên HĐQT độc lập, Thành viên HĐQT không điều hành)	Ngày bắt đầu/không còn là TV HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Phạm Trung Kiên	Thành viên HĐQT (không điều hành)	17/3/2023	
		Chủ tịch HĐQT (không điều hành)	24/3/2023	
2	Ông Mai Danh Hiến	Thành viên HĐQT (không điều hành)	17/3/2023	
		Phó Chủ tịch HĐQT (không điều hành)	21/8/2025	
3	Ông Lê Mạnh Linh	Thành viên HĐQT	17/3/2023	
		Quyển Tổng Giám đốc	21/8/2025	
4	Ông Nguyễn Trung Thành	Thành viên HĐQT (không điều hành)	17/3/2023	05/4/2025
5	Ông Lê Hoài Nam	Thành viên độc lập HĐQT	17/3/2023	
6	Ông Nguyễn Văn Hải	Thành viên độc lập HĐQT	17/3/2023	

Số thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành là 04 thành viên, số thành viên độc lập Hội đồng Quản trị là 02 thành viên, đáp ứng theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty, là yếu tố tích cực tăng cường vai trò giám sát của Hội đồng Quản trị, góp phần bảo vệ lợi ích của cổ đông và đối tác của Công ty.

Kinh nghiệm của các thành viên Hội đồng Quản trị:

Các thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2023 - 2028 là các nhà lãnh đạo có bề dày kinh nghiệm hoạt động trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, luật... đã và đang có những đóng góp tích cực đối với hoạt động của Công ty. Có 04 thành viên Hội đồng Quản trị Công ty là thành viên không điều hành có bề dày kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng là lĩnh vực hoạt động của EVF.

STT	Họ và tên	Chức danh	Kinh nghiệm
1	Ông Phạm Trung Kiên	Chủ tịch HĐQT (không điều hành)	Giữ nhiều vị trí quản lý và lãnh đạo trong các tổ chức tín dụng như: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Ngân hàng TMCP Quốc Tế, Ngân hàng TMCP Bản Việt.
2	Ông Mai Danh Hiến	Phó Chủ tịch HĐQT (không điều hành)	Công tác trong lĩnh vực kiểm toán tại Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn tài chính Kế toán, Công ty TNHH Kiểm toán APEC, kiểm soát viên Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả và đảm nhận nhiều vị trí quản lý quan trọng tại EVF.
3	Ông Lê Mạnh Linh	Thành viên HĐQT, Quyển Tổng Giám đốc	Giữ nhiều vị trí lãnh đạo quản lý tại các doanh nghiệp như CTCP Bánh kẹo Hải Hà, CTCP Quản lý Quỹ Amber và tổ chức tín dụng như Ngân hàng TMCP An Bình, Công ty Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP An Bình.
4	Ông Lê Hoài Nam	Thành viên độc lập HĐQT	Công tác trong lĩnh vực bảo hiểm và giữ nhiều vị trí lãnh đạo cấp cao tại Công ty Tái bảo hiểm PVI, Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng và Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội, Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Alpha.
5	Ông Nguyễn Văn Hải	Thành viên độc lập HĐQT	Làm việc và giữ các vị trí quản lý, điều hành trong lĩnh vực pháp chế, xử lý nợ, quản lý nợ và khai thác tài sản tại các tổ chức tín dụng như: Techcombank, Techcombank AMC, SHB, VietA Bank và một số doanh nghiệp khác tại Việt Nam.

Chức danh tại các Công ty khác của thành viên HĐQT tại thời điểm 31/12/2025

EVF tuân thủ quy định pháp luật và theo quy định tại Điều lệ EVF cũng như Quy chế tổ chức và hoạt động của EVF, các thành viên HĐQT của EVF luôn đảm bảo thực hiện đúng quy định về việc không giữ vị trí thành viên HĐQT tại hơn 05 doanh nghiệp khác, các thành viên độc lập HĐQT không đồng thời đảm nhiệm vị trí người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng. Cụ thể như sau:

STT	Họ và Tên	Chức danh	Chức danh Thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác
1	Ông Phạm Trung Kiên	Chủ tịch HĐQT (không điều hành)	Không
2	Ông Mai Danh Hiến	Phó Chủ tịch HĐQT (không điều hành)	Không
3	Ông Lê Mạnh Linh	Thành viên HĐQT, Quyền Tổng Giám đốc	Không
4	Ông Lê Hoài Nam	Thành viên độc lập HĐQT	Chủ sở hữu Công ty Cổ phần eNAD; Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Alpha
5	Ông Nguyễn Văn Hải	Thành viên độc lập HĐQT	Chủ sở hữu/Đại diện theo pháp luật - Công ty Luật TNHH Một thành viên Nguyễn Hải và Anh Em

1.2. CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ủy ban Nhân sự (UBNS)

Ủy ban Nhân sự đã tham mưu cho HĐQT về việc củng cố cơ chế quản trị nhân sự, bám sát định hướng thích ứng phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty, tăng trưởng quy mô và hiệu quả hoạt động; cơ chế thù lao, thưởng của HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành để HĐQT trình ĐHCĐ thường niên năm 2025 thông qua,...; Tham mưu cho HĐQT về nhân sự phù hợp với một số vị trí cấp cao trước khi HĐQT quyết định bổ nhiệm. Tham mưu cho HĐQT về cơ chế/chính sách khen thưởng, tạo động lực cho cán bộ nhân viên Công ty, tăng cường các yếu tố có giá trị thúc đẩy thiết thực và kịp thời, góp phần bám sát hoàn thành các mục tiêu kế hoạch của Công ty.

Thành viên Ủy ban Nhân sự

Chủ tịch UBNS

Ông Phạm Trung Kiên

Chủ tịch HĐQT

Các thành viên UBNS

Ông Mai Danh Hiến

Phó Chủ tịch HĐQT

Ông Lê Mạnh Linh

Thành viên HĐQT,
Quyền Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Phương Thảo

Giám đốc Khối Quản trị điều hành

Ông Nguyễn Chí Khiêm

Phó Giám đốc phụ trách Khối Nguồn Nhân lực

Ủy ban Quản lý rủi ro (UBQLRR):

Ủy ban Quản lý rủi ro đã tham mưu cho HĐQT về chiến lược quản lý rủi ro, mức độ chấp nhận rủi ro và giới hạn cho phép về rủi ro phù hợp với chiến lược của Công ty đồng thời đáp ứng và tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước và Pháp luật; rà soát các chính sách quy định pháp luật, xem xét, đánh giá tính phù hợp của các quy trình, chính sách quản trị rủi ro hiện hành của Công ty để đưa ra các khuyến nghị cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động của Công ty; tham mưu ý kiến để HĐQT phê duyệt các giao dịch với người liên quan trong phạm vi thẩm quyền của HĐQT; xây dựng văn hóa quản lý rủi ro tại Công ty.

Thành viên Ủy ban Quản lý rủi ro

Chủ tịch UBQLRR

Ông Lê Hoài Nam

Thành viên độc lập HĐQT

Các thành viên UBQLRR

Ông Nguyễn Văn Hải

Thành viên độc lập HĐQT

Ông Lê Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Ông Ngô Thế Thảo

Trưởng phòng Quản lý rủi ro và Tái thẩm định

Ủy ban Chiến lược (UBCL):

Ủy ban Chiến lược đã tham mưu cho HĐQT về việc xây dựng định hướng, hoạch định mục tiêu chiến lược của Công ty, theo dõi, giám sát thực hiện, tham mưu cho HĐQT về việc phê duyệt các giải pháp, chính sách phát triển Công ty trong từng giai đoạn, thời kỳ. Trong năm 2025, Ủy ban Chiến lược đã tập trung tham mưu cho HĐQT tiếp tục bám sát chiến lược phát triển gắn với ESG, đặt mục tiêu đẩy nhanh lộ trình tích hợp các yếu tố phát triển bền vững ESG vào hoạt động kinh doanh; đặc biệt tham mưu cho HĐQT về chiến lược thương hiệu của Công ty trong giai đoạn phát triển mới với các mục tiêu tăng trưởng vượt bậc. Năm thứ 3 liên tiếp, EVF đã phát hành Báo cáo phát triển bền vững riêng biệt - Báo cáo phát triển bền vững năm 2024 với thông điệp "Kinh doanh có trách nhiệm"

Thành viên Ủy ban Chiến lược

Chủ tịch UBCL

Ông Mai Danh Hiến

Phó Chủ tịch HĐQT

Các thành viên UBCL

Ông Phạm Trung Kiên

Chủ tịch HĐQT

Ông Lê Mạnh Linh

Thành viên HĐQT,
Quyền Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Hải

Thành viên độc lập HĐQT

1.3. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị bám sát và kiên định với định hướng chiến lược phát triển của EVF, xác định mục tiêu hoạt động năm 2025 và các năm tiếp theo. HĐQT đặc biệt chú trọng việc phát triển quan hệ với các nhà đầu tư chiến lược, mở rộng mạng lưới đối tác, chuyển giao công nghệ, đẩy mạnh số hóa toàn diện và tích hợp các yếu tố ESG vào hoạt động kinh doanh. HĐQT cũng tiếp tục quan tâm xây dựng hình ảnh, thương hiệu và chiến lược marketing, tăng cường nhận diện quốc tế thông qua mở rộng giao dịch với các tổ chức tài chính quốc tế, khẳng định cam kết về trách nhiệm đối với môi trường, cộng đồng và xã hội. HĐQT duy

trì các cơ chế phối hợp và giám sát, bảo đảm việc triển khai chiến lược và các mục tiêu phát triển bền vững được thực hiện nhất quán, hiệu quả trên toàn hệ thống.

Trong năm 2025, HĐQT tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức và tăng cường năng lực quản trị, điều hành. Tháng 8/2025, HĐQT bầu Ông Mai Danh Hiền giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT và bổ nhiệm Ông Lê Mạnh Linh đảm nhiệm vị trí Quyền Tổng Giám đốc. HĐQT đồng thời duy trì các cơ chế phối hợp và giám sát, bảo đảm việc triển khai chiến lược và các mục tiêu phát triển bền vững được thực hiện nhất quán, hiệu quả trên toàn hệ thống.

Đầu năm 2025, Chi nhánh Hà Nội của EVF đã chính thức đi vào hoạt động, đánh dấu bước phát triển quan trọng trong việc mở rộng mạng lưới hoạt động của Công ty. Việc vận hành chi nhánh mới không chỉ giúp nâng cao khả năng phục vụ khách hàng tại khu vực phía Bắc mà còn củng cố vị thế và năng lực cạnh tranh của EVF trên thị trường tài chính.

Hội đồng Quản trị tổ chức họp định kỳ hàng quý và họp bất thường khi cần thiết để xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh. Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức 12 phiên họp chính thức với tỷ lệ tham dự của các thành viên đạt 100%, trực tiếp xem xét, giải quyết các nội dung liên quan đến

hoạt động quản trị, điều hành và kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, HĐQT duy trì các phiên làm việc không chính thức hàng tuần tại trụ sở Công ty để trao đổi nội bộ, thảo luận cùng Ban Điều hành và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động. Trong năm, Hội đồng Quản trị đã ban hành 89 Nghị quyết và Quyết định, chỉ đạo kịp thời các mảng hoạt động của Công ty.

Hội đồng Quản trị tiếp tục giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban Điều hành thông qua các hoạt động tổ chức chỉ đạo, rà soát, cập nhật, hoàn thiện hệ thống văn bản nội bộ (quy chế, quy định, quy trình) bảo đảm phù hợp quy định của pháp luật và chiến

lược phát triển của EVF. Trong năm 2025, HĐQT đã ban hành sửa đổi các bộ quy định về hoạt động quản trị, điều hành và kinh doanh nhằm tăng cường tính đầy đủ, chặt chẽ và hiệu lực của hệ thống. Các tài liệu quy định nội bộ đã được ban hành bao gồm: Quy định Chuẩn mực đạo đức, Quy chế Khung Quản lý rủi ro, Quy chế Quản trị nhân sự,...

HĐQT thực hiện, chỉ đạo thực hiện và giám sát hoạt động công bố thông tin, đảm bảo EVF thực hiện đầy đủ, đúng quy định, giúp cổ đông và nhà đầu tư nắm bắt kịp thời, minh bạch thông tin của Công ty.



1.4. HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Thực hiện quyền, nghĩa vụ của Thành viên độc lập HĐQT theo Quy chế/quy định nội bộ của Công ty và theo Quyết định/Phân công của HĐQT/Chủ tịch HĐQT một cách cẩn trọng, trung thực, khách quan góp phần thành công trong kết quả kinh doanh năm 2025 của Công ty.
- Tham gia các cuộc họp HĐQT và đã đưa ra các ý kiến đối với các vấn đề được thông qua tại cuộc họp và các vấn đề được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo vai trò, vị trí đảm nhiệm được phân công, hỗ trợ HĐQT một cách kịp thời, hiệu quả.

Đánh giá chung về hoạt động của HĐQT

Đánh giá của thành viên HĐQT độc lập đối với hoạt động của HĐQT, các ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị và các hoạt động khác trong năm 2025:

- Hội đồng Quản trị đã thực hiện việc phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT nhằm khai thác tốt nhất các thế mạnh của thành viên HĐQT. Trong năm, các thành viên HĐQT đã chủ động thực hiện các công việc cụ thể trong lĩnh vực được phân công. HĐQT đã xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung kịp thời, làm cơ sở triển khai hiệu quả công việc theo mục tiêu đã đề ra. Các hoạt động của HĐQT đã được thực hiện đúng theo kế hoạch đưa ra. Các thành viên HĐQT có tinh thần trách nhiệm cao, thận trọng trong việc thực hiện vai trò, trách nhiệm của mình.
- Trên cơ sở phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Hội đồng Quản trị đã thực hiện ban hành và công bố thông tin các tài liệu gồm:
 - (1) Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty;
 - (2) Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT;
 - (3) Quy chế Quản trị nội bộ Công ty.
- Trong năm 2025, Hội đồng Quản trị đã tổ chức 12 cuộc họp trực tiếp tại trụ sở Công ty. Các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ các cuộc họp, nghiêm túc nghiên cứu và thảo luận các nội dung liên quan đến hoạch định chính sách, chiến lược, khẩu vị rủi ro, kế hoạch kinh doanh và công tác quản trị; đồng thời giám sát hoạt động của Ban Điều hành và việc triển khai các nội dung đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, bảo đảm tuân thủ Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế quản trị nội bộ và các quy định pháp luật có liên quan.
- Các cuộc họp HĐQT đều có sự tham gia của Ban Kiểm soát, được tổ chức đúng trình tự, thủ tục, tài liệu họp được cung cấp đầy đủ, kịp thời và đảm bảo thời gian theo quy định nội bộ của Công ty và quy định của pháp luật.
- Các vấn đề liên quan đến kế hoạch kinh doanh, hoạt động kinh doanh, công tác nhân sự, chính sách môi trường và xã hội,... đều được HĐQT trao đổi kỹ lưỡng với Ban Tổng Giám đốc, thảo luận và đánh giá đầy đủ trước khi đưa ra các quyết định phù hợp, nhằm đảm bảo lợi ích cao nhất cho Công ty.

- Bên cạnh các cuộc họp HĐQT với đầy đủ thành phần theo quy định, các Thành viên HĐQT không điều hành (không bao gồm Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc/Quyền Tổng Giám đốc) đã tổ chức các buổi thảo luận, trao đổi chuyên sâu về nhiều nội dung như: Đánh giá, nhận định diễn biến kinh tế, thị trường tài chính trong và ngoài nước; xu hướng ESG; tăng trưởng tín dụng của hệ thống; xu hướng chuyển đổi số, qua đó góp phần đưa ra các đánh giá khách quan, đa chiều đối với hoạt động của Công ty.
- Trong năm 2025, HĐQT đã ban hành 61 nghị quyết và 28 quyết định về các mặt hoạt động của Công ty.
- HĐQT đã chỉ đạo rà soát và cập nhật các quy định nội bộ nhằm bảo đảm phù hợp với các quy định pháp luật mới/bổ sung/sửa đổi và thực tiễn hoạt động.
- Về xây dựng văn hóa doanh nghiệp, trong năm 2025, các thành viên HĐQT đã tham gia và đồng hành cùng cán bộ nhân viên EVF trong các hoạt động gắn kết do Ban Điều hành và Công đoàn phát động như chương trình từ thiện, hiến máu, giải chạy,... qua đó thể hiện quan điểm lấy con người EVF làm trung tâm của phát triển bền vững.
- Trong năm 2025, HĐQT đã làm việc với nhiều đơn vị tư vấn trong nước và quốc tế, nghiên cứu, cập nhật xu hướng ESG, qua đó xem xét và có định hướng phù hợp cho hoạt động của Công ty trong giai đoạn tới.
- HĐQT đã thực hiện công tác công bố thông tin, tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.
- Các thành viên HĐQT đã tham gia, đồng thời đề nghị Ban Điều hành và Người phụ trách quản trị Công ty tham dự các chương trình hội thảo, đào tạo phù hợp về công tác quản trị; đồng thời xây dựng kế hoạch đào tạo cho năm 2026.



Đánh giá về hoạt động của các ủy ban do HĐQT thành lập:

- Các Ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị theo quy định pháp luật gồm Ủy ban Nhân sự và Ủy ban Quản lý rủi ro, được duy trì hoạt động theo lịch họp định kỳ hoặc đột xuất nhằm tham vấn cho Hội đồng Quản trị tăng cường hiệu quả hoạt động, kịp thời đưa ra các quyết định liên quan đến chính sách nhân sự, chính sách quản lý rủi ro của Công ty.
- Ủy ban Chiến lược với nhiệm vụ tham mưu cho HĐQT về việc xây dựng định hướng, xây dựng mục tiêu chiến lược cho Công ty, các giải pháp và chính sách phát triển của Công ty trong từng thời kỳ.

Các Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Chiến lược được tổ chức họp định kỳ 6 tháng/lần (UBNS), 01 quý/lần (UBQLRR, UBCL) và họp bất thường theo đề xuất/yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban hoặc số lượng thành viên theo quy định, thảo luận, thống nhất, đề xuất các nội dung thuộc phạm vi nhiệm vụ, chức năng của mình.



Đánh giá công tác giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc và Ban Điều hành

- HĐQT thực hiện giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc thông qua việc chỉ đạo hoàn thiện và cập nhật hệ thống các quy định nội bộ, bảo đảm phù hợp với định hướng quản trị và hoạt động của Công ty.
- HĐQT tăng cường chức năng giám sát đối với hoạt động của Ban Điều hành thông qua việc xem xét, đánh giá các chương trình, kế hoạch kinh doanh định kỳ theo quý và năm, giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và việc triển khai các kiến nghị của HĐQT.
- HĐQT thường xuyên tương tác, trao đổi với Người phụ trách quản trị Công ty và các đơn vị liên quan, nhằm kịp thời nắm bắt và cập nhật tình hình hoạt động của Công ty.
- Thành viên độc lập HĐQT đã thực hiện đánh giá khách quan đối với hệ thống văn bản quy định nội bộ, đồng thời đưa ra định hướng trong công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản và có ý kiến với Tổng Giám đốc nhằm tối ưu hóa mô hình tra cứu văn bản nội bộ của Công ty.
- Các Thành viên độc lập HĐQT (thuộc Ủy ban Quản lý rủi ro) đã chủ động tham gia hỗ trợ Tổng Giám đốc và Ban Điều hành trong công tác quản trị rủi ro, góp phần nhận diện sớm các rủi ro tiềm ẩn và duy trì sự ổn định, bền vững trong hoạt động của Công ty.
- Bên cạnh đó, HĐQT thực hiện giám sát Tổng Giám đốc và các thành viên Ban Điều hành trong việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin, đặc biệt đối với các giao dịch liên quan đến sở hữu cổ phiếu EVF và giao dịch với người liên quan, bảo đảm tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Đánh giá về giao dịch liên quan đến người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ của EVF

- Trong năm 2025, HĐQT đã phê duyệt giao dịch với Công ty Cổ phần tái bảo hiểm Alpha là Người có liên quan của người nội bộ EVF (Ông Lê Hoài Nam), liên quan đến hoạt động nghiệp vụ nhận tiền gửi có kỳ hạn, phát hành chứng chỉ tiền gửi.
- Các hoạt động này đều được Công ty thực hiện công bố thông tin đầy đủ, đúng hạn, đúng thẩm quyền phê duyệt và đúng hạn mức giao dịch theo quy định nội bộ và quy định pháp luật.

1.5. DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY, DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THAM GIA CÁC CHƯƠNG TRÌNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TRONG NĂM

Ngay từ đầu năm, Hội đồng Quản trị đã xác định và bám sát mục tiêu, xây dựng kế hoạch đào tạo trong hoạt động quản trị Công ty. Trong năm, tất cả các thành viên HĐQT đã tham gia các chương trình đào tạo hữu ích, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động. Cụ thể như sau:

TT	Khóa đào tạo đã tham gia	Thời gian đào tạo	Đối tượng tham gia
1	Diễn đàn "Vì một mùa Đại hội đồng cổ đông đổi mới" 2025	Tháng 02/2025	Chủ tịch HĐQT Thành viên HĐQT
2	Chương trình Chứng nhận Thành viên Hội đồng Quản trị của Viện Thành viên HĐQT Việt Nam (*)	Tháng 4/2025	Thành viên HĐQT
3	Tọa đàm cấp cao: Chiến lược xây dựng hạ tầng dữ liệu linh hoạt và bền vững cho ngân hàng Việt Nam	Tháng 7/2025	Phó Chủ tịch HĐQT
4	Hội thảo "Nâng cao nhận thức nhà đầu tư hướng tới năng hạng thị trường chứng khoán"	Tháng 7/2025	Phó Chủ tịch HĐQT
5	Hội thảo Đột phá chuyển đổi số ngành ngân hàng: Dữ liệu là nền tảng, khách hàng là trung tâm	Tháng 9/2025	Phó Chủ tịch HĐQT
6	Diễn đàn Chuyển hoá Lãnh đạo và Tổ chức 2025	Tháng 10/2025	Chủ tịch HĐQT
7	Chương trình Chuyên sâu về Ủy ban Kiểm toán - ACMP10	Tháng 11/2025	Chủ tịch HĐQT
8	Đào tạo nâng cao nhận thức về Thẻ điểm Quản trị Công ty (ACGS)	Tháng 12/2025	Người phụ trách Quản trị Công ty
9	Diễn đàn Thường niên lần thứ 8 (AF8) Viện thành viên HĐQT Việt Nam - Chiến lược định vị giá trị danh tiếng và niềm tin & Kết nối thể hệ - năng lực cạnh tranh lõi gia tăng giá trị công ty	Tháng 12/2025	Chủ tịch HĐQT

(*) Hiện tại, 04 thành viên Hội đồng Quản trị của EVF đã tham dự Chương trình Chứng nhận Thành viên Hội đồng Quản trị của Viện Thành viên HĐQT Việt Nam.

Bên cạnh đó, người phụ trách quản trị Công ty và các nhân sự trong các bộ phận hỗ trợ đã được HĐQT cử tham gia khóa đào tạo chuyên sâu - Đào tạo nâng cao nhận thức về Thẻ điểm Quản trị Công ty (ACGS) nhằm hỗ trợ thực hành tốt vai trò, trách nhiệm của Công ty.

2. BAN KIỂM SOÁT

2.1. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ -TCĐL ngày 17/3/2023 do Đại hội đồng cổ đông thông qua, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028 có 3 thành viên. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát tại thời điểm 31/12/2025 là 03 thành viên.

STT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại EVF
1	Ông Lê Long Giang	Trưởng Ban Kiểm soát	0,005%
2	Bà Lê Khánh Ngọc	Thành viên Ban Kiểm soát	0,01%
3	Ông Nghiêm Khắc Đạt	Thành viên Ban Kiểm soát	0,006%

2.2. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ chính bao gồm:

- Giám sát việc thực hiện các định hướng và mục tiêu kinh doanh năm 2025 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 2025; giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị.
- Thông qua hoạt động kiểm toán nội bộ để giám sát việc tổ chức thực hiện hoạt động kinh doanh, điều hành và quản lý rủi ro đối với các đơn vị do Tổng giám đốc quản lý.
- Giám sát Phòng Kiểm toán nội bộ thực hiện theo kế hoạch kiểm toán 2025 được Ban Kiểm soát phê duyệt, bao gồm rà soát việc tuân thủ quy định Pháp luật, Ngân hàng Nhà nước trong việc xây dựng và ban hành quy định nội bộ của Công ty. Kết quả kiểm toán được lập thành báo cáo gửi đến các cấp có thẩm quyền trong đó có các kiến nghị nhằm khắc phục các sai sót, sửa đổi và bổ sung quy định/ quy trình nghiệp vụ, tăng cường hệ thống kiểm tra/kiểm soát nội bộ.
- Thẩm định Báo cáo tài chính (BCTC) 2024 và BCTC bán niên 2025 trên cơ sở BCTC đã được kiểm toán của Công ty; Rà soát các hạn chế để đảm bảo an toàn trong hoạt động của TCTD theo quy định tại Chương VII của Luật TCTD 2024.
- Theo dõi, cập nhật danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông nắm từ 1% vốn điều lệ trở lên và người có liên quan đến thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Điều hành.

Năm 2025, Ban Kiểm soát tổ chức 8 phiên họp với đầy đủ 100% thành viên tham gia về triển khai hoạt động của Ban Kiểm soát và tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ. Ngoài ra, Ban Kiểm soát tham gia các buổi họp do Hội đồng Quản trị tổ chức, các cuộc họp triển khai kế hoạch kinh doanh hàng quý và một số cuộc họp khác của Công ty để kịp thời cập nhật thông tin cho mục đích giám sát.

3. CÁC GIAO DỊCH, LƯƠNG, THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC

3.1. LƯƠNG, THÙ LAO, PHỤ CẤP CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Ở MỖI BẢNG TƯƠNG ỨNG VỚI VỊ TRÍ CHỨC DANH TẠI TỪNG THỜI KỲ)

Thù lao của Hội đồng Quản trị

Đơn vị: Triệu VND

Họ và tên	Chức danh	Số tiền	Ghi chú
Ông Phạm Trung Kiên	Chủ tịch HĐQT	2.277	
Ông Lê Mạnh Linh	Phó chủ tịch HĐQT	1.009	Miễn nhiệm chức danh này từ ngày 21/8/2025
Ông Mai Danh Hiến	Phó chủ tịch HĐQT	747	Bổ nhiệm chức danh này từ ngày 21/8/2025
Ông Nguyễn Trung Thành	Thành viên Hội đồng Quản trị	127	Miễn nhiệm chức danh này từ 05/4/2025
Ông Lê Hoài Nam	Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị	721	
Ông Nguyễn Văn Hải	Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị	1.222	

Thù lao của Ban Kiểm soát

Đơn vị: Triệu VND

Họ và tên	Chức danh	Số tiền
Ông Lê Long Giang	Trưởng Ban Kiểm soát	1.411
Bà Lê Khánh Ngọc	Thành viên Ban Kiểm soát	974
Ông Nghiêm Khắc Đạt	Thành viên Ban Kiểm soát	512

Lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Đơn vị: Triệu VND

Họ và tên	Chức danh	Số tiền	Ghi chú
Ông Lê Mạnh Linh	Quyển Tổng Giám đốc	1.253	Bổ nhiệm chức danh này từ 21/8/2025 đến 27/01/2026
Ông Mai Danh Hiến	Tổng Giám đốc	2.368	Miễn nhiệm chức danh này từ 21/8/2025
Ông Lê Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	2.177	
Ông Đào Lê Huy	Phó Tổng Giám đốc	410	Miễn nhiệm chức danh này từ 08/4/2025
Bà Tôn Thị Hải Yến	Phó Tổng Giám đốc	2.266	
Ông Nguyễn Xuân Điệp	Phó Tổng Giám đốc	1.514	Bổ nhiệm chức danh này từ 08/4/2025
Ông Tống Nhật Linh	Kế toán trưởng	1.107	

3.2. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch cổ phiếu và công bố thông tin giao dịch.

Thông tin được cập nhật tại Phụ lục số 05 Báo cáo Quản trị Công ty năm 2025 số 02/BC-HĐQT-TCĐL ban hành ngày 29/01/2026 và công bố thông tin ngày 30/01/2026 tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và được đăng tải cùng ngày trên website Công ty.

3.3. HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Trong năm 2025, HĐQT đã phê duyệt giao dịch với Công ty Cổ phần tài bảo hiểm Alpha là Người có liên quan của người nội bộ EVF (ông Lê Hoài Nam), liên quan đến hoạt động nghiệp vụ nhận tiền gửi có kỳ hạn, phát hành chứng chỉ tiền gửi.

Thông tin về giao dịch với người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ được trình bày tại Thuyết minh số VIII.7 Báo cáo tài chính năm 2025 (đã được kiểm toán) và Phụ lục số 03 Báo cáo Quản trị Công ty năm 2025 số 02/BC-HĐQT-TCĐL ban hành ngày 29/01/2026 và công bố thông tin ngày 30/01/2026 tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và được đăng tải cùng ngày trên website Công ty.

3.4. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty khẳng định luôn tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về quản trị công ty gồm Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, và các văn bản quy định pháp luật khác có liên quan về quản trị công ty.



06

CHƯƠNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Thông tin chung
2. Báo cáo của Ban Điều hành
3. Báo cáo Kiểm toán độc lập
4. Bản thuyết minh Báo cáo Tài chính



1. THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực (gọi tắt là "Công ty") là một Công ty cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam theo Giấy phép hoạt động số 187/GP-NHNN ngày 07 tháng 07 năm 2008 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN") cấp, sửa đổi bổ sung mới nhất theo Quyết định số 2055/QĐ-QLGD6 do Cục Quản lý, Giám sát Tổ chức tín dụng – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 22 tháng 09 năm 2025.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Huy động vốn dưới các hình thức nhận tiền gửi, phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu; vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật; vay tái cấp vốn tại Ngân hàng Nhà nước;
- Cho vay, bao gồm cả cho vay trả góp và cho vay tiêu dùng; chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng, các giấy tờ có giá khác; và
- Các hoạt động khác trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng bao gồm mở và quản lý tài khoản tiền gửi, tiền vay cho khách hàng; góp vốn mua cổ phần; đại lý kinh doanh bảo hiểm; cung ứng dịch vụ tư vấn; cung ứng dịch vụ quản lý và bảo quản tài sản; mua bán trái phiếu Chính phủ; kinh doanh ngoại hối; mua bán nợ.

Vốn điều lệ của Công ty: **7.605.658.020.000 VND**

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ	Tầng 6,7 tòa nhà Thaisquare Caliria - số 11A Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội.
Điện thoại	(84-24) 2222.9999
Fax	(84-24) 2222.1999
Mã số thuế	0102806367

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng quản trị trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Trung Kiên	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 03 năm 2023
Ông Phạm Trung Kiên	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 17 tháng 03 năm 2023
Ông Mai Danh Hiến	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 08 năm 2025
Ông Mai Danh Hiến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 03 năm 2023
Ông Lê Mạnh Linh	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 08 năm 2025
Ông Lê Mạnh Linh	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 05 năm 2024
Ông Lê Mạnh Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 03 năm 2023
Ông Lê Hoài Nam	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 03 năm 2023
Ông Nguyễn Văn Hải	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 03 năm 2023
Ông Nguyễn Trung Thành	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 04 năm 2025
Ông Nguyễn Trung Thành	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 03 năm 2023

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Lê Long Giang	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 03 năm 2023
Ông Lê Long Giang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 03 năm 2023
Bà Lê Khánh Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 03 năm 2023
Ông Nghiêm Khắc Đạt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 03 năm 2023

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều hành trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Lê Mạnh Linh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 01 năm 2026
Ông Mai Danh Hiến	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 08 năm 2025
Ông Đào Lê Huy	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 08 tháng 04 năm 2025
Ông Lê Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 09 năm 2025
Bà Tôn Thị Hải Yến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2023
Ông Nguyễn Xuân Điệp	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 04 năm 2025
Ông Tống Nhật Linh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2021

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Mai Danh Hiến	Tổng Giám đốc	Đến ngày 20/08/2025
Ông Phạm Trung Kiên	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Từ ngày 21/08/2025 đến ngày 27/01/2026
Ông Lê Mạnh Linh	Tổng Giám đốc	Từ ngày 28/01/2026

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

2. BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực ("Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các số kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các số kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Điều hành,

Tổng Giám đốc

LÊ MẠNH LINH

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 09 tháng 02 năm 2026

3. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH**

CÔNG TY TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực ("Công ty") được lập ngày 09 tháng 02 năm 2026 và được trình bày từ trang 7 đến trang 54, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Vũ Minh Khôi – Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2897-2025-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2026

tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2897-2025-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: Triệu VND

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	Tại 31/12/2025	Tại 31/12/2024
A - TÀI SẢN				
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	V.1	7.134	4.360
II	Tiền gửi tại ngân hàng Nhà nước Việt Nam ('NHNN')	V.2	416.460	497.213
III	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	V.3	6.408.017	4.891.725
1.	Tiền gửi tại các TCTD khác	V.3.1	6.408.017	4.891.725
IV	Chứng khoán kinh doanh	V.4	6.039.085	714.205
1.	Chứng khoán kinh doanh		6.048.391	714.205
2.	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(9.306)	-
V	Cho vay khách hàng		60.885.389	46.306.649
1.	Cho vay khách hàng	V.5	61.745.129	46.802.982
2.	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	V.6	(859.740)	(496.333)
VI	Hoạt động mua nợ	V.7	1.973.090	-
1.	Mua nợ		1.988.000	-
2.	Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ (*)		(14.910)	-
VII	Chứng khoán đầu tư	V.8	1.757.528	1.902.188
1.	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		1.795.912	2.082.175
2.	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(38.384)	(179.987)
VIII	Góp vốn, đầu tư dài hạn	V.9	1.784.216	1.826.477
1.	Đầu tư dài hạn khác		1.844.487	1.881.987
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(60.271)	(55.510)
IX	Tài sản cố định		238.982	65.309
1.	Tài sản cố định hữu hình	V.10	27.915	23.642
a.	Nguyên giá		107.891	107.534
b.	Giá trị hao mòn lũy kế		(79.976)	(83.892)
2.	Tài sản cố định vô hình	V.11	211.067	41.667
a.	Nguyên giá		277.209	99.074
b.	Giá trị hao mòn lũy kế		(66.142)	(57.407)
X	Tài sản có khác	V.12	3.548.257	3.390.435
1.	Các khoản phải thu	V.12.1	1.372.805	1.958.713
2.	Các khoản lãi, phí phải thu	V.12.2	2.106.002	1.422.608
3.	Tài sản Có khác	V.12.3	115.810	70.538
4.	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	V.12.4	(46.360)	(61.424)
TỔNG TÀI SẢN CÓ			83.058.158	59.598.561

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: Triệu VND

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	Tại 31/12/2025	Tại 31/12/2024
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I	Tiền gửi và vay các TCTD khác			
	V.13		17.009.221	11.734.293
1.	Tiền gửi của các TCTD khác		6.528.858	3.870.200
2.	Vay các TCTD khác		10.480.363	7.864.093
II.	Tiền gửi của khách hàng			
	V.14		14.552.400	10.210.723
III.	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác			
	V.15		255.396	164.717
IV.	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro			
	V.16		8.636.750	8.587.674
V.	Phát hành giấy tờ có giá			
	V.17		30.842.000	18.556.000
VI.	Các khoản nợ khác			
			1.886.102	1.337.966
1.	Các khoản lãi, phí phải trả	V.18	1.507.621	1.036.166
2.	Các khoản phải trả và công nợ khác	V.19	378.481	301.800
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		73.181.869	50.591.373
VII.	Vốn và các quỹ			
	V.21		9.876.289	9.007.188
1.	Vốn của Công ty		7.958.548	7.958.548
	Vốn điều lệ		7.605.658	7.605.658
	Vốn đầu tư XD CB, mua sắm tài sản cố định		2.328	2.328
	Thặng dư vốn cổ phần		350.562	350.562
2.	Quỹ của Công ty	V.21.2	608.723	480.140
3.	Lợi nhuận chưa phân phối		1.309.018	568.500
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		9.876.289	9.007.188
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		83.058.158	59.598.561

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị: Triệu VND

STT	Chi tiêu	Tại 31/12/2025	Tại 31/12/2024
1.	Cam kết giao dịch hối đoái	18.932.173	21.125.874
	Cam kết mua ngoại tệ	526.160	662.017
	Cam kết bán ngoại tệ	514.200	641.290
	Cam kết giao dịch hoán đổi	17.891.813	19.822.567
2.	Bảo lãnh khác	38.359	34.330
3.	Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	277.001	288.070
4.	Nợ khó đòi đã xử lý	3.241.811	2.837.771
5.	Tài sản và chứng từ khác	6.006.185	4.058.200

Ngày 09 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu



Trương Tuấn Đạt

Kế toán trưởng



Tống Nhật Linh

Tổng Giám đốc



Lê Mạnh Linh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: Triệu VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	VI.1	5.501.970	4.276.780
2 Chi phí lãi và các chi phí tương tự	VI.2	(3.610.229)	(2.832.445)
I Thu nhập lãi thuần		1.891.741	1.444.335
3 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		65.217	74.791
4 Chi phí hoạt động dịch vụ		(17.564)	(34.532)
II Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	VI.3	47.653	40.259
III Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	VI.4	(49.224)	(43.142)
IV Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	VI.5	19.400	15.217
V Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	VI.6	170.772	(49.746)
5 Thu nhập từ hoạt động khác		88.302	80.311
6 Chi phí hoạt động khác		(2.236)	(560)
VI Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động khác	VI.8	86.066	79.751
VII Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	VI.7	47.166	15.411
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		2.213.574	1.502.085
VIII TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	VI.9	(280.526)	(153.005)
IX Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		1.933.048	1.349.080
X Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	VI.10	(828.823)	(645.306)
XI Tổng lợi nhuận trước thuế		1.104.225	703.774
7 Chi phí thuế TNDN hiện hành	V.20	(209.888)	(142.952)
XII Chi phí thuế TNDN		(209.888)	(142.952)
XIII Lợi nhuận sau thuế		894.337	560.822
XIV Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)		1.123	704

Ngày 09 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Trương Tuấn Đạt

Kế toán trưởng

Tống Nhật Linh

Tổng Giám đốc

Lê Mạnh Linh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: Triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2025	Năm 2024
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	4.816.463	4.534.953
02	Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự đã trả	(3.138.774)	(3.006.740)
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	49.766	42.828
04	Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, chứng khoán)	8.651	(2.328)
05	Thu nhập/(Lỗ) khác	(1.978)	3.320
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn rủi ro	87.984	76.341
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(256.334)	(209.685)
08	Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	(162.643)	(81.211)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động	1.403.135	1.357.478
	Những thay đổi về tài sản hoạt động	(21.886.345)	(16.277.701)
09	(Tăng)/ Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán	(5.047.923)	(1.131.639)
10	(Tăng)/ Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	116.840
11	(Tăng)/ Giảm các khoản cho vay khách hàng	(16.930.147)	(13.249.594)
12	Tăng/(Giảm) nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất các khoản	(462.435)	(609.584)
13	(Tăng)/ Giảm khác về tài sản hoạt động	554.160	(1.403.724)
	Những thay đổi về công nợ hoạt động	22.029.641	9.917.634
14	Tăng/ (Giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng	5.274.928	822.533
15	Tăng/ (Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)	4.341.677	7.209.186
16	Tăng phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)	12.286.000	1.135.000
17	Tăng/ (Giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	49.076	571.274
18	Tăng/ (Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	90.679	164.717
19	Tăng/ (Giảm) khác về công nợ hoạt động	(5.619)	21.521
20	Chi từ các quỹ của TCTD	(7.100)	(6.597)
I	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	1.546.431	(5.002.589)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2025	Năm 2024
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	Mua sắm tài sản cố định	(192.016)	(4.942)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	60	90
03	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	(82.500)	(1.207.454)
04	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	120.000	331.851
05	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	47.166	15.204
II	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(107.290)	(865.251)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
01	Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	(828)	(1.740)
III	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(828)	(1.740)
IV	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	1.438.313	(5.869.580)
V	Tiền và tương đương tiền đầu năm (Thuyết minh VII.1)	5.393.298	11.262.878
VI	Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	-	-
VII	Tiền và tương đương tiền cuối năm (Thuyết minh VII.1)	6.831.611	5.393.298

Ngày 09 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Trương Tuấn Đạt

Kế toán trưởng

Tống Nhật Linh

Tổng Giám đốc

Lê Mạnh Linh

4. BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực (gọi tắt là "Công ty") là một Công ty cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam theo Giấy phép hoạt động số 187/GP-NHNN ngày 07 tháng 07 năm 2008 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN") cấp, sửa đổi bổ sung mới nhất theo Quyết định số 2055/QĐ-QLGD6 do Cục Quản lý, Giám sát Tổ chức tín dụng – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 22 tháng 09 năm 2025.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm

- Huy động vốn dưới các hình thức nhận tiền gửi, phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu; vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật; vay tái cấp vốn tại Ngân hàng Nhà nước;
- Cho vay, bao gồm cả cho vay trả góp và cho vay tiêu dùng; chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng, các giấy tờ có giá khác; và
- Các hoạt động khác trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng bao gồm mở và quản lý tài khoản tiền gửi, tiền vay cho khách hàng; góp vốn mua cổ phần; đại lý kinh doanh bảo hiểm; cung ứng dịch vụ tư vấn; cung ứng dịch vụ quản lý và bảo quản tài sản, mua bán trái phiếu Chính phủ; kinh doanh ngoại hối; mua bán nợ.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 là **7.605.658.020.000 đồng** (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 7.605.658.020.000 đồng).

Mạng lưới hoạt động

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Tầng 6,7 tòa nhà Thaisquare Caliria - số 11A Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có một (01) Hội sở chính và ba (03) chi nhánh tại thành phố Hà Nội, thành phố Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh.

Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 288 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 289 người).

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

II. KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. ĐƠN VỊ TIỀN TỆ KẾ TOÁN VÀ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác lập Báo cáo tài chính của Công ty là đồng Việt Nam ("VND"). Cho mục đích trình bày Báo cáo tài chính này, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam ("triệu VND" hoặc "triệu đồng"). Việc trình bày này không ảnh hưởng đến việc nhìn nhận của người đọc Báo cáo tài chính về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty.



III. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN

1. TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định báo cáo tài chính đính kèm được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 về việc ban hành hệ thống tài khoản kế toán các Tổ chức tín dụng và các quy định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN; Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 về ban hành chế độ Báo cáo tài chính đối với các Tổ chức tín dụng và các quy định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN; Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, Báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng Báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Các khoản mục không được trình bày trên Báo cáo tài chính này theo Chế độ Báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng do NHNN ban hành tại Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung là các khoản mục không có số dư.

3. CÁC CƠ SỞ ĐÁNH GIÁ VÀ CÁC ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Việc trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc Công ty phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các khoản nợ tiềm tàng. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được lập dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể khác với các ước tính dẫn đến các thay đổi trong tương lai liên quan đến các số liệu dự phòng này.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng Nhà nước, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi tại các TCTD khác có thời gian đáo hạn không quá ba (03) tháng kể từ ngày gửi, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. TIỀN GỬI TẠI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 31/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024 quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 31") và Nghị định 86/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2024 quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp tổ chức tín dụng phân bổ lãi phải thu phải thoái ("Nghị định 86"). Theo đó, Công ty trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi (trừ tiền gửi không kỳ hạn tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội và trừ tiền gửi không kỳ hạn tại tổ chức tín dụng ở nước ngoài) và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo phương pháp được trình bày tại Thuyết minh số IV.6.

Theo Thông tư 31, Công ty không cần phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác.

4. CHO VAY KHÁCH HÀNG

Các khoản cho vay khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Dự phòng rủi ro tín dụng của các khoản cho vay khách hàng được hạch toán và trình bày thành một dòng riêng trên Báo cáo tình hình tài chính.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay dưới hoặc bằng một (01) năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay trên một (01) năm đến năm (05) năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên năm (05) năm tính từ ngày giải ngân.

Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư 31 và được trình bày ở Thuyết minh số IV.6.

5. PHÂN LOẠI NỢ VÀ MỨC TRÍCH, PHƯƠNG PHÁP TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG RỦI RO CHO TIỀN GỬI TẠI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG ("TCTD") KHÁC VÀ CHO VAY KHÁCH HÀNG

Công ty áp dụng phương pháp định lượng quy định tại Điều 10 Thông tư 31 trong việc phân loại nợ đối với các tài sản có sau: các khoản tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác; mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp (bao gồm trái phiếu do các TCTD khác phát hành) chưa niêm yết; cho vay khách hàng; ủy thác cấp tín dụng; mua, bán nợ theo quy định; mua bán lại trái phiếu Chính phủ trên thị trường chứng khoán; mua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành (gọi chung là "các khoản nợ").

Việc phân loại nợ đối với các khoản tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng, ủy thác cấp tín dụng và các khoản phải thu chịu rủi ro tín dụng khác (gọi chung là "các khoản nợ") được thực hiện theo phương pháp định lượng được quy định tại Điều 10 của Thông tư 31.

Tuy nhiên, trong một số trường hợp, việc phân loại nợ sẽ được tham khảo đến một số yếu tố định tính (nếu có). Cụ thể, Công ty phân loại nợ vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn trong các trường hợp sau khi đã thực hiện các biện pháp thu hồi nợ từ khách hàng như gọi điện thoại, gửi tin nhắn bằng văn bản, gửi thư nhắc nhở và đến nơi cư trú của khách hàng:

- Khách hàng có khó khăn về tài chính như thất nghiệp hoặc các biến cố không mong muốn (tai nạn cá nhân hoặc bệnh tật,...) dẫn đến việc chậm thanh toán;
- Khách hàng không thể liên lạc được;
- Khách hàng đã bán nhà hoặc bỏ trốn sau khi giải ngân khoản vay;
- Khách hàng đã mất hoặc đang ngồi tù, người thân của khách hàng không trả nợ thay;
- Khả năng trả nợ của khách hàng liên tục suy giảm sau khi Công ty đánh giá lại.

Các khoản nợ được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, nợ cần chú ý, nợ dưới tiêu chuẩn, nợ nghi ngờ và nợ có khả năng mất vốn theo quy định tại Thông tư 31. Các khoản nợ được phân loại là nợ dưới tiêu chuẩn, nợ nghi ngờ và nợ có khả năng mất vốn được coi là nợ xấu.

Việc phân loại nợ và tỷ lệ dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ cụ thể như sau:

Nhóm nợ	Phân loại nợ theo phương pháp định lượng	Phân loại nợ theo phương pháp định tính	Tỷ lệ dự phòng	
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	<p>a. Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc</p> <p>b. Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn; hoặc</p> <p>c. Nợ được phân loại vào nhóm 1 theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Thông tư 31.</p>	Các khoản nợ được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn.	0%
2	Nợ cần chú ý	<p>a. Nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc</p> <p>b. Khoản nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu còn trong hạn, trừ khoản nợ quy định tại điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 10 Thông tư 31;</p> <p>c. Nợ được phân loại vào nhóm 2 theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 10 Thông tư 31.</p>	Các khoản nợ được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi nhưng có dấu hiệu khách hàng suy giảm khả năng trả nợ.	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	<p>a. Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc</p> <p>b. Nợ gia hạn nợ lần đầu; hoặc</p> <p>c. Nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng; hoặc</p> <p>d. Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi:</p> <ul style="list-style-type: none"> Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 134 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 135 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5, 9 Điều 136 Luật các tổ chức tín dụng. <p>e. Khoản nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra;</p> <p>f. Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi;</p> <p>g. Khoản nợ được phân loại vào nhóm 3 theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 10 Thông tư 31;</p> <p>h. Khoản nợ phải phân loại vào nhóm 3 theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư 31.</p>	Các khoản nợ được đánh giá là không có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi khi đến hạn, có khả năng tổn thất.	20%

Nhóm nợ	Phân loại nợ theo phương pháp định lượng	Phân loại nợ theo phương pháp định tính	Tỷ lệ dự phòng	
4	Nợ nghi ngờ	<p>a. Khoản nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày, trừ khoản nợ quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư 31;</p> <p>b. Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn đến 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu, trừ khoản nợ quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư 31;</p> <p>c. Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai còn trong hạn, trừ khoản nợ quy định tại điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 10 Thông tư 31;</p> <p>d. Khoản nợ quy định tại điểm c(iv) khoản 1 Điều 10 Thông tư 31 chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi;</p> <p>e. Khoản nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra đến 60 ngày mà chưa thu hồi được;</p> <p>f. Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi;</p> <p>g. Khoản nợ được phân loại vào nhóm 4 theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 10 Thông tư 31;</p> <p>h. Khoản nợ phải phân loại vào nhóm 4 theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư 31;</p>	Các khoản nợ được đánh giá là có khả năng tổn thất cao.	50%

Nhóm nợ	Phân loại nợ theo phương pháp định lượng	Phân loại nợ theo phương pháp định tính	Tỷ lệ dự phòng
5	Nợ có khả năng mất vốn a. Khoản nợ quá hạn trên 360 ngày; b. Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 91 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; c. Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; d. Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, trừ khoản nợ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 Thông tư 31; e. Khoản nợ quy định tại điểm c(iv) khoản 1 Điều 10 Thông tư 31 chưa thu hồi được trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; f. Khoản nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra trên 60 ngày mà chưa thu hồi được; g. Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng chưa thu hồi được trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; h. Khoản nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng đang được kiểm soát đặc biệt, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang bị phong tỏa vốn và tài sản; i. Khoản nợ được phân loại vào nhóm 5 theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư 31; j. Khoản nợ phải phân loại vào nhóm 5 theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư 31.	Các khoản nợ được đánh giá là không còn khả năng thu hồi, mất vốn.	100%

Dự phòng cụ thể

Dự phòng cụ thể tại ngày 31 tháng 12 được xác định bằng dư nợ sau khi trừ đi (-) giá trị tài sản đảm bảo đã được khấu trừ, nhân với (x) tỷ lệ dự phòng theo phân loại nhóm nợ tại ngày 31 tháng 12. Cơ sở xác định giá trị và giá trị khấu trừ của từng loại tài sản đảm bảo được quy định trong Nghị định 86.

Ngoài ra, Công ty trích lập dự phòng cụ thể đối với Khách hàng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi theo quy định tại Thông tư 03/2021/TT-NHNN ngày 02 tháng 4 năm 2021 (nếu có) như sau:

- Xác định số tiền dự phòng cụ thể phải trích đối với toàn bộ dư nợ của khách hàng theo kết quả phân loại nợ theo Thông tư 31: (A)
- Xác định số tiền dự phòng cụ thể đối với phần dư nợ được giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư 31 và đối với phần dư nợ còn lại của khách hàng theo Thông tư 31: (B)
- Dự phòng cụ thể trích bổ sung (C) bằng chênh lệch (A) – (B) được thực hiện trích bổ sung như sau:
 - Đến thời điểm 31/12/2021: Tối thiểu 30% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung;
 - Đến thời điểm 31/12/2022: Tối thiểu 60% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung;
 - Đến thời điểm 31/12/2023: 100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung.

Dự phòng chung

Theo Nghị định 86, Công ty thực hiện trích lập dự phòng chung tại ngày 31 tháng 12 với mức bằng 0,75% tổng số dư tại ngày 31 tháng 12 của các khoản nợ ngoại trừ các khoản tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác; khoản cho vay, mua có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng; các khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn; các khoản mua kỳ phiếu, tín phiếu; chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành trong nước; các khoản mua bán lại trái phiếu Chính phủ.

Xử lý rủi ro tín dụng

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên Báo cáo kết quả hoạt động và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Theo Nghị định 86, Công ty thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu khách hàng vay là tổ chức bị giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

6. HOẠT ĐỘNG MUA, BÁN NỢ

Theo Thông tư số 18/2022/TT-NHNN ("Thông tư 18") ngày 26 tháng 12 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17 tháng 7 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, các khoản nợ đã bán được xử lý tài chính, hạch toán kế toán như sau:

Hoạt động bán nợ**a. Đối với khoản nợ có nợ gốc đang hạch toán nội bảng:**

- Việc xử lý thu hồi nợ được thực hiện theo nguyên tắc: thu hồi nợ gốc trước, nợ lãi sau;
- Trường hợp giá bán nợ cao hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ nội bảng của khoản nợ được bán, sau khi thu hồi số nợ gốc, nợ lãi của khoản nợ đã bán, phần chênh lệch (nếu có) giữa giá bán nợ và giá trị ghi sổ nội bảng của khoản nợ được bán, Công ty ghi nhận vào thu nhập;
- Trường hợp giá bán nợ thấp hơn giá trị ghi sổ nội bảng của khoản nợ được bán, ngoài số tiền thu được từ bán nợ, Công ty sử dụng tiền bồi thường (trong trường hợp bị tổn thất về tài sản do nguyên nhân chủ quan và phải bồi thường theo quy định về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài), tiền bảo hiểm (nếu có) để thu hồi nợ. Sau khi sử dụng hết số tiền thu được từ bán nợ, tiền bồi thường, tiền bảo hiểm nêu trên để thu hồi nợ mà vẫn thiếu, Công ty thực hiện như sau:
 - Đối với số nợ gốc không thu được: Công ty sử dụng dự phòng được trích lập trong chi phí, trường hợp thiếu được bù đắp bằng quỹ dự phòng tài chính của Công ty. Trường hợp quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp thì phần thiếu được hạch toán vào chi phí khác trong năm. Sau khi hoàn thành việc xử lý tài chính nêu trên, Công ty thực hiện xuất toán đối với số nợ gốc không thu được;
 - Đối với số nợ lãi không thu được: Trường hợp, số nợ lãi đang được ghi nhận nội bảng đã hạch toán vào thu nhập, Công ty thực hiện hạch toán giảm thu nhập hoặc hạch toán vào chi phí theo quy định về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trường hợp, số nợ lãi đang được ghi nhận ngoại bảng, Công ty thực hiện xuất toán số nợ lãi của khoản nợ đã bán.

b. Đối với khoản nợ đang theo dõi ngoại bảng:

Công ty thực hiện xuất toán khoản nợ đã bán khỏi ngoại bảng và ghi nhận số tiền bán nợ (theo giá bán nợ) vào thu nhập.

c. Đối với khoản nợ đã xuất toán ra khỏi ngoại bảng:

Số tiền bán nợ được ghi nhận vào thu nhập của Công ty.

Hoạt động mua nợ

Đối với các khoản mua nợ, Công ty phân loại số tiền đã thanh toán để mua nợ vào nhóm có mức độ rủi ro không thấp hơn nhóm mà khoản nợ đó đã được phân loại trước khi mua. Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng cho các khoản mua nợ được thực hiện tương tự như các khoản cho vay khách hàng khác được trình bày tại thuyết minh "Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi tại các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác và cho vay khách hàng".

- Đối với số nợ lãi không thu được: Trường hợp, số nợ lãi đang được ghi nhận nội bảng đã hạch toán vào thu nhập, Công ty thực hiện hạch toán giảm thu nhập hoặc hạch toán vào chi phí theo quy định về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trường hợp, số nợ lãi đang được ghi nhận ngoại bảng, Công ty thực hiện xuất toán số nợ lãi của khoản nợ đã bán.
- Giá mua khoản nợ theo hợp đồng được hạch toán trong nội bảng.
- Giá trị nợ gốc, lãi của khoản nợ đã mua được theo dõi ngoại bảng.

Nếu thu được tiền lãi của khoản nợ bao gồm cả tiền lãi từ trước khi Công ty mua khoản nợ đó, Công ty thực hiện phân bổ số tiền lãi theo nguyên tắc: (i) ghi giảm giá trị của khoản mua nợ số tiền lãi trước khi mua; (ii) ghi nhận là thu nhập số tiền lãi của kỳ sau khi Công ty mua nợ.

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**7.1 Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh bao gồm chứng khoán nợ được mua với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh". Chứng khoán kinh doanh được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Công ty đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

7.2 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được Công ty nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi.

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch. Lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ tiếp theo, các chứng khoán nợ này được ghi nhận theo mệnh giá và chiết khấu/phụ trội (nếu có) được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi nhận được trong thời gian nắm giữ chứng khoán được ghi nhận theo nguyên tắc: Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của tài khoản lãi dự thu, và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của Công ty theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian đầu tư chứng khoán.

Định kỳ, chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá.

Chứng khoán sẵn sàng để bán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư".

Đối với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các doanh nghiệp đại chúng chưa niêm yết, Công ty tiến hành trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo Nghị định 86 như được trình bày tại Thuyết minh số IV.5.

7.3 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ được Công ty mua hẳn với mục đích đầu tư để hưởng lãi suất và Công ty có ý định và có khả năng giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn có giá trị xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Trong trường hợp chứng khoán được bán hẳn trước thời điểm đáo hạn, các chứng khoán này sẽ được phân loại lại sang chứng khoán kinh doanh hay chứng khoán sẵn sàng để bán.

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch. Lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ tiếp theo, các chứng khoán nợ này được ghi nhận theo mệnh giá và chiết khấu/phụ trội (nếu có) được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi nhận được trong thời gian nắm giữ chứng khoán được ghi nhận theo nguyên tắc: Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của tài khoản lãi dự thu, và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của Công ty theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian đầu tư chứng khoán.

Định kỳ, chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Đối với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán, Công ty tiến hành trích lập dự phòng rủi ro theo Nghị định 86 như được trình bày tại Thuyết minh số IV.6.

Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư".

7.4 Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác mà Công ty có từ 11% quyền biểu quyết trở xuống. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc tại thời điểm đầu tư và sau đó được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư dài hạn khác được lập trong trường hợp các tổ chức kinh tế này bị thua lỗ. Dự phòng giảm giá được tính bằng tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế trừ (-) vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ sở hữu của Công ty tại tổ chức kinh tế theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp ("Thông tư 48").

8. CÁC HỢP ĐỒNG MUA LẠI VÀ BÁN LẠI

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên Báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào Báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên Báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một tài sản trên Báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào Báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định bao gồm tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao hay hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao/hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

10. KHẤU HAO VÀ HAO MÒN

Khấu hao và hao mòn của tài sản cố định hữu hình và vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 25 năm
Phần mềm máy vi tính	03 - 08 năm
Tài sản cố định vô hình khác	02 - 20 năm

11. THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các khoản tiền thuê theo các hợp đồng thuê hoạt động được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào khoản mục "Chi phí hoạt động khác" trên Báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời hạn thuê tài sản.

12. CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc.

Đối với các khoản phải thu không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng và đã quá hạn thanh toán, Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48 và Thông tư số 24/2022/TT-BTC ngày 07 tháng 04 năm 2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 48. Theo đó, các tài sản có này được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo thời gian quá hạn hoặc theo dự kiến tổn thất không thu hồi được với các Tài sản có chưa đến hạn thanh toán nhưng Công ty thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

14. TIỀN GỬI VÀ ĐI VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC, TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

Tiền gửi và đi vay các tổ chức tín dụng khác và tiền gửi của khách hàng được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

15. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH

Các hợp đồng hoán đổi ngoại tệ

Đối với các hợp đồng hoán đổi, chênh lệch giữa giá trị theo đồng Việt Nam của số lượng ngoại tệ cam kết mua/bán tính theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản "Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác" nếu dương, hoặc khoản mục công nợ "Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác" nếu âm. Chênh lệch này sau đó được phân bổ tuyến tính vào khoản mục "Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối" theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của hợp đồng.

Các hợp đồng hoán đổi lãi suất

Giá trị cam kết trong các giao dịch hợp đồng hoán đổi lãi suất không được ghi nhận trên Báo cáo tình hình tài chính. Chênh lệch lãi suất hoán đổi được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ TRÍCH TRƯỚC

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

17. VỐN VÀ CÁC QUỸ DỰ TRỮ

Vốn điều lệ của Công ty được ghi nhận khi các quyền và nghĩa vụ của các cổ đông và Công ty liên quan tới vốn điều lệ được xác lập. Vốn điều lệ được ghi nhận theo mệnh giá.

Trong năm 2025, Công ty thực hiện trích lập các quỹ dự trữ theo Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15, với tỷ lệ trích lập từng quỹ như sau:

Loại quỹ	Trích lập hàng năm	Số dư tối đa	Mục đích sử dụng
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	10% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ	Bổ sung vốn điều lệ, vốn được cấp
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định	Bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi xử lý bằng dự phòng đã trích lập trước đó

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

Nghị định số 135/2025/NĐ-CP

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 135/2025/NĐ-CP ("Nghị định 135") quy định về Chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn Nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn Nhà nước.

Theo đó, Nghị định 135 bổ sung, chỉnh sửa quy định về việc phân phối lợi nhuận sau thuế hằng năm của tổ chức tín dụng theo thứ tự sau:

(i) Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo các giao dịch, hợp đồng đã ký kết (nếu có).

(ii) Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp.

(iii) Trích 10% lợi nhuận sau thuế vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của tổ chức tín dụng hoặc vào quỹ dự trữ bổ sung vốn được cấp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Mức tối đa của quỹ này không được vượt quá mức vốn điều lệ của tổ chức tín dụng hoặc vốn được cấp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

(iv) Phần lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản nêu trên được phân phối theo thứ tự sau:

a) Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính;

b) Việc phân chia phần lợi nhuận còn lại do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tự quyết định theo quy định tại Điều lệ, quy chế tài chính, quy chế nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Nghị định 135 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025. Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo quy định của Nghị định 135 kể từ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

18. GHI NHẬN THU NHẬP VÀ CHI PHÍ

Thu nhập lãi và chi phí lãi

Thu nhập lãi và chi phí lãi được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Thông tư 31 sẽ không được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty thực nhận.

Phí dịch vụ và hoa hồng

Chi phí hoa hồng môi giới bao gồm chi phí cho đại lý, các bên thứ ba và môi giới cho vay được hạch toán phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ 9 đến 22 tháng theo thời hạn trung bình mà khoản vay tồn tại trên nội bảng tính theo các nhóm sản phẩm. Các khoản phí dịch vụ được hạch toán trên cơ sở dự chi.

Cổ tức

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thường nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Công ty mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

Doanh thu và chi phí khác

Đối với các khoản doanh thu khác, khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Theo Thông tư số 16/2018/TT-BTC ngày 7 tháng 2 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, đối với các khoản phải thu đã hạch toán vào thu nhập nhưng sau đó được đánh giá không thu được hoặc đến kỳ hạn thu không thu được thì Công ty hạch toán giảm doanh thu nếu cùng năm tài chính hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác năm tài chính và theo dõi ngoại bảng để đơn đốc thu. Khi thu được các khoản này, Công ty sẽ hạch toán vào "Thu nhập từ hoạt động khác" trên Báo cáo kết quả hoạt động.

Chi phí khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến được thu hồi từ (hoặc phải nộp cho) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

20. CÁC NGHIỆP VỤ BẰNG NGOẠI TỆ

Theo hệ thống kế toán của Công ty, tất cả các nghiệp vụ phát sinh được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá quy định vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính (xem Thuyết minh số VII.9.3). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Công ty được quy đổi ra VND theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VND trong năm được ghi nhận và theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên "Vốn chủ sở hữu" và được kết chuyển vào Báo cáo kết quả hoạt động tại thời điểm cuối năm tài chính.

21. LỢI ÍCH CỦA NHÂN VIÊN

21.1. Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội. Công ty phải đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm tai nạn và bệnh nghề nghiệp cho mỗi nhân viên lần lượt bằng 17% và 0,5% lương cơ bản hàng tháng của họ trong thời gian làm việc. Ngoài ra, Công ty không có một nghĩa vụ nào khác.

21.2. Trợ cấp thất nghiệp

Theo quy định của Pháp luật hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

21.3. Trợ cấp thôi việc

Theo Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 1 năm 2021 và Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ - Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động, Công ty có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cho người lao động tự nguyện thôi việc và đáp ứng đầy đủ các yếu tố theo quy định của pháp luật. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

22. BÙ TRỪ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được căn trừ và thể hiện giá trị ròng trên Báo cáo tình hình tài chính chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để thực hiện việc căn trừ và Công ty dự định thanh toán tài sản và nợ phải trả theo giá trị ròng hoặc việc tất toán tài sản và nợ phải trả xảy ra đồng thời.

23. CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị: Triệu VND

1. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC, ĐÁ QUÝ

	Tại 31/12/2025	Tại 31/12/2024
Tiền mặt bằng VND	6.862	4.112
Tiền mặt bằng ngoại tệ	272	248
Cộng	7.134	4.360

2. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

	Tại 31/12/2025	Tại 31/12/2024
Tiền gửi thanh toán bằng VND	416.434	497.188
Tiền gửi thanh toán bằng ngoại tệ	26	25
Cộng	416.460	497.213

Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) bao gồm tiền gửi thanh toán và dự trữ bắt buộc tại NHNN. Số dư bình quân dự trữ bắt buộc hàng tháng không được thấp hơn tỷ lệ dự trữ bắt buộc nhân với bình quân số dư tiền gửi của tháng trước tại Công ty.

Theo quy định của NHNN về dự trữ bắt buộc, Công ty phải duy trì một khoản dự trữ nhất định tại NHNN dưới dạng dự trữ bắt buộc, được tính bằng 3,00% số dư tiền gửi của khách hàng bằng VND có kỳ hạn dưới 12 tháng và 1,00% số dư tiền gửi của khách hàng bằng VND có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên. Tại thời điểm cuối năm, các khoản tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng VND được hưởng lãi suất tương ứng là 0,50%/năm đối với tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng VND và 0,00%/năm đối với tiền gửi vượt dự trữ bắt buộc bằng VND.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty thực hiện tuân thủ theo quy định của NHNN về dự trữ bắt buộc.

3. TIỀN GỬI CÁC TCTD KHÁC

3.1 Tiền gửi tại các TCTD khác

	Tại 31/12/2025	Tại 31/12/2024
Tiền gửi không kỳ hạn	979.217	1.199.962
- Bằng VND	822.416	1.037.115
- Bằng ngoại tệ	156.801	162.847
Tiền gửi có kỳ hạn	5.428.800	3.691.763
- Bằng VND	5.428.800	1.903.550
- Bằng ngoại tệ	-	1.788.213
Cộng	6.408.017	4.891.725

3.2 Chất lượng dư nợ tiền gửi tại các TCTD khác

Phân tích chất lượng dư nợ tiền gửi (không bao gồm tiền gửi không kỳ hạn) tại các TCTD khác như sau

Nhóm nợ	Tại 31/12/2025	Tại 31/12/2024
Nợ đủ tiêu chuẩn	5.428.800	3.691.763

4. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	Tại 31/12/2025	Tại 31/12/2024
Chứng khoán nợ	2.113.408	408.523
Trái phiếu do các tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành – đã niêm yết	-	408.523
Trái phiếu do các tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành – chưa niêm yết	872.426	-
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành – chưa niêm yết	1.240.982	-
Chứng khoán kinh doanh khác	3.934.983	305.682
Chứng chỉ tiền gửi do các tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành – chưa niêm yết	3.934.983	305.682
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	(9.306)	-
Dự phòng chung	(9.306)	-
Cộng	6.039.085	714.205

Phân tích chất lượng chứng khoán kinh doanh được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng:

	Tại 31/12/2025	Tại 31/12/2024
Nợ đủ tiêu chuẩn	6.048.391	714.205

5. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2025	Tại 31/12/2024
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	58.640.665	43.541.425
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	3.104.464	3.261.557
Cộng	61.745.129	46.802.982

Số dư cho vay khách hàng theo loại tiền tệ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

	Tại 31/12/2025	Tại 31/12/2024
Cho vay bằng VND	58.665.646	43.586.167
Cho vay bằng ngoại tệ	3.079.483	3.216.815
Cộng	61.745.129	46.802.982

5.1 Phân tích chất lượng nợ cho vay

	Tại 31/12/2025	Tại 31/12/2024
Nợ đủ tiêu chuẩn	60.702.949	45.616.957
Nợ cần chú ý	469.651	818.091
Nợ dưới tiêu chuẩn	141.250	82.278
Nợ nghi ngờ	148.358	223.381
Nợ có khả năng mất vốn	282.921	62.275
Cộng	61.745.129	46.802.982

5.2 Phân tích dư nợ theo thời gian

	Tại 31/12/2025	Tại 31/12/2024
Nợ ngắn hạn	25.762.826	21.017.008
Nợ trung hạn	25.032.373	18.708.460
Nợ dài hạn	10.949.930	7.077.514
Cộng	61.745.129	46.802.982

5.3 Phân tích dư nợ theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	Tại 31/12/2025	Tại 31/12/2024
Công ty TNHH MTV do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ	3.033.797	3.174.027
Công ty TNHH khác	32.522.030	24.690.721
Công ty cổ phần có vốn cổ phần của Nhà nước chiếm trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối đối với công ty trong Điều lệ của công ty	145.798	158.985
Công ty cổ phần khác	23.579.741	16.187.103
Hộ kinh doanh, cá nhân	2.463.763	2.592.146
Cộng	61.745.129	46.802.982

5.4 Phân tích dư nợ cho vay theo ngành kinh tế

	Tại 31/12/2025	Tại 31/12/2024
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	8.760	9.795
Khai khoáng	-	316.206
Công nghiệp chế biến, chế tạo	1.561.230	603.086
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	10.172.060	7.288.809
Xây dựng	10.215.359	5.726.800
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	13.412.971	12.083.275
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	2.860.286	2.103.961
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	4.784.000	4.832.418
Hoạt động kinh doanh bất động sản	8.001.949	3.512.607
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	4.562.107	3.555.873
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	292.351	139.150
Hoạt động dịch vụ khác	2.025.167	2.115.237
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	2.446.197	2.591.584
Ngành khác	1.402.692	1.924.181
Cộng	61.745.129	46.802.982

6. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG

Công ty thực hiện việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Dự nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 được sử dụng cho việc phân loại nợ và trích lập dự phòng này. Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng cho vay khách hàng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể	Tổng cộng
Số dư tại 01/01/2024	250.190	210.421	460.611
Trích lập dự phòng trong năm	100.366	544.940	645.306
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(609.584)	(609.584)
Số dư tại 31/12/2024	350.556	145.777	496.333
Số dư tại 01/01/2025	350.556	145.777	496.333
Trích lập dự phòng trong năm	110.411	703.502	813.913
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(450.506)	(450.506)
Số dư tại 31/12/2025	460.967	398.773	859.740

7. HOẠT ĐỘNG MUA NỢ

	Tại 31/12/2025	Tại 31/12/2024
Mua nợ bằng VND	1.988.000	-
Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ (dự phòng chung)	(14.910)	-
Cộng	1.973.090	-

Chi tiết giá trị các khoản nợ đã mua như sau:

	Tại 31/12/2025	Tại 31/12/2024
Nợ gốc đã mua	1.988.000	-

Phân tích chất lượng hoạt động mua nợ tại thời điểm kết thúc năm tài chính như sau:

	Tại 31/12/2025	Tại 31/12/2024
Nợ đủ tiêu chuẩn	1.988.000	-

8. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

8.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	Tại 31/12/2025	Tại 31/12/2024
Chứng khoán nợ	1.308.964	419.801
Trái phiếu Chính phủ	246.498	105.875
Chứng khoán Nợ của các TCTD khác trong nước	62.466	313.926
Chứng chỉ tiền gửi của các TCTD khác trong nước	1.000.000	-
Chứng khoán vốn	486.948	1.662.374
Chứng khoán Vốn do các TCKT trong nước phát hành	486.948	1.662.374
Cộng	1.795.912	2.082.175
Dự phòng rủi ro giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	(38.384)	(179.987)
Dự phòng rủi ro giảm giá	(38.384)	(179.987)
Tổng cộng	1.757.528	1.902.188

8.2 Tình hình biến động dự phòng các khoản chứng khoán đầu tư

	Dự phòng giảm giá	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể	Cộng
Số dư tại 01/01/2024	104.524	120	-	104.644
Trích lập/(hoàn nhập) trong năm	75.463	(120)	-	75.343
Số dư tại 31/12/2024	179.987	-	-	179.987
Số dư tại 01/01/2025	179.987	-	-	179.987
Trích lập/(hoàn nhập) trong năm	(141.603)	-	-	(141.603)
Số dư tại 31/12/2025	38.384	-	-	38.384

8.3 Phân loại chất lượng chứng khoán nợ của TCTD và TCKT được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng theo Thông tư 31

	Tại 31/12/2025	Tại 31/12/2024
Nợ đủ tiêu chuẩn	1.000.000	249.424
Cộng	1.000.000	249.424

9 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2025	Tại 31/12/2024
Các khoản đầu tư dài hạn khác	1.844.487	1.881.987
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(60.271)	(55.510)
Cộng	1.784.216	1.826.477

Biến động số dư dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
Số dư đầu năm	55.510	8.586
Số dự phòng trích lập trong năm	4.761	46.924
Số dư cuối năm	60.271	55.510

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số tại 01/01/2025	8.280	50.687	23.749	22.968	1.850	107.534
Mua trong năm	5.000	44	3.795	4.188	555	13.582
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.647)	(4.369)	(5.411)	(1.798)	(13.225)
Số tại 31/12/2025	13.280	49.084	23.175	21.745	607	107.891
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	12.903	12.139	11.512	107	36.661
Giá trị hao mòn						
Số tại 01/01/2025	(2.786)	(41.481)	(16.358)	(21.843)	(1.424)	(83.892)
Tăng do trích khấu hao trong năm	(415)	(4.710)	(1.473)	(1.196)	(55)	(7.849)
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	1.647	2.966	5.410	1.742	11.765
Phân loại lại	-	5	-	391	(396)	-
Số tại 31/12/2025	(3.201)	(44.539)	(14.865)	(17.238)	(133)	(79.976)
Giá trị còn lại						
Số tại 01/01/2025	5.494	9.206	7.391	1.125	426	23.642
Số tại 31/12/2025	10.079	4.545	8.310	4.507	474	27.915

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá				
Số tại 01/01/2025	18.244	72.018	8.812	99.074
Mua sắm trong năm	176.500	300	1.365	178.165
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(30)	(30)
Số tại 31/12/2025	194.744	72.318	10.147	277.209
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	21.266	1.150	22.416
Giá trị hao mòn				
Số tại 01/01/2025	-	(54.250)	(3.157)	(57.407)
Tăng do trích khấu hao trong năm	-	(6.847)	(1.918)	(8.765)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	30	30
Số tại 31/12/2025	-	(61.097)	(5.045)	(66.142)
Giá trị còn lại				
Số tại 01/01/2025	18.244	17.768	5.655	41.667
Số tại 31/12/2025	194.744	11.221	5.102	211.067

12. TÀI SẢN CÓ KHÁC**12.1 Các khoản phải thu**

	Tại 31/12/2025	Tại 31/12/2024
Các khoản phải thu nội bộ	3.579	3.235
Các khoản phải thu bên ngoài	1.369.226	1.955.478
Mua sắm tài sản cố định	271	1
Các khoản ký quỹ, ký cược:	1.106.393	1.682.678
- Đặt cọc mua Trái phiếu Chính phủ	400.000	800.000
- Đặt cọc mua trụ sở văn phòng (*)	700.000	880.000
- Ký cược, ký quỹ khác	6.393	2.678
Các khoản chờ Ngân sách Nhà nước thanh toán	560	560
Các khoản phải thu khác:	262.002	272.239
- Phải thu từ các khoản mua bán chứng khoán	39	11.969
- Phải thu từ các hợp đồng mua và bán lại	15.947	15.947
- Phải thu từ các hợp đồng hợp tác đầu tư	14.824	17.824
- Phải thu đối tác trả chậm ủy thác đầu tư	1.406	1.406
- Phải thu các khoản thu hộ, chi hộ	71.601	51.438
- Phải thu tiền trả lãi đối tác nước ngoài chưa đến hạn thanh toán (**)	138.050	144.398
- Phải thu khác	20.135	29.257
Cộng	1.372.805	1.958.713

(*) Khoản đặt cọc mua trụ sở văn phòng theo Thỏa thuận hợp tác giữa Công ty và đối tác nhằm thực hiện chủ trương đầu tư, mua trụ sở tòa nhà Văn phòng theo Nghị quyết Hội đồng quản trị đã ban hành năm 2024.

(**) Khoản Công ty thanh toán trước kỳ nghỉ lễ cho đối tác nước ngoài nhằm đảm bảo thanh toán kịp thời khoản vay đến hạn ngày 05/01/2026. Sau ngày 05/01/2026, khoản phải thu đã hết số dư do được bù trừ với khoản phải trả đối tác nước ngoài.

12.2 Các khoản phải lãi, phí phải thu

	Tại 31/12/2025	Tại 31/12/2024
Lãi cho vay chưa thu được	1.978.837	1.386.093
Lãi phải thu từ công cụ tài chính phái sinh	67.560	3.375
Lãi phải thu từ đầu tư chứng khoán	39.885	7.505
Lãi tiền gửi chưa thu được	6.040	11.446
Lãi phải thu từ hoạt động mua bán nợ	1.605	-
Phí phải thu khác	12.075	14.189
Cộng	2.106.002	1.422.608

12.3 Tài sản có khác

	Tại 31/12/2025	Tại 31/12/2024
Chi phí chờ phân bổ	115.810	70.513
Công cụ, dụng cụ	-	25
Cộng	115.810	70.538

12.4 Dự phòng rủi ro các tài sản Có nội bảng khác

Chi tiết dự phòng cho các tài sản Có nội bảng khác như sau:

	Tại 31/12/2025	Tại 31/12/2024
Dự phòng phải thu từ các hợp đồng mua và bán lại	15.947	15.947
Dự phòng các khoản hợp tác đầu tư	14.824	17.824
Dự phòng khoản trả chậm ủy thác đầu tư	1.406	1.406
Dự phòng phải thu từ các khoản mua bán chứng khoán	40	11.969
Dự phòng khác	14.143	14.278
Cộng	46.360	61.424

Tình hình biến động dự phòng cho các tài sản Có nội bảng khác trong năm như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
Số dư đầu năm	61.424	190.698
Số dự phòng trích lập/(hoàn nhập) trong năm	(3.135)	(129.274)
Sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong năm	(11.929)	-
Số dư cuối năm	46.360	61.424

13. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC

	Tại 31/12/2025	Tại 31/12/2024
Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	6.528.858	3.870.200
Tiền gửi có kỳ hạn	6.528.858	3.870.200
- Bằng VND	6.528.858	3.623.550
- Bằng ngoại tệ	-	246.650
Vay các TCTD khác	10.480.363	7.864.093
Vay các TCTD trong nước, các ngân hàng nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác tại Việt Nam	8.809.213	6.828.163
- Bằng VND	7.516.000	4.300.000
- Bằng ngoại tệ	1.293.213	2.528.163
Vay các TCTD nước ngoài	1.671.150	1.035.930
- Bằng ngoại tệ	1.671.150	1.035.930
Cộng	17.009.221	11.734.293

14. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

14.1 Thuyết minh theo loại hình tiền gửi

	Tại 31/12/2025	Tại 31/12/2024
Tiền gửi không kỳ hạn	2.363	2.023
- Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	2.363	2.023
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	14.550.037	10.208.593
- Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	14.550.037	10.208.593
Tiền gửi ký quỹ	-	107
- Tiền ký quỹ bằng VND	-	107
Cộng	14.552.400	10.210.723

14.2. Thuyết minh theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp

	Tại 31/12/2025	Tại 31/12/2024
Công ty TNHH MTV do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ	456.645	220.000
Công ty TNHH khác	1.556.907	15.966
Công ty cổ phần khác	11.895.448	9.464.703
Các đối tượng khác	643.400	510.054
Cộng	14.552.400	10.210.723

15. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC TÀI SẢN/(NỢ PHẢI TRẢ) TÀI CHÍNH KHÁC

	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá trên hợp đồng)	Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày báo cáo)		Giá trị thuần
		Tài sản	Nợ phải trả	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025. Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ				
- Giao dịch hoán đổi tiền tệ	17.891.813	-	(255.396)	(255.396)
	17.891.813	-	(255.396)	(255.396)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024. Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ				
- Giao dịch hoán đổi tiền tệ	18.377.061	42.631	(207.348)	(164.717)
	18.377.061	42.631	(207.348)	(164.717)

16. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TỔ CHỨC TÍN DỤNG CHỊU RỦI RO

	Tại 31/12/2025	Tại 31/12/2024
Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng VND	-	431.377
Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng ngoại tệ	8.636.750	8.156.297
Cộng	8.636.750	8.587.674

17. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

	Tại 31/12/2025	Tại 31/12/2024
Chứng chỉ tiền gửi bằng VND		
Mệnh giá	28.432.000	16.831.000
Trái phiếu		
Mệnh giá	2.410.000	1.725.000
Cộng	30.842.000	18.556.000

Chi tiết kỳ hạn của chứng chỉ tiền gửi phát hành như sau:

	Tại 31/12/2025	Tại 31/12/2024
Chứng chỉ tiền gửi bằng VND	28.432.000	16.831.000
Dưới 12 tháng	2.585.000	5.861.000
<i>Bằng VND</i>	<i>2.585.000</i>	<i>5.861.000</i>
Từ 12 tháng đến 5 năm	25.847.000	10.970.000
<i>Bằng VND</i>	<i>25.847.000</i>	<i>10.970.000</i>
Trái phiếu	2.410.000	1.725.000
Từ 12 tháng đến 5 năm	895.000	-
<i>Bằng VND</i>	<i>895.000</i>	<i>-</i>
Trên 5 năm	1.515.000	1.725.000
<i>Bằng VND</i>	<i>1.515.000</i>	<i>1.725.000</i>
Cộng	30.842.000	18.556.000

18. CÁC KHOẢN LÃI, PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2025	Tại 31/12/2024
Lãi phải trả cho tiền gửi	238.023	137.095
Lãi phải trả về phát hành các giấy tờ có giá	1.011.976	569.855
Lãi phải trả cho tiền vay	144.918	189.455
Lãi phải trả cho vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay	112.704	137.017
Lãi phải trả cho các công cụ tài chính phái sinh	-	2.690
Phí phải trả khác	-	54
Cộng	1.507.621	1.036.166

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CÔNG NỢ KHÁC

	Tại 31/12/2025	Tại 31/12/2024
Các khoản phải trả nội bộ	85.640	49.757
Phải trả cho nhân viên	40.082	22.335
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	45.558	27.422
Các khoản phải trả bên ngoài	292.841	252.043
Các khoản phải trả, phải nộp NSNN (Xem thuyết minh V.20)	184.066	139.193
Cổ tức phải trả	20.205	21.033
Các khoản chờ thanh toán – nghiệp vụ tín dụng	67.703	75.603
Các khoản chờ thanh toán – nghiệp vụ đầu tư	3.150	3.060
Chi phí trích trước	276	267
Phải trả Nhà cung cấp	10.028	10.252
Phải trả cho các đối tác thu hộ, chi hộ	1.335	430
Tiền thu từ việc bán nợ	1.150	-
Các khoản phải trả khác	4.928	2.205
Cộng	378.481	301.800

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 31/12/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Tại 31/12/2025
Thuế GTGT hàng bán nội địa	106	184	(272)	18
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	132.643	209.888	(162.643)	179.888
Các loại thuế khác	6.444	44.723	(47.007)	4.160
Cộng	139.193	254.795	(209.922)	184.066

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) là 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập được tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty và các quy định thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.104.225	703.774
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(7.620)	24.641
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện cuối năm trước thực hiện trong năm nay	(21.194)	97
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm	11.862	21.194
- Chi phí không được trừ	1.711	3.350
Thu nhập chịu thuế	1.096.605	728.415
Thu nhập được miễn thuế (cổ tức, lợi nhuận được chia)	(47.166)	(15.204)
Thu nhập tính thuế	1.049.438	713.211
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông từ hoạt động kinh doanh	209.888	142.642
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp kỳ trước	-	310
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	209.888	142.952

21. VỐN VÀ CÁC QUỸ CỦA CÔNG TY**21.1. Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:**

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Vốn đầu tư XD CB, mua sắm TSCĐ	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2024	7.042.483	350.562	29.991	241.248	159.644	629.962	2.328	8.456.218
Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức trong năm	563.175	-	-	-	-	(563.175)	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	560.822	-	560.822
Trích lập các quỹ trong năm từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	32.838	16.419	(59.109)	-	(9.852)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	7.605.658	350.562	29.991	274.086	176.063	568.500	2.328	9.007.188
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	894.337	-	894.337
Trích lập các quỹ trong năm từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	56.082	72.501	(153.819)	-	(25.236)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	7.605.658	350.562	29.991	330.168	248.564	1.309.018	2.328	9.876.289

21.2. Quỹ của Công ty

	Tại 31/12/2025	Tại 31/12/2024
Quỹ đầu tư phát triển	29.991	29.991
Quỹ dự phòng tài chính	330.168	274.086
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	248.564	176.063
Cộng	608.723	480.140

21.3. Cổ phiếu

Chi tiết cổ phiếu của Công ty như sau:

	31/12/2025 (cổ phiếu)	31/12/2024 (cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	760.565.802	760.565.802
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	760.565.802	760.565.802
- Cổ phiếu phổ thông	760.565.802	760.565.802
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	760.565.802	760.565.802
- Cổ phiếu phổ thông	760.565.802	760.565.802
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

21.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Công ty chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Chi tiết lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty như sau:

	2025	2024
Lợi nhuận sau thuế (triệu VND)	894.337	560.822
Trích lập các Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(40.245)	(25.237)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (triệu VND)	854.092	535.585
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (cổ phiếu) (**)	760.565.802	760.565.802
Lãi trên mỗi cổ phiếu (VND)		
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	1.123	704
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.123	704

(*) Tỷ lệ tạm trích được lấy theo Luật Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 và theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ-TCĐL ngày 05 tháng 04 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Tỷ lệ tạm trích Quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành được tạm tính bằng 1,5% lợi nhuận sau thuế, căn cứ theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT-TCĐL ngày 16/01/2025 của Hội đồng quản trị và được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ-TCĐL ngày 05 tháng 04 năm 2025.

(**) Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm được xác định như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
Số lượng cổ phiếu lưu hành đầu năm	760.565.802	704.248.289
Ảnh hưởng của số lượng cổ phiếu phát hành trong năm 2024 để chia cổ tức	-	56.317.513
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân	760.565.802	760.565.802

21.5. Chi tiết vốn đầu tư

	31/12/2025			31/12/2024		
	Tổng số (triệu VND)	Vốn cổ phần thưởng (triệu VND)	Tỷ lệ	Tổng số (triệu VND)	Vốn cổ phần thưởng (triệu VND)	Tỷ lệ
Tổ chức	600.770	600.770	7,9%	606.939	606.939	8%
Cá nhân	7.004.888	7.004.888	92,1%	6.998.719	6.998.719	92%
	7.605.658	7.605.658	100%	7.605.658	7.605.658	100%

21.6. Cổ tức

Việc chia cổ tức sẽ được quyết định tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

Đơn vị: Triệu VND

	Năm 2025	Năm 2024
Thu nhập lãi tiền gửi	309.649	177.335
Thu nhập từ lãi cho vay khách hàng	5.127.167	4.057.433
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ	52.262	34.217
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	2.119	6.170
Thu từ hoạt động mua nợ	4.375	-
Thu khác từ hoạt động tín dụng	6.398	1.625
Cộng	5.501.970	4.276.780

2. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC KHOẢN CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí lãi tiền gửi	875.381	435.232
Chi phí lãi tiền vay	615.524	574.851
Chi phí lãi phát hành giấy tờ có giá	1.710.253	1.413.006
Chi phí hoạt động tín dụng khác	409.071	409.356
Cộng	3.610.229	2.832.445

3. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	Năm 2025	Năm 2024
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	65.217	74.791
Thu từ nghiệp vụ ủy thác, đại lý	-	73
Thu từ nghiệp vụ môi giới bảo hiểm	150	1.039
Thu khác từ phí dịch vụ quản lý khoản vay	65.067	73.679
Chi phí hoạt động dịch vụ	(17.564)	(34.532)
Chi về dịch vụ thanh toán	(2.343)	(3.132)
Chi phí hoa hồng môi giới	(302)	(144)
Chi về dịch vụ khác	(14.919)	(31.256)
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ	47.653	40.259

4. LÃI/(LỖ) THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	Năm 2025	Năm 2024
Thu nhập từ kinh doanh ngoại hối	78.939	123.633
Thu về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	75.423	44.617
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	3.516	79.016
Chi phí từ kinh doanh ngoại hối	(128.163)	(166.775)
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(79.000)	(74.563)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(49.163)	(92.212)
Lãi/(lỗ) thuần từ kinh doanh ngoại hối	(49.224)	(43.142)

5. LÃI/(LỖ) THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	Năm 2025	Năm 2024
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	36.478	18.225
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh	(7.771)	(3.008)
Trích lập dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	(9.307)	-
Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	19.400	15.217

6. LÃI/(LỖ) THUẬN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	Năm 2025	Năm 2024
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	169.171	26.694
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(140.002)	(1.097)
Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	141.603	(75.343)
Lãi/(lỗ) thuận từ mua bán chứng khoán đầu tư	170.772	(49.746)

7. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN

	Năm 2025	Năm 2024
Cổ tức nhận được từ các khoản đầu tư, góp vốn mua cổ phần	47.166	15.204
Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư, góp vốn mua cổ phần	-	207
Cộng	47.166	15.411

8. LÃI/(LỖ) THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
Thu nhập từ hoạt động khác	88.302	80.311
Thu nhập từ nợ đã xử lý rủi ro	87.984	76.341
Thu nhập từ nghiệp vụ mua bán nợ	116	-
Thu nhập khác	202	3.970
Chi phí từ hoạt động khác	(2.236)	(560)
Chi phí khác	(2.236)	(560)
Lãi/(lỗ) thuận từ hoạt động khác	86.066	79.751

9. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	Năm 2025	Năm 2024
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	953	1.187
Chi phí cho nhân viên	169.799	143.687
- Chi lương và phụ cấp	150.650	127.419
- Các khoản chi đóng góp theo lương	11.224	11.270
- Các khoản chi khác	7.351	4.878
- Các khoản chi trợ cấp	101	120
Chi về tài sản	41.139	39.528
- Chi khấu hao tài sản cố định	16.614	15.985
- Chi khác về tài sản	24.525	23.543
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	67.009	50.953
- Công tác phí	4.888	5.238
- Chi cho hoạt động đoàn thể của tổ chức tín dụng	928	772
- Chi phí khác	61.666	44.943
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng rủi ro đầu tư dài hạn	4.761	46.924
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng rủi ro tài sản có khác	(3.135)	(129.274)
Cộng	280.526	153.005

10. CHI PHÍ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

	Năm 2025	Năm 2024
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (xem thuyết minh số V.7)	(813.913)	(645.306)
Dự phòng chung cho hoạt động mua nợ	(14.910)	-
Cộng	(828.823)	(645.306)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị: Triệu VND

	Tại 31/12/2025	Tại 31/12/2024
Tiền mặt và các khoản tương đương tiền tại quỹ	7.134	4.360
Tiền gửi tại NHNN	416.460	497.213
Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác	979.217	1.199.962
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	5.428.800	3.691.763
Cộng	6.831.611	5.393.298

VIII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Đơn vị: Triệu VND

	Năm 2025	Năm 2024
I. Tổng số cán bộ, công nhân viên bình quân (người)	282	295
II. Thu nhập của cán bộ, công nhân viên		
1. Tổng quỹ lương	143.186	123.066
2. Tiền thưởng	4.145	4.697
3. Thu nhập khác	3.259	3.332
4. Tổng thu nhập (1+2+3)	150.590	131.095
5. Tiền lương bình quân tháng/người (triệu VND)	42,31	34,76
6. Thu nhập bình quân tháng/người (triệu VND)	44,50	37,03

2. TÀI SẢN, GIẤY TỜ CÓ GIÁ THỂ CHẤP, CẦM CỐ VÀ CHIẾT KHẤU, TÁI CHIẾT KHẤU

	Tại 31/12/2025	Tại 31/12/2024
Bất động sản, Quyền tài sản và Bất động sản hình thành trong tương lai	73.949.655	84.985.016
Giấy tờ có giá	17.866.149	16.496.943
Tài sản khác	109.638.581	94.700.580
Cộng	201.454.385	196.182.539

3. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Công ty ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoài bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Công ty khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Cam kết bảo lãnh là các cam kết mà Công ty cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba, bao gồm nhiều loại như bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh dự thầu,... Rủi ro tín dụng đối với bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán về cơ bản giống với rủi ro cho vay khách hàng; các loại bảo lãnh khác có mức độ rủi ro thấp hơn.

Chi tiết các khoản công nợ tiềm ẩn và cam kết như sau:

	Tại 31/12/2025	Tại 31/12/2024
Cam kết bảo lãnh	38.359	34.330
Cam kết bảo lãnh thanh toán	-	6.465
Cam kết bảo lãnh thực hiện hợp đồng	1.722	25.426
Cam kết bảo lãnh khác	36.637	2.439

4. LÃI CHO VAY VÀ PHÍ PHẢI THU CHƯA THU ĐƯỢC

	Tại 31/12/2025	Tại 31/12/2024
Lãi cho vay chưa thu được bằng đồng Việt Nam	225.988	218.937
Lãi chứng khoán chưa thu được	29.722	29.722
Phí phải thu chưa thu được	21.291	39.411
Cộng	277.001	288.070

5. NỢ KHÓ ĐÒI ĐÃ XỬ LÝ

	Tại 31/12/2025	Tại 31/12/2024
Nợ gốc của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	1.659.488	1.370.821
Nợ lãi của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	1.582.323	1.466.950
Cộng	3.241.811	2.837.771

6. TÀI SẢN VÀ CHỨNG TỬ CÓ GIÁ KHÁC

	Tại 31/12/2025	Tại 31/12/2024
Tài sản khác giữ hộ	2.763.457	3.042.974
Các chứng tử có giá trị khác đang bảo quản	3.242.728	1.015.226
Cộng	6.006.185	4.058.200

7. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, Công ty có phát sinh các giao dịch với các bên liên quan. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Công ty nếu:

(a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:

- kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Công ty (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
- có vốn góp (sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên) vào Công ty và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty;
- có quyền đồng kiểm soát Công ty.

(b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Công ty là một bên liên doanh, liên kết (sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con);

(c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Hội đồng Quản trị hoặc Ban Điều hành của Công ty;

(d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc

(e) Bên liên quan là một đơn vị trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Danh sách các bên liên quan có giao dịch hoặc số dư chủ yếu với Công ty trong năm như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Chi tiết
(*) Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Alpha (Bên liên quan kể từ ngày 24/11/2025)	Có cùng thành viên quản lý chủ chốt	Ông Lê Hoài Nam – Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Alpha từ ngày 24/11/2025
(*) Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Amber và nhóm người có liên quan (Bên liên quan kể từ ngày 25/12/2025)	Nhóm cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	Nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% cổ phần kể từ ngày 25/12/2025.
(*) Công ty Cổ phần Amya Holdings (Bên liên quan đến ngày 05/04/2025)	Có cùng thành viên quản lý chủ chốt	Ông Nguyễn Trung Thành – Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đến ngày 05/04/2025, đồng thời là Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Amya Holdings

Chi tiết số dư chủ yếu của Công ty với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm:

	31/12/2025	31/12/2024
Cho vay khách hàng		
Công ty Cổ phần Amya Holdings	(*)	316.206
Các khoản lãi, phí phải thu		
Công ty Cổ phần Amya Holdings	(*)	1.164
Góp vốn, đầu tư dài hạn		
Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Alpha	52.500	(*)
Tiền gửi của khách hàng		
Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Alpha	215.000	(*)
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Amber	19.600	(*)
Phát hành chứng chi tiền gửi		
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Amber	1.646.000	(*)
Các khoản lãi, phí phải trả		
Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Alpha	936	(*)
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Amber	54.448	(*)

Chi tiết giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm (trong khoảng thời gian là bên liên quan):

	Năm 2025	Năm 2024
Thu nhập lãi		
Công ty Cổ phần Amya Holdings	8.248	39.828
Chi phí lãi		
Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Alpha	936	(*)
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Amber	2.080	22.971
Góp vốn		
Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Alpha	52.500	(*)
Cho vay		
Công ty cổ phần Amya Holdings	-	120.768
Thu hồi gốc cho vay		
Công ty Cổ phần Amya Holdings	40.000	40.000
Nhận tiền gửi, bán chứng chỉ tiền gửi		
Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Alpha	215.000	(*)
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Amber	-	1.183.400
Hoàn trả tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi khi đáo hạn		
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Amber	75.000	553.740

Tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác, tiền lương/thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
Thù lao của Hội đồng Quản trị	6.103	3.775
Tiền lương của Tổng giám đốc và Người quản lý khác	11.095	9.896
Tiền lương/ thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát	2.897	2.225
	20.095	15.896
Trong đó:		
Thù lao của Hội đồng quản trị	6.103	3.775
Ông Phạm Trung Kiên	2.277	1.619
Ông Lê Mạnh Linh (*)	1.009	539
Ông Nguyễn Trung Thành	127	539
Ông Lê Hoài Nam	721	539
Ông Nguyễn Văn Hải	1.222	539
Ông Mai Danh Hiên (*)	747	-
Tiền lương của Tổng Giám đốc và Người quản lý khác	11.095	9.896
Ông Lê Mạnh Linh (*)	1.253	
Ông Mai Danh Hiên (*)	2.368	2.334
Ông Lê Anh Tuấn	2.177	1.446
Bà Tôn Thị Hải Yến	2.266	1.292
Ông Nguyễn Xuân Điệp (*)	1.514	-
Ông Đào Lê Huy (*)	410	1.501
Ông Hoàng Thế Hưng	-	439
Ông Đào Lê Huy	(**)	1.501
Ông Lâm Nguyễn Thiện Nhơn	(**)	274
Ông Mai Xuân Đông	(**)	725
Ông Hoàng Nhật Nam	(**)	824
Ông Nguyễn Tiến Sỹ	(**)	49
Ông Tống Nhật Linh	1.107	1.012
Tiền lương/ thù lao của Ban Kiểm soát	2.897	2.225

(*) Có thay đổi về bổ nhiệm, miễn nhiệm trong năm (trình bày chi tiết tại Mục 2- Thông tin chung).

(**) Không tham gia điều hành theo Điều lệ 2025 về tổ chức và hoạt động công ty.

8. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

	Tổng dư nợ cho vay	Tổng tiền gửi tại các TCTD	Các cam kết tín dụng	Công cụ tài chính phái sinh (Tổng giá trị hợp đồng)	Kinh doanh và đầu tư chứng khoán
Trong nước	61.745.129	6.824.477	38.359	17.891.813	7.844.303
	61.745.129	6.824.477	38.359	17.891.813	7.844.303

9. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro luôn tiềm ẩn trong hoạt động của Công ty và được kiểm soát thông qua các quy trình, quy định nội bộ và hoạt động kiểm soát thường xuyên tùy thuộc vào mức độ rủi ro. Quy trình kiểm soát rủi ro là then chốt đối với khả năng sinh lợi của Công ty và mỗi cá nhân trong Công ty có trách nhiệm ngăn chặn các rủi ro liên quan đến công việc của họ. Công ty đối mặt với các loại rủi ro: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường (được phân loại thành rủi ro kinh doanh và rủi ro không liên quan đến kinh doanh). Ngoài ra, Công ty cũng chịu rủi ro hoạt động. Quy trình kiểm soát rủi ro độc lập không bao gồm các rủi ro kinh doanh chẳng hạn như những thay đổi của môi trường, công nghệ và ngành nghề. Những rủi ro này được kiểm soát bởi quy trình xây dựng kế hoạch chiến lược của Công ty.

9.1. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động của công ty tài chính do khách hàng hoặc đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết.

Để quản lý rủi ro tín dụng Công ty sử dụng các công cụ: xây dựng chính sách và ban hành các quy định liên quan công tác quản lý rủi ro tín dụng; xây dựng các quy trình tín dụng; thực hiện rà soát rủi ro tín dụng; xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng và phân loại nợ; phân cấp thẩm quyền trong hoạt động tín dụng.

Công ty đã duy trì một chính sách quản lý rủi ro tín dụng đảm bảo những nguyên tắc cơ bản sau: thiết lập một môi trường quản lý rủi ro tín dụng phù hợp; hoạt động theo một quy trình cấp tín dụng lành mạnh; duy trì một quy trình quản lý, đo lường và giám sát tín dụng phù hợp; và đảm bảo kiểm soát đầy đủ đối với rủi ro tín dụng.

Công ty tiến hành xét duyệt tín dụng qua nhiều cấp để đảm bảo một khoản tín dụng được xem xét một cách độc lập; đồng thời việc phê duyệt các khoản vay được thực hiện trên cơ sở hạn mức tín dụng được giao cho từng cấp có thẩm quyền. Bên cạnh đó, mô hình phê duyệt tín dụng của Công ty có sự tham gia của Hội đồng tín dụng để đảm bảo hoạt động phê duyệt tín dụng được tập trung với chất lượng cao nhất.

9.2. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất phát sinh do có những sự thay đổi về lãi suất có ảnh hưởng đến giá trị của các công cụ tài chính. Công ty sẽ có nguy cơ chịu rủi ro lãi suất do sự không tương xứng hay chênh lệch giữa ngày đáo hạn hoặc ngày xác định lại lãi suất của tài sản, nợ phải trả và các công cụ ngoại bảng trong một giai đoạn nhất định. Công ty quản lý rủi ro này chủ yếu bằng cách quản lý mức chênh lệch cảm với lãi suất và quản lý lợi nhuận trong suốt thời hạn hợp đồng.

Bảng dưới đây trình bày thời gian thay đổi lãi suất theo kỳ hạn còn lại của tài sản và nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Đơn vị: Triệu VND

Tại 31/12/2025	Thay đổi lãi suất trong khoảng thời gian					Tổng		
	Quá hạn	Không chịu lãi	Đến 1 tháng	Từ 1-3 tháng	Từ 3-6 tháng		Từ 6-12 tháng	Từ 1-5 năm
Tài sản								
Tiền mặt	-	7.134	-	-	-	-	-	7.134
Tiền gửi tại NHNN	-	-	416.460	-	-	-	-	416.460
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	6.329.217	78.800	-	-	-	6.408.017
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	104.592	-	1.897.345	1.933.046	2.113.408	6.048.391
Cho vay khách hàng và mua nợ (*)	595.575	-	39.862.996	16.464.008	2.860.011	632.821	131.188	63.733.129
Chứng khoán đầu tư (*)	-	486.948	-	-	1.000.000	-	258.964	1.795.912
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	1.844.487	-	-	-	-	-	1.844.487
Tài sản cố định	-	238.982	-	-	-	-	-	238.982
Các tài sản Có khác (*)	52.438	3.542.179	-	-	-	-	-	3.594.617
Tổng tài sản	648.013	6.119.730	46.713.265	16.542.808	5.757.356	2.565.867	2.503.560	84.087.129
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu								
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	6.128.858	950.000	2.549.545	6.352.418	1.028.400	17.009.221
Tiền gửi khách hàng	-	-	813.497	2.278.748	3.301.207	4.939.903	3.219.045	14.552.400
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	80.204	56.020	71.180	47.992	-	255.396
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	64.275	64,275	839,748	4,476,111	8,636,750
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	1.365.000	3.947.000	11.812.000	11.238.000	965.000	30.842.000
Các khoản nợ khác	-	1.886.102	-	-	-	-	-	1.886.102
Tổng nợ phải trả	-	1.886.102	8.387.559	7.296.043	17.798.207	23.418.061	9.688.556	73.181.869
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng	648.013	4.233.628	38.325.706	9.246.765	(12.040.851)	(20.852.194)	(7.184.996)	10.905.260

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro

9.3. Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là VND. Tuy nhiên, một số tài sản khác của Công ty lại bằng các ngoại tệ.

Tỷ giá của các loại ngoại tệ quan trọng tại thời điểm lập báo cáo như sau:

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
	VND	VND
USD	25.710	24.665
EUR	31.014	26.661
GBP	35.360	31.958
JPY	168	162
AUD	17.593,5	15.840
CNY	3.756	-

Phân loại tài sản và công nợ theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VND tại thời điểm kết thúc cuối năm tài chính như sau:

Đơn vị: Triệu VND

Tại 31/12/2025	USD được quy đổi	EUR được quy đổi	Các ngoại tệ khác được quy đổi	Cộng
Tài sản				
Tiền mặt	147	125	-	272
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	26	-	-	26
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	149.220	3.223	4.358	156.801
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	8.818.209	-	-	8.818.209
Cho vay khách hàng (*)	3.079.483	-	-	3.079.483
Tài sản Có khác (*)	220.075	2	2.242	222.319
Tổng tài sản	12.267.160	3.350	6.600	12.277.110
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu				
Tiền gửi của và vay từ Ngân hàng Nhà nước và các TCTD khác	2.964.363	-	-	2.964.363
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	8.636.750	-	-	8.636.750
Các khoản nợ khác	142.029	-	-	142.029
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	11.743.142	-	-	11.743.142
Trạng thái tiền tệ nội bảng	524.018	3.350	6.600	533.968
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	-	-	-	-
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	524.018	3.350	6.600	533.968

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro

9.4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện những nghĩa vụ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Công ty có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn ở những thời điểm bình thường hoặc khó khăn. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, Công ty phải huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của Công ty. Đồng thời, Công ty có chính sách linh hoạt để quản lý tính thanh khoản của tài sản, theo dõi dòng tiền tương lai và tính thanh khoản hàng ngày. Công ty cũng đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản đảm bảo hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và nợ phải trả thể hiện thời gian còn lại của tài sản và nợ phải trả tính từ ngày lập báo cáo tài chính đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành. Công ty cũng thực hiện phân tích thời gian đáo hạn của các tài sản và nợ phải trả để quản lý thanh khoản.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và nợ phải trả của Công ty:

- Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán. Do đó, thời gian đến hạn được xếp loại đến một (1) tháng;
- Thời gian đến hạn của các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác, các khoản cho vay khách hàng và chứng khoán đầu tư giữ

đến ngày đến hạn được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các kế ước cho vay được gia hạn;

- Các khoản tiền gửi và vay của các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng;
- Thời gian đến hạn của tài sản cố định được xếp loại dựa trên thời gian sử dụng hữu ích còn lại và giá trị còn lại ước tính;
- Thời gian đến hạn của tài sản cố khác, các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác và các khoản nợ khác được xác định dựa vào thời hạn đến hạn của các tài sản và công nợ.



Bảng tóm tắt các khoản tài sản và nợ của Công ty theo nhóm kỳ hạn tính từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày đáo hạn:

Đơn vị: Triệu VND

Tại 31/12/2025	Quá hạn Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Trong hạn Đến 1 tháng	Từ 1 – 3 tháng	Từ 3 – 12 tháng	Từ 1 – 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
Tài sản								
Tiền mặt	-	-	7.134	-	-	-	-	7.134
Tiền gửi tại NHNN	-	-	416.460	-	-	-	-	416.460
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	-	-	6.329.217	78.800	-	-	-	6.408.017
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	104.592	-	3.830.391	2.113.408	-	6.048.391
Cho vay khách hàng và mua nợ (*)	363.469	232.106	5.838.321	6.029.501	25.989.008	20.231.497	5.049.227	63.733.129
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	486.947	-	1.000.000	258.965	50.000	1.795.912
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	-	1.844.487	1.844.487
Tài sản cố định	-	-	-	-	-	-	238.982	238.982
Tài sản Có khác (*)	46.360	6.078	1.309.976	91.778	1.070.827	777.936	291.662	3.594.617
Tổng tài sản	409.829	238.184	14.492.647	6.200.079	31.890.226	23.381.806	7.474.358	84.087.129
Nợ phải trả								
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	6.128.858	950.000	8.901.963	1.028.400	-	17.009.221
Tiền gửi của khách hàng	-	-	813.497	2.278.748	8.241.110	3.219.045	-	14.552.400
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	80.204	56.020	119.172	-	-	255.396
Nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	64.275	904.023	4.476.111	3.192.341	8.636.750
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	1.365.000	3.947.000	23.050.000	965.000	1.515.000	30.842.000
Các khoản nợ khác	-	-	1.362.755	99.577	240.831	74.222	108.717	1.886.102
Tổng nợ phải trả	-	-	9.750.314	7.395.620	41.457.099	9.762.778	4.816.058	73.181.869
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	409.829	238.184	4.742.333	(1.195.541)	(9.566.873)	13.619.028	2.658.300	10.905.260

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro

10. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty:

Đơn vị: Triệu VND

Giá trị ghi sổ							Giá trị hợp lý
Tài sản tài chính	Kinh doanh	Giữ đến ngày đáo hạn	Sẵn sàng để bán	Cho vay và phải thu	Tài sản và nợ khác hạch toán theo giá trị phân bổ	Cộng	
Tại 31/12/2025							
Tiền mặt	7.134	-	-	-	-	7.134	7.134
Tiền gửi tại NHNN	-	-	-	416.460	-	416.460	416.460
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	-	-	-	6.408.017	-	6.408.017	(**)
Chứng khoán kinh doanh (*)	6.048.391	-	-	-	-	6.048.391	6.048.391
Cho vay khách hàng và mua nợ (*)	-	-	-	63.733.129	-	63.733.129	(**)
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	1.795.912	-	-	1.795.912	(**)
Đầu tư dài hạn khác (*)	-	-	1.844.487	-	-	1.844.487	(**)
Các khoản phải thu (*)	-	-	-	1.368.395	-	1.368.395	(**)
Các khoản lãi, phí phải thu (*)	-	-	-	2.106.002	-	2.106.002	(**)
Tổng tài sản	6.055.525	-	3.640.399	74.032.003	-	83.727.927	
Nợ phải trả							
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	-	17.009.221	17.009.221	(**)
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	14.552.400	14.552.400	(**)
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	-	255.396	255.396	(**)

Giá trị ghi sổ							Giá trị hợp lý
Tài sản tài chính	Kinh doanh	Giữ đến ngày đáo hạn	Sẵn sàng để bán	Cho vay và phải thu	Tài sản và nợ khác hạch toán theo giá trị phân bổ	Cộng	
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	30.842.000	30.842.000	(**)
Các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	-	1.616.396	1.616.396	(**)
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	72.912.163	72.912.163	

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này xấp xỉ giá trị ghi sổ do các công cụ tài chính này có thời hạn ngắn.

(**) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không thể xác định được do hiện nay chưa có các hướng dẫn và quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan chức năng về xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính.

11. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh tài chính, tiền tệ và chỉ hoạt động trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

12. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2025 yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Người lập biểu

Trương Tuấn Đạt

Kế toán trưởng

Tống Nhật Linh

Tổng Giám đốc

Lê Mạnh Linh



CÔNG TY TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Trụ sở

Tầng 6 & 7, Tòa nhà Thaisquare
Calliria, Số 11A Cát Linh, Phường
Ô Chợ Dừa, TP. Hà Nội

T. (84-24) 2222 9999

F. (84-24) 2222 1999

Chi nhánh Hà Nội

Số 466 Lạc Long Quân,
Phường Tây Hồ,
TP. Hà Nội

T. (84-24) 2222 8999

F. (84-24) 2222 6999

Chi nhánh Đà Nẵng

Lô A2.12 Đường 30 tháng 4,
Phường Hoà Cường,
TP. Đà Nẵng

T. (84-236) 222 3456

F. (84-236) 222 2240

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Lô H (ii) và I (i), Tầng 9, Tòa nhà
Sunwah Tower, 115 Đại lộ Nguyễn Huệ,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

T. (84-28) 2222 9999

F. (84-28) 2222 8999